

CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH
VIỆT NAM

Số: 148/2024/TB-VPA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2024

THÔNG BÁO
THỜI GIAN ĐẤU GIÁ TRỰC TUYẾN BIỂN SỐ XE Ô TÔ NGÀY 28/10/2024

Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam trân trọng thông báo thời gian tổ chức đấu giá biển số xe ô tô ngày 28/10/2024 như sau:

1. Danh sách biển số xe ô tô, thời hạn nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước, thời gian tổ chức đấu giá: (Có danh sách chi tiết)

2. Địa điểm đấu giá, cách thức nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước

- Địa điểm đấu giá: Trang thông tin đấu giá trực tuyến <https://vpa.com.vn>.

- Cách thức nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước:

* Đối với các biển số xe ô tô đấu giá ngày 28/10/2024: Trước 16h30' ngày 25/10/2024 (theo thời gian báo có của tài khoản Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam chậm nhất đến 16h30' ngày 25/10/2024).

+ Tổng số tiền: 40.100.000 đồng/biển số xe ô tô (Bằng chữ: Bốn mươi triệu một trăm nghìn đồng). Trong đó: tiền đặt trước: 40.000.000 đồng; tiền hồ sơ tham gia đấu giá: 100.000 đồng.

+ Tên tài khoản: Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam.

+ Số tài khoản: 1410999999999

+ Tại: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Mỹ Đình (Agribank Mỹ Đình).

+ Nội dung chuyển khoản: nhập "mã số thanh toán" trong phần **Nội dung chuyển khoản/Nội dung giao dịch** tại mục "**Thanh toán biển số xe**" trên Trang thông tin đấu giá trực tuyến biển số xe ô tô.

- Thời lượng đấu giá: Tối thiểu 25 phút/01 biển số xe ô tô.

Lưu ý: Mã xác thực để truy cập đấu giá trực tuyến sẽ được hệ thống gửi đến số điện thoại và email của Quý khách đã đăng ký tối thiểu trước 60 phút khi cuộc đấu giá bắt đầu. Quý khách cần hỗ trợ, vui lòng liên hệ hotline: 1900.05.5515

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Cục Cảnh sát giao thông - Bộ Công an;
- Cổng thông tin điện tử - Bộ Công an;
- Trang thông tin đấu giá trực tuyến;
- Các điểm niêm yết theo quy định;
- Lưu HS, VT./.

GIÁM ĐỐC


Lâm Thị Mai Anh

DANH SÁCH ĐẤU GIÁ TRỰC TUYẾN BIỂN SỐ XE Ô TÔ NGÀY 28/10/2024

Thời hạn nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước: chậm nhất đến 16h30p ngày 25/10/2024
(theo thời gian báo có của tài khoản Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam).

**Ca đấu buổi sáng****Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'****Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'****Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'**

STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1	14K-000.01	Quảng Ninh	1601	26C-166.66	Sơn La	3201	78A-222.22	Phú Yên
2	14A-999.91	Quảng Ninh	1602	15K-469.66	Hải Phòng	3202	14C-468.66	Quảng Ninh
3	17A-499.94	Thái Bình	1603	15K-488.84	Hải Phòng	3203	17A-455.88	Thái Bình
4	20A-898.86	Thái Nguyên	1604	30M-089.98	Hà Nội	3204	19A-739.99	Phú Thọ
5	30M-246.66	Hà Nội	1605	37K-497.99	Nghệ An	3205	19C-279.99	Phú Thọ
6	37K-505.55	Nghệ An	1606	51L-916.66	Hồ Chí Minh	3206	30M-275.55	Hà Nội
7	49A-779.99	Lâm Đồng	1607	51M-218.88	Hồ Chí Minh	3207	34A-956.66	Hải Dương
8	51L-899.96	Hồ Chí Minh	1608	51M-226.66	Hồ Chí Minh	3208	37K-559.99	Nghệ An
9	51L-989.88	Hồ Chí Minh	1609	60K-629.99	Đồng Nai	3209	51L-946.66	Hồ Chí Minh
10	51M-077.79	Hồ Chí Minh	1610	61K-589.99	Bình Dương	3210	51L-998.98	Hồ Chí Minh
11	51M-106.66	Hồ Chí Minh	1611	79A-576.66	Khánh Hòa	3211	51M-088.68	Hồ Chí Minh
12	51M-139.79	Hồ Chí Minh	1612	79A-588.85	Khánh Hòa	3212	51M-188.81	Hồ Chí Minh
13	62A-486.88	Long An	1613	93A-516.66	Bình Phước	3213	51N-139.79	Hồ Chí Minh
14	74A-286.66	Quảng Trị	1614	98A-888.22	Bắc Giang	3214	61C-589.89	Bình Dương
15	98A-888.18	Bắc Giang	1615	98A-888.81	Bắc Giang	3215	62A-448.88	Long An
16	14C-382.86	Quảng Ninh	1616	15K-499.98	Hải Phòng	3216	14C-381.86	Quảng Ninh
17	23A-168.79	Hà Giang	1617	19A-639.66	Phú Thọ	3217	15K-386.39	Hải Phòng
18	29K-439.99	Hà Nội	1618	22A-268.79	Tuyên Quang	3218	15K-456.88	Hải Phòng
19	30K-613.13	Hà Nội	1619	25A-088.66	Lai Châu	3219	23A-168.99	Hà Giang
20	30L-813.13	Hà Nội	1620	28A-268.79	Hòa Bình	3220	29K-396.86	Hà Nội
21	30L-961.79	Hà Nội	1621	29K-326.66	Hà Nội	3221	30M-033.30	Hà Nội
22	30L-991.33	Hà Nội	1622	30L-032.69	Hà Nội	3222	30M-253.83	Hà Nội
23	30M-127.89	Hà Nội	1623	30M-113.83	Hà Nội	3223	30M-272.89	Hà Nội
24	30M-255.86	Hà Nội	1624	30M-139.89	Hà Nội	3224	30M-328.19	Hà Nội
25	37K-459.59	Nghệ An	1625	30M-222.55	Hà Nội	3225	34A-881.81	Hải Dương
26	43A-919.84	Đà Nẵng	1626	30M-226.26	Hà Nội	3226	37K-555.88	Nghệ An
27	43A-940.94	Đà Nẵng	1627	30M-363.36	Hà Nội	3227	37K-556.99	Nghệ An
28	47A-838.68	Đắk Lắk	1628	30M-378.99	Hà Nội	3228	51L-188.11	Hồ Chí Minh
29	47A-864.56	Đắk Lắk	1629	35A-397.68	Ninh Bình	3229	51L-337.39	Hồ Chí Minh
30	48A-222.69	Đắk Nông	1630	37K-393.90	Nghệ An	3230	51L-716.68	Hồ Chí Minh
31	51L-991.95	Hồ Chí Minh	1631	47A-839.89	Đắk Lắk	3231	51N-009.11	Hồ Chí Minh
32	51L-999.48	Hồ Chí Minh	1632	51L-349.49	Hồ Chí Minh	3232	51N-024.69	Hồ Chí Minh
33	51N-022.33	Hồ Chí Minh	1633	51L-951.59	Hồ Chí Minh	3233	51N-089.86	Hồ Chí Minh
34	62C-225.55	Long An	1634	51L-972.27	Hồ Chí Minh	3234	51N-115.89	Hồ Chí Minh
35	63C-239.99	Tiền Giang	1635	60C-785.55	Đồng Nai	3235	60K-413.13	Đồng Nai
36	68C-179.86	Kiên Giang	1636	62C-218.88	Long An	3236	63A-300.79	Tiền Giang
37	71A-222.99	Bến Tre	1637	63C-229.99	Tiền Giang	3237	64C-135.55	Vĩnh Long
38	72C-268.66	Bà Rịa - Vũng Tàu	1638	65A-515.99	Cần Thơ	3238	65C-277.79	Cần Thơ

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
39	77A-345.89	Bình Định	1639	79A-567.81	Khánh Hòa	3239	89A-555.27	Hưng Yên
40	78A-179.86	Phú Yên	1640	89A-539.68	Hưng Yên	3240	89A-563.68	Hưng Yên
41	99A-692.39	Bắc Ninh	1641	92A-355.99	Quảng Nam	3241	89C-326.89	Hưng Yên
42	99A-858.59	Bắc Ninh	1642	98A-868.99	Bắc Giang	3242	89C-345.55	Hưng Yên
43	30M-030.31	Hà Nội	1643	30M-040.77	Hà Nội	3243	30M-029.92	Hà Nội
44	30M-034.00	Hà Nội	1644	30M-052.69	Hà Nội	3244	30M-044.40	Hà Nội
45	30M-040.11	Hà Nội	1645	30M-057.22	Hà Nội	3245	30M-046.22	Hà Nội
46	30M-042.89	Hà Nội	1646	30M-058.77	Hà Nội	3246	30M-060.89	Hà Nội
47	30M-059.96	Hà Nội	1647	30M-069.77	Hà Nội	3247	30M-069.89	Hà Nội
48	30M-065.66	Hà Nội	1648	30M-082.00	Hà Nội	3248	30M-072.27	Hà Nội
49	30M-079.70	Hà Nội	1649	30M-087.99	Hà Nội	3249	30M-079.22	Hà Nội
50	30M-083.79	Hà Nội	1650	30M-095.99	Hà Nội	3250	30M-090.55	Hà Nội
51	30M-089.08	Hà Nội	1651	30M-097.89	Hà Nội	3251	30M-091.68	Hà Nội
52	30M-090.88	Hà Nội	1652	30M-098.68	Hà Nội	3252	30M-102.39	Hà Nội
53	30M-097.68	Hà Nội	1653	30M-102.22	Hà Nội	3253	30M-111.29	Hà Nội
54	30M-099.69	Hà Nội	1654	30M-111.24	Hà Nội	3254	30M-121.55	Hà Nội
55	30M-110.44	Hà Nội	1655	30M-114.44	Hà Nội	3255	30M-137.38	Hà Nội
56	30M-110.69	Hà Nội	1656	30M-115.77	Hà Nội	3256	30M-137.99	Hà Nội
57	30M-120.88	Hà Nội	1657	30M-124.69	Hà Nội	3257	30M-147.55	Hà Nội
58	30M-138.55	Hà Nội	1658	30M-140.68	Hà Nội	3258	30M-158.15	Hà Nội
59	30M-138.79	Hà Nội	1659	30M-142.66	Hà Nội	3259	30M-172.44	Hà Nội
60	30M-150.66	Hà Nội	1660	30M-146.68	Hà Nội	3260	30M-182.18	Hà Nội
61	30M-150.79	Hà Nội	1661	30M-152.79	Hà Nội	3261	30M-182.86	Hà Nội
62	30M-153.79	Hà Nội	1662	30M-162.22	Hà Nội	3262	30M-188.11	Hà Nội
63	30M-154.15	Hà Nội	1663	30M-165.22	Hà Nội	3263	30M-192.55	Hà Nội
64	30M-154.44	Hà Nội	1664	30M-167.16	Hà Nội	3264	30M-196.91	Hà Nội
65	30M-159.55	Hà Nội	1665	30M-202.33	Hà Nội	3265	30M-200.22	Hà Nội
66	30M-160.00	Hà Nội	1666	30M-215.88	Hà Nội	3266	30M-201.39	Hà Nội
67	30M-172.86	Hà Nội	1667	30M-219.96	Hà Nội	3267	30M-211.99	Hà Nội
68	30M-180.11	Hà Nội	1668	30M-220.68	Hà Nội	3268	30M-218.39	Hà Nội
69	30M-183.39	Hà Nội	1669	30M-222.29	Hà Nội	3269	30M-224.79	Hà Nội
70	30M-190.09	Hà Nội	1670	30M-232.66	Hà Nội	3270	30M-227.44	Hà Nội
71	30M-192.92	Hà Nội	1671	30M-258.55	Hà Nội	3271	30M-242.44	Hà Nội
72	30M-202.11	Hà Nội	1672	30M-263.00	Hà Nội	3272	30M-243.99	Hà Nội
73	30M-210.55	Hà Nội	1673	30M-263.55	Hà Nội	3273	30M-244.69	Hà Nội
74	30M-222.66	Hà Nội	1674	30M-298.55	Hà Nội	3274	30M-257.22	Hà Nội
75	30M-222.78	Hà Nội	1675	30M-309.33	Hà Nội	3275	30M-258.89	Hà Nội
76	30M-270.22	Hà Nội	1676	30M-314.00	Hà Nội	3276	30M-268.44	Hà Nội
77	30M-275.86	Hà Nội	1677	30M-319.13	Hà Nội	3277	30M-274.47	Hà Nội
78	30M-276.44	Hà Nội	1678	30M-323.00	Hà Nội	3278	30M-283.38	Hà Nội
79	30M-277.11	Hà Nội	1679	30M-323.79	Hà Nội	3279	30M-285.68	Hà Nội

41
 ÔNG
 JAU G
 ỘP D
 IỆT M
 XUÂN

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
80	30M-280.08	Hà Nội	1680	30M-325.89	Hà Nội	3280	30M-306.11	Hà Nội
81	30M-280.39	Hà Nội	1681	30M-327.28	Hà Nội	3281	30M-312.44	Hà Nội
82	30M-285.77	Hà Nội	1682	30M-328.33	Hà Nội	3282	30M-315.88	Hà Nội
83	30M-288.00	Hà Nội	1683	30M-340.69	Hà Nội	3283	30M-318.33	Hà Nội
84	30M-290.99	Hà Nội	1684	30M-348.55	Hà Nội	3284	30M-348.49	Hà Nội
85	30M-303.55	Hà Nội	1685	30M-352.39	Hà Nội	3285	30M-355.86	Hà Nội
86	30M-306.39	Hà Nội	1686	30M-356.53	Hà Nội	3286	30M-357.88	Hà Nội
87	30M-308.86	Hà Nội	1687	30M-364.86	Hà Nội	3287	30M-360.79	Hà Nội
88	30M-313.55	Hà Nội	1688	30M-372.69	Hà Nội	3288	30M-363.55	Hà Nội
89	30M-338.68	Hà Nội	1689	30M-375.11	Hà Nội	3289	30M-378.78	Hà Nội
90	30M-351.66	Hà Nội	1690	30M-377.33	Hà Nội	3290	30M-380.44	Hà Nội
91	30M-360.99	Hà Nội	1691	30M-398.55	Hà Nội	3291	30M-384.79	Hà Nội
92	30M-363.33	Hà Nội	1692	30M-399.88	Hà Nội	3292	30M-385.44	Hà Nội
93	30M-369.77	Hà Nội	1693	51L-902.69	Hồ Chí Minh	3293	30M-410.01	Hà Nội
94	30M-380.79	Hà Nội	1694	51L-905.50	Hồ Chí Minh	3294	30M-414.00	Hà Nội
95	30M-382.00	Hà Nội	1695	51L-906.86	Hồ Chí Minh	3295	30M-414.33	Hà Nội
96	30M-400.79	Hà Nội	1696	51L-908.77	Hồ Chí Minh	3296	30M-417.55	Hà Nội
97	30M-401.01	Hà Nội	1697	51L-909.44	Hồ Chí Minh	3297	51L-897.88	Hồ Chí Minh
98	30M-412.89	Hà Nội	1698	51L-914.41	Hồ Chí Minh	3298	51L-902.39	Hồ Chí Minh
99	30M-412.99	Hà Nội	1699	51L-930.77	Hồ Chí Minh	3299	51L-902.66	Hồ Chí Minh
100	30M-414.39	Hà Nội	1700	51L-944.66	Hồ Chí Minh	3300	51L-912.99	Hồ Chí Minh
101	30M-416.55	Hà Nội	1701	51L-951.44	Hồ Chí Minh	3301	51L-916.77	Hồ Chí Minh
102	30M-417.17	Hà Nội	1702	51L-961.62	Hồ Chí Minh	3302	51L-917.19	Hồ Chí Minh
103	51L-897.39	Hồ Chí Minh	1703	51L-978.66	Hồ Chí Minh	3303	51L-930.66	Hồ Chí Minh
104	51L-904.88	Hồ Chí Minh	1704	51L-994.49	Hồ Chí Minh	3304	51L-940.39	Hồ Chí Minh
105	51L-905.77	Hồ Chí Minh	1705	51M-051.89	Hồ Chí Minh	3305	51L-957.86	Hồ Chí Minh
106	51L-919.86	Hồ Chí Minh	1706	51M-063.39	Hồ Chí Minh	3306	51L-981.11	Hồ Chí Minh
107	51L-922.86	Hồ Chí Minh	1707	51M-077.68	Hồ Chí Minh	3307	51L-989.79	Hồ Chí Minh
108	51L-926.44	Hồ Chí Minh	1708	51M-079.07	Hồ Chí Minh	3308	51L-991.33	Hồ Chí Minh
109	51L-936.68	Hồ Chí Minh	1709	51M-083.44	Hồ Chí Minh	3309	51M-058.44	Hồ Chí Minh
110	51L-941.42	Hồ Chí Minh	1710	51M-100.10	Hồ Chí Minh	3310	51M-062.00	Hồ Chí Minh
111	51L-957.00	Hồ Chí Minh	1711	51M-102.55	Hồ Chí Minh	3311	51M-063.60	Hồ Chí Minh
112	51L-982.98	Hồ Chí Minh	1712	51M-108.80	Hồ Chí Minh	3312	51M-088.00	Hồ Chí Minh
113	51L-986.44	Hồ Chí Minh	1713	51M-113.79	Hồ Chí Minh	3313	51M-093.00	Hồ Chí Minh
114	51L-995.33	Hồ Chí Minh	1714	51M-115.22	Hồ Chí Minh	3314	51M-093.68	Hồ Chí Minh
115	51M-055.05	Hồ Chí Minh	1715	51M-123.79	Hồ Chí Minh	3315	51M-095.69	Hồ Chí Minh
116	51M-060.60	Hồ Chí Minh	1716	51M-123.89	Hồ Chí Minh	3316	51M-098.00	Hồ Chí Minh
117	51M-064.55	Hồ Chí Minh	1717	51M-128.00	Hồ Chí Minh	3317	51M-101.89	Hồ Chí Minh
118	51M-064.69	Hồ Chí Minh	1718	51M-131.32	Hồ Chí Minh	3318	51M-109.11	Hồ Chí Minh
119	51M-065.79	Hồ Chí Minh	1719	51M-131.88	Hồ Chí Minh	3319	51M-123.11	Hồ Chí Minh
120	51M-071.33	Hồ Chí Minh	1720	51M-136.31	Hồ Chí Minh	3320	51M-131.69	Hồ Chí Minh



Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
121	51M-076.22	Hồ Chí Minh	1721	51M-143.39	Hồ Chí Minh	3321	51M-135.13	Hồ Chí Minh
122	51M-091.77	Hồ Chí Minh	1722	51M-171.86	Hồ Chí Minh	3322	51M-141.00	Hồ Chí Minh
123	51M-098.90	Hồ Chí Minh	1723	51M-171.99	Hồ Chí Minh	3323	51M-141.44	Hồ Chí Minh
124	51M-125.12	Hồ Chí Minh	1724	51M-175.75	Hồ Chí Minh	3324	51M-149.79	Hồ Chí Minh
125	51M-125.66	Hồ Chí Minh	1725	51M-177.66	Hồ Chí Minh	3325	51M-171.00	Hồ Chí Minh
126	51M-136.22	Hồ Chí Minh	1726	51M-186.18	Hồ Chí Minh	3326	51M-194.89	Hồ Chí Minh
127	51M-137.13	Hồ Chí Minh	1727	51M-187.89	Hồ Chí Minh	3327	51M-200.86	Hồ Chí Minh
128	51M-140.41	Hồ Chí Minh	1728	51M-191.69	Hồ Chí Minh	3328	51M-215.15	Hồ Chí Minh
129	51M-145.99	Hồ Chí Minh	1729	51M-198.11	Hồ Chí Minh	3329	51M-215.22	Hồ Chí Minh
130	51M-152.11	Hồ Chí Minh	1730	51M-211.33	Hồ Chí Minh	3330	51M-221.99	Hồ Chí Minh
131	51M-156.56	Hồ Chí Minh	1731	51M-212.66	Hồ Chí Minh	3331	51M-227.89	Hồ Chí Minh
132	51M-166.00	Hồ Chí Minh	1732	51M-217.11	Hồ Chí Minh	3332	51M-230.44	Hồ Chí Minh
133	51M-166.39	Hồ Chí Minh	1733	51M-236.55	Hồ Chí Minh	3333	51M-235.44	Hồ Chí Minh
134	51M-178.79	Hồ Chí Minh	1734	51M-238.33	Hồ Chí Minh	3334	51M-238.22	Hồ Chí Minh
135	51M-180.88	Hồ Chí Minh	1735	51M-244.55	Hồ Chí Minh	3335	51M-241.14	Hồ Chí Minh
136	51M-190.79	Hồ Chí Minh	1736	51M-248.49	Hồ Chí Minh	3336	51M-241.44	Hồ Chí Minh
137	51M-216.39	Hồ Chí Minh	1737	51M-257.25	Hồ Chí Minh	3337	51M-250.44	Hồ Chí Minh
138	51M-218.22	Hồ Chí Minh	1738	51M-264.99	Hồ Chí Minh	3338	51M-264.86	Hồ Chí Minh
139	51M-228.33	Hồ Chí Minh	1739	51M-278.55	Hồ Chí Minh	3339	51M-264.89	Hồ Chí Minh
140	51M-230.88	Hồ Chí Minh	1740	51M-280.39	Hồ Chí Minh	3340	51M-273.44	Hồ Chí Minh
141	51M-245.00	Hồ Chí Minh	1741	51M-287.11	Hồ Chí Minh	3341	51M-298.68	Hồ Chí Minh
142	51M-246.11	Hồ Chí Minh	1742	51M-287.89	Hồ Chí Minh	3342	51M-301.44	Hồ Chí Minh
143	51M-252.79	Hồ Chí Minh	1743	51M-288.79	Hồ Chí Minh	3343	51M-305.68	Hồ Chí Minh
144	51M-253.35	Hồ Chí Minh	1744	51M-290.99	Hồ Chí Minh	3344	51M-309.44	Hồ Chí Minh
145	51M-256.00	Hồ Chí Minh	1745	51M-297.98	Hồ Chí Minh	3345	51M-311.39	Hồ Chí Minh
146	51M-263.86	Hồ Chí Minh	1746	51M-303.39	Hồ Chí Minh	3346	51N-000.23	Hồ Chí Minh
147	51M-264.69	Hồ Chí Minh	1747	51M-310.13	Hồ Chí Minh	3347	51N-002.44	Hồ Chí Minh
148	51M-265.44	Hồ Chí Minh	1748	51N-009.09	Hồ Chí Minh	3348	51N-005.88	Hồ Chí Minh
149	51M-269.79	Hồ Chí Minh	1749	51N-014.11	Hồ Chí Minh	3349	51N-007.00	Hồ Chí Minh
150	51M-282.39	Hồ Chí Minh	1750	51N-019.66	Hồ Chí Minh	3350	51N-010.89	Hồ Chí Minh
151	51M-284.11	Hồ Chí Minh	1751	51N-023.02	Hồ Chí Minh	3351	51N-011.66	Hồ Chí Minh
152	51M-296.22	Hồ Chí Minh	1752	51N-026.20	Hồ Chí Minh	3352	51N-015.15	Hồ Chí Minh
153	51M-296.86	Hồ Chí Minh	1753	51N-031.66	Hồ Chí Minh	3353	51N-018.44	Hồ Chí Minh
154	51M-303.22	Hồ Chí Minh	1754	51N-032.66	Hồ Chí Minh	3354	51N-019.01	Hồ Chí Minh
155	51M-306.69	Hồ Chí Minh	1755	51N-033.34	Hồ Chí Minh	3355	51N-023.33	Hồ Chí Minh
156	51N-002.69	Hồ Chí Minh	1756	51N-044.68	Hồ Chí Minh	3356	51N-025.44	Hồ Chí Minh
157	51N-003.44	Hồ Chí Minh	1757	51N-044.99	Hồ Chí Minh	3357	51N-026.89	Hồ Chí Minh
158	51N-017.11	Hồ Chí Minh	1758	51N-057.11	Hồ Chí Minh	3358	51N-051.44	Hồ Chí Minh
159	51N-018.33	Hồ Chí Minh	1759	51N-057.33	Hồ Chí Minh	3359	51N-051.99	Hồ Chí Minh
160	51N-037.44	Hồ Chí Minh	1760	51N-085.39	Hồ Chí Minh	3360	51N-088.39	Hồ Chí Minh
161	51N-040.55	Hồ Chí Minh	1761	51N-088.33	Hồ Chí Minh	3361	51N-090.90	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
162	51N-050.50	Hồ Chí Minh	1762	51N-091.79	Hồ Chí Minh	3362	51N-102.44	Hồ Chí Minh
163	51N-054.79	Hồ Chí Minh	1763	51N-093.77	Hồ Chí Minh	3363	51N-104.99	Hồ Chí Minh
164	51N-061.06	Hồ Chí Minh	1764	51N-097.98	Hồ Chí Minh	3364	51N-119.89	Hồ Chí Minh
165	51N-073.69	Hồ Chí Minh	1765	51N-101.77	Hồ Chí Minh	3365	51N-126.27	Hồ Chí Minh
166	51N-077.39	Hồ Chí Minh	1766	51N-104.55	Hồ Chí Minh	3366	51N-131.00	Hồ Chí Minh
167	51N-082.33	Hồ Chí Minh	1767	51N-105.33	Hồ Chí Minh	3367	51N-138.31	Hồ Chí Minh
168	51N-105.39	Hồ Chí Minh	1768	51N-105.89	Hồ Chí Minh	3368	51N-139.44	Hồ Chí Minh
169	51N-109.22	Hồ Chí Minh	1769	51N-115.51	Hồ Chí Minh	3369	51N-139.96	Hồ Chí Minh
170	51N-114.11	Hồ Chí Minh	1770	51N-118.22	Hồ Chí Minh	3370	51N-141.55	Hồ Chí Minh
171	51N-147.44	Hồ Chí Minh	1771	51N-121.44	Hồ Chí Minh	3371	51N-142.00	Hồ Chí Minh
172	51N-147.47	Hồ Chí Minh	1772	51N-130.44	Hồ Chí Minh	3372	11D-011.79	Cao Bằng
173	51N-150.33	Hồ Chí Minh	1773	51N-134.79	Hồ Chí Minh	3373	12A-264.68	Lạng Sơn
174	11D-012.13	Cao Bằng	1774	51N-142.39	Hồ Chí Minh	3374	12A-268.55	Lạng Sơn
175	12B-017.39	Lạng Sơn	1775	51N-150.69	Hồ Chí Minh	3375	12C-145.22	Lạng Sơn
176	12D-009.90	Lạng Sơn	1776	51N-155.11	Hồ Chí Minh	3376	12D-008.09	Lạng Sơn
177	14A-993.39	Quảng Ninh	1777	12A-266.00	Lạng Sơn	3377	14A-992.44	Quảng Ninh
178	14C-459.11	Quảng Ninh	1778	12A-266.77	Lạng Sơn	3378	14A-994.66	Quảng Ninh
179	14C-461.44	Quảng Ninh	1779	12B-017.22	Lạng Sơn	3379	14A-996.97	Quảng Ninh
180	14C-463.63	Quảng Ninh	1780	12D-010.69	Lạng Sơn	3380	14A-998.77	Quảng Ninh
181	14K-000.29	Quảng Ninh	1781	14C-450.11	Quảng Ninh	3381	14B-053.86	Quảng Ninh
182	14K-011.01	Quảng Ninh	1782	14C-460.22	Quảng Ninh	3382	14B-054.68	Quảng Ninh
183	14K-014.55	Quảng Ninh	1783	14C-469.77	Quảng Ninh	3383	14C-450.33	Quảng Ninh
184	14K-020.88	Quảng Ninh	1784	14C-470.86	Quảng Ninh	3384	14C-457.33	Quảng Ninh
185	14K-026.86	Quảng Ninh	1785	14K-008.44	Quảng Ninh	3385	14C-469.88	Quảng Ninh
186	15C-485.44	Hải Phòng	1786	14K-015.77	Quảng Ninh	3386	14D-030.79	Quảng Ninh
187	15C-494.94	Hải Phòng	1787	14K-019.66	Quảng Ninh	3387	14K-000.03	Quảng Ninh
188	15C-495.95	Hải Phòng	1788	14K-022.11	Quảng Ninh	3388	14K-007.22	Quảng Ninh
189	15K-434.89	Hải Phòng	1789	14K-049.22	Quảng Ninh	3389	14K-009.69	Quảng Ninh
190	15K-437.00	Hải Phòng	1790	15C-483.86	Hải Phòng	3390	14K-010.68	Quảng Ninh
191	15K-452.86	Hải Phòng	1791	15C-485.85	Hải Phòng	3391	14K-010.77	Quảng Ninh
192	15K-457.68	Hải Phòng	1792	15D-054.99	Hải Phòng	3392	14K-016.33	Quảng Ninh
193	15K-458.85	Hải Phòng	1793	15D-056.65	Hải Phòng	3393	14K-045.40	Quảng Ninh
194	15K-461.33	Hải Phòng	1794	15K-438.69	Hải Phòng	3394	15B-056.00	Hải Phòng
195	15K-464.55	Hải Phòng	1795	15K-449.11	Hải Phòng	3395	15C-483.89	Hải Phòng
196	15K-475.00	Hải Phòng	1796	15K-450.45	Hải Phòng	3396	15C-484.39	Hải Phòng
197	15K-487.68	Hải Phòng	1797	15K-456.33	Hải Phòng	3397	15C-485.88	Hải Phòng
198	15K-489.79	Hải Phòng	1798	15K-457.69	Hải Phòng	3398	15C-490.44	Hải Phòng
199	15K-502.22	Hải Phòng	1799	15K-468.64	Hải Phòng	3399	15C-492.55	Hải Phòng
200	15K-503.05	Hải Phòng	1800	15K-477.78	Hải Phòng	3400	15C-493.68	Hải Phòng
201	15K-504.50	Hải Phòng	1801	15K-479.69	Hải Phòng	3401	15C-494.33	Hải Phòng
202	15K-507.66	Hải Phòng	1802	15K-482.00	Hải Phòng	3402	15C-497.00	Hải Phòng

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
203	15K-510.15	Hải Phòng	1803	15K-489.22	Hải Phòng	3403	15D-056.56	Hải Phòng
204	15K-512.39	Hải Phòng	1804	17A-499.39	Thái Bình	3404	15K-425.99	Hải Phòng
205	17A-505.39	Thái Bình	1805	17A-504.33	Thái Bình	3405	15K-430.88	Hải Phòng
206	17A-510.15	Thái Bình	1806	17A-506.05	Thái Bình	3406	15K-432.43	Hải Phòng
207	17C-220.33	Thái Bình	1807	17A-507.88	Thái Bình	3407	15K-440.22	Hải Phòng
208	17C-221.22	Thái Bình	1808	17A-509.50	Thái Bình	3408	15K-442.55	Hải Phòng
209	17D-013.13	Thái Bình	1809	17B-030.55	Thái Bình	3409	15K-448.79	Hải Phòng
210	18A-491.94	Nam Định	1810	17B-032.30	Thái Bình	3410	15K-459.00	Hải Phòng
211	18A-495.88	Nam Định	1811	17C-219.86	Thái Bình	3411	15K-463.11	Hải Phòng
212	18C-176.67	Nam Định	1812	17C-219.89	Thái Bình	3412	15K-468.46	Hải Phòng
213	18C-178.68	Nam Định	1813	17C-222.55	Thái Bình	3413	15K-471.79	Hải Phòng
214	18C-179.55	Nam Định	1814	17C-223.32	Thái Bình	3414	15K-483.38	Hải Phòng
215	18C-181.88	Nam Định	1815	17D-015.68	Thái Bình	3415	15K-487.11	Hải Phòng
216	19A-716.55	Phú Thọ	1816	18A-491.11	Nam Định	3416	15K-491.99	Hải Phòng
217	19A-724.69	Phú Thọ	1817	18A-499.77	Nam Định	3417	15K-498.86	Hải Phòng
218	19A-731.33	Phú Thọ	1818	18A-500.69	Nam Định	3418	15K-502.77	Hải Phòng
219	19A-732.68	Phú Thọ	1819	18A-509.05	Nam Định	3419	15K-513.11	Hải Phòng
220	19A-738.83	Phú Thọ	1820	18A-513.15	Nam Định	3420	17A-492.33	Thái Bình
221	19A-743.33	Phú Thọ	1821	19A-718.89	Phú Thọ	3421	17A-492.79	Thái Bình
222	19A-754.66	Phú Thọ	1822	19A-722.33	Phú Thọ	3422	17A-494.22	Thái Bình
223	19A-755.33	Phú Thọ	1823	19A-723.11	Phú Thọ	3423	17A-494.68	Thái Bình
224	19B-028.86	Phú Thọ	1824	19A-723.27	Phú Thọ	3424	18A-498.68	Nam Định
225	19C-267.67	Phú Thọ	1825	19A-733.11	Phú Thọ	3425	18A-510.79	Nam Định
226	19C-268.99	Phú Thọ	1826	19A-736.79	Phú Thọ	3426	18B-034.43	Nam Định
227	20A-860.86	Thái Nguyên	1827	19A-752.89	Phú Thọ	3427	18C-174.00	Nam Định
228	20A-864.86	Thái Nguyên	1828	19A-753.86	Phú Thọ	3428	18C-179.69	Nam Định
229	20A-866.89	Thái Nguyên	1829	19C-267.77	Phú Thọ	3429	18D-017.44	Nam Định
230	20A-869.88	Thái Nguyên	1830	19D-021.21	Phú Thọ	3430	18D-018.11	Nam Định
231	20A-874.66	Thái Nguyên	1831	20A-871.88	Thái Nguyên	3431	19A-718.17	Phú Thọ
232	20C-312.11	Thái Nguyên	1832	20A-894.69	Thái Nguyên	3432	19A-721.86	Phú Thọ
233	20C-312.55	Thái Nguyên	1833	20A-897.66	Thái Nguyên	3433	19A-722.39	Phú Thọ
234	20C-316.16	Thái Nguyên	1834	20A-905.05	Thái Nguyên	3434	19A-735.37	Phú Thọ
235	20C-317.89	Thái Nguyên	1835	20B-039.22	Thái Nguyên	3435	19A-742.47	Phú Thọ
236	20C-318.19	Thái Nguyên	1836	20C-310.55	Thái Nguyên	3436	19B-030.30	Phú Thọ
237	20D-033.79	Thái Nguyên	1837	20C-318.18	Thái Nguyên	3437	19C-267.44	Phú Thọ
238	21A-225.11	Yên Bái	1838	20C-318.33	Thái Nguyên	3438	19C-268.44	Phú Thọ
239	21B-017.22	Yên Bái	1839	20C-321.55	Thái Nguyên	3439	19C-268.55	Phú Thọ
240	21C-111.17	Yên Bái	1840	20C-324.11	Thái Nguyên	3440	19C-270.27	Phú Thọ
241	21C-114.79	Yên Bái	1841	20D-032.86	Thái Nguyên	3441	19C-273.00	Phú Thọ
242	21D-009.22	Yên Bái	1842	21A-222.03	Yên Bái	3442	19D-020.77	Phú Thọ
243	22A-271.71	Tuyên Quang	1843	21A-222.17	Yên Bái	3443	20A-864.39	Thái Nguyên

31.4
ÔNG
DẤU
ỢP D
IỆT I
'XUẤT

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
244	22A-280.39	Tuyên Quang	1844	21A-226.44	Yên Bái	3444	20A-876.33	Thái Nguyên
245	22C-118.22	Tuyên Quang	1845	21A-233.00	Yên Bái	3445	20A-891.68	Thái Nguyên
246	23A-163.86	Hà Giang	1846	21B-014.11	Yên Bái	3446	20A-891.89	Thái Nguyên
247	23A-166.11	Hà Giang	1847	21B-017.17	Yên Bái	3447	20A-900.55	Thái Nguyên
248	23A-170.22	Hà Giang	1848	21C-112.13	Yên Bái	3448	20A-904.79	Thái Nguyên
249	23C-090.09	Hà Giang	1849	21D-006.86	Yên Bái	3449	20C-315.69	Thái Nguyên
250	23D-008.22	Hà Giang	1850	21D-007.99	Yên Bái	3450	20C-319.91	Thái Nguyên
251	24A-319.33	Lào Cai	1851	22A-282.68	Tuyên Quang	3451	20C-321.79	Thái Nguyên
252	24A-324.33	Lào Cai	1852	22C-115.00	Tuyên Quang	3452	21A-223.86	Yên Bái
253	24C-170.11	Lào Cai	1853	22C-116.66	Tuyên Quang	3453	21A-225.86	Yên Bái
254	25A-085.22	Lai Châu	1854	24A-320.32	Lào Cai	3454	21A-228.55	Yên Bái
255	25C-062.60	Lai Châu	1855	24B-020.99	Lào Cai	3455	21B-016.61	Yên Bái
256	25D-009.89	Lai Châu	1856	24B-021.68	Lào Cai	3456	21C-111.59	Yên Bái
257	26A-240.04	Sơn La	1857	24D-013.13	Lào Cai	3457	22A-277.27	Tuyên Quang
258	26A-241.22	Sơn La	1858	25A-085.33	Lai Châu	3458	22A-277.55	Tuyên Quang
259	26C-167.99	Sơn La	1859	25B-011.55	Lai Châu	3459	22A-279.22	Tuyên Quang
260	27A-135.86	Điện Biên	1860	25C-062.88	Lai Châu	3460	22A-282.99	Tuyên Quang
261	28A-263.62	Hòa Bình	1861	26A-239.22	Sơn La	3461	22B-018.99	Tuyên Quang
262	28B-018.19	Hòa Bình	1862	26A-240.11	Sơn La	3462	23A-169.11	Hà Giang
263	28B-019.79	Hòa Bình	1863	26A-241.86	Sơn La	3463	23A-171.11	Hà Giang
264	28B-020.79	Hòa Bình	1864	26A-242.00	Sơn La	3464	23D-008.00	Hà Giang
265	28B-021.22	Hòa Bình	1865	26B-020.77	Sơn La	3465	24A-322.00	Lào Cai
266	28C-123.23	Hòa Bình	1866	26B-021.55	Sơn La	3466	24B-020.55	Lào Cai
267	28C-126.26	Hòa Bình	1867	27A-129.12	Điện Biên	3467	24B-021.00	Lào Cai
268	29D-636.44	Hà Nội	1868	27B-015.15	Điện Biên	3468	24C-167.00	Lào Cai
269	29K-346.00	Hà Nội	1869	27C-074.77	Điện Biên	3469	24D-011.86	Lào Cai
270	29K-349.55	Hà Nội	1870	27C-074.88	Điện Biên	3470	25A-088.33	Lai Châu
271	29K-350.77	Hà Nội	1871	27C-077.55	Điện Biên	3471	26C-163.16	Sơn La
272	29K-354.86	Hà Nội	1872	27D-007.88	Điện Biên	3472	26C-167.33	Sơn La
273	29K-367.99	Hà Nội	1873	27D-009.44	Điện Biên	3473	27A-130.77	Điện Biên
274	29K-374.22	Hà Nội	1874	28A-268.77	Hòa Bình	3474	27B-015.33	Điện Biên
275	29K-378.11	Hà Nội	1875	28C-124.69	Hòa Bình	3475	27D-007.86	Điện Biên
276	29K-384.11	Hà Nội	1876	29D-626.55	Hà Nội	3476	27D-009.22	Điện Biên
277	29K-388.39	Hà Nội	1877	29D-632.32	Hà Nội	3477	28A-269.62	Hòa Bình
278	29K-392.68	Hà Nội	1878	29D-632.36	Hà Nội	3478	28A-272.11	Hòa Bình
279	29K-393.00	Hà Nội	1879	29D-634.86	Hà Nội	3479	28B-017.44	Hòa Bình
280	29K-396.55	Hà Nội	1880	29D-641.11	Hà Nội	3480	28B-020.22	Hòa Bình
281	29K-404.44	Hà Nội	1881	29K-337.89	Hà Nội	3481	28D-012.77	Hòa Bình
282	29K-409.00	Hà Nội	1882	29K-339.22	Hà Nội	3482	29B-659.56	Hà Nội
283	29K-409.55	Hà Nội	1883	29K-340.89	Hà Nội	3483	29D-631.22	Hà Nội
284	29K-418.00	Hà Nội	1884	29K-346.86	Hà Nội	3484	29D-632.44	Hà Nội

T.Y
I.A
NH
AM
-T.P.V

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
285	29K-434.55	Hà Nội	1885	29K-361.44	Hà Nội	3485	29D-634.00	Hà Nội
286	29K-438.34	Hà Nội	1886	29K-369.33	Hà Nội	3486	29D-634.33	Hà Nội
287	29K-444.27	Hà Nội	1887	29K-369.36	Hà Nội	3487	29D-637.44	Hà Nội
288	29K-453.39	Hà Nội	1888	29K-380.00	Hà Nội	3488	29D-640.99	Hà Nội
289	29K-456.57	Hà Nội	1889	29K-407.22	Hà Nội	3489	29K-327.66	Hà Nội
290	29K-465.69	Hà Nội	1890	29K-410.44	Hà Nội	3490	29K-332.55	Hà Nội
291	29K-468.64	Hà Nội	1891	29K-410.68	Hà Nội	3491	29K-343.79	Hà Nội
292	29K-469.86	Hà Nội	1892	29K-422.00	Hà Nội	3492	29K-348.48	Hà Nội
293	29K-476.86	Hà Nội	1893	29K-432.43	Hà Nội	3493	29K-353.33	Hà Nội
294	34A-930.99	Hải Dương	1894	29K-450.99	Hà Nội	3494	29K-355.68	Hà Nội
295	34A-932.39	Hải Dương	1895	29K-451.88	Hà Nội	3495	29K-358.55	Hà Nội
296	34A-947.48	Hải Dương	1896	29K-453.35	Hà Nội	3496	29K-367.44	Hà Nội
297	34A-952.55	Hải Dương	1897	29K-454.44	Hà Nội	3497	29K-384.79	Hà Nội
298	34A-955.69	Hải Dương	1898	29K-460.06	Hà Nội	3498	29K-387.78	Hà Nội
299	34C-439.22	Hải Dương	1899	29K-463.66	Hà Nội	3499	29K-387.86	Hà Nội
300	34C-450.11	Hải Dương	1900	29K-472.72	Hà Nội	3500	29K-390.91	Hà Nội
301	34C-450.22	Hải Dương	1901	29K-472.99	Hà Nội	3501	29K-393.93	Hà Nội
302	34C-451.33	Hải Dương	1902	29K-474.47	Hà Nội	3502	29K-419.79	Hà Nội
303	34D-038.55	Hải Dương	1903	29K-477.55	Hà Nội	3503	29K-426.33	Hà Nội
304	35A-470.00	Ninh Bình	1904	34A-929.55	Hải Dương	3504	29K-429.22	Hà Nội
305	35A-470.86	Ninh Bình	1905	34A-930.79	Hải Dương	3505	29K-433.22	Hà Nội
306	35A-472.77	Ninh Bình	1906	34A-935.11	Hải Dương	3506	29K-444.07	Hà Nội
307	35A-474.39	Ninh Bình	1907	34A-942.43	Hải Dương	3507	29K-446.79	Hà Nội
308	35A-474.77	Ninh Bình	1908	34A-948.79	Hải Dương	3508	29K-448.68	Hà Nội
309	35A-476.44	Ninh Bình	1909	34A-957.44	Hải Dương	3509	29K-450.33	Hà Nội
310	35A-482.39	Ninh Bình	1910	34A-958.59	Hải Dương	3510	29K-452.22	Hà Nội
311	35C-184.55	Ninh Bình	1911	34A-959.39	Hải Dương	3511	29K-467.44	Hà Nội
312	35D-016.39	Ninh Bình	1912	34A-959.77	Hải Dương	3512	29K-468.77	Hà Nội
313	36B-048.84	Thanh Hóa	1913	34A-965.56	Hải Dương	3513	29K-472.33	Hà Nội
314	36C-558.11	Thanh Hóa	1914	34B-043.69	Hải Dương	3514	29K-474.11	Hà Nội
315	36C-558.79	Thanh Hóa	1915	34C-444.33	Hải Dương	3515	34A-926.00	Hải Dương
316	36C-564.55	Thanh Hóa	1916	34C-450.50	Hải Dương	3516	34A-934.00	Hải Dương
317	36C-571.88	Thanh Hóa	1917	34D-039.30	Hải Dương	3517	34A-936.22	Hải Dương
318	36C-580.33	Thanh Hóa	1918	34D-039.69	Hải Dương	3518	34A-937.68	Hải Dương
319	36C-581.22	Thanh Hóa	1919	35A-463.68	Ninh Bình	3519	34A-960.66	Hải Dương
320	36K-231.22	Thanh Hóa	1920	35A-468.44	Ninh Bình	3520	34A-964.99	Hải Dương
321	36K-254.11	Thanh Hóa	1921	35A-483.83	Ninh Bình	3521	34A-966.00	Hải Dương
322	36K-258.69	Thanh Hóa	1922	35B-022.69	Ninh Bình	3522	34A-976.33	Hải Dương
323	36K-259.77	Thanh Hóa	1923	35B-026.22	Ninh Bình	3523	34B-044.00	Hải Dương
324	36K-261.00	Thanh Hóa	1924	35D-016.44	Ninh Bình	3524	35A-463.99	Ninh Bình
325	36K-267.22	Thanh Hóa	1925	36B-050.51	Thanh Hóa	3525	35A-472.00	Ninh Bình

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
326	36K-271.33	Thanh Hóa	1926	36C-559.44	Thanh Hóa	3526	35A-482.89	Ninh Bình
327	36K-275.27	Thanh Hóa	1927	36C-560.33	Thanh Hóa	3527	35A-483.55	Ninh Bình
328	36K-284.77	Thanh Hóa	1928	36C-569.22	Thanh Hóa	3528	35C-181.99	Ninh Bình
329	36K-287.86	Thanh Hóa	1929	36C-574.88	Thanh Hóa	3529	35C-182.33	Ninh Bình
330	36K-291.88	Thanh Hóa	1930	36K-234.69	Thanh Hóa	3530	35C-186.44	Ninh Bình
331	36K-291.89	Thanh Hóa	1931	36K-235.35	Thanh Hóa	3531	36C-547.33	Thanh Hóa
332	36K-293.88	Thanh Hóa	1932	36K-240.24	Thanh Hóa	3532	36C-553.79	Thanh Hóa
333	36K-294.95	Thanh Hóa	1933	36K-241.79	Thanh Hóa	3533	36C-554.33	Thanh Hóa
334	37B-049.22	Nghệ An	1934	36K-250.51	Thanh Hóa	3534	36C-559.96	Thanh Hóa
335	37C-571.44	Nghệ An	1935	36K-270.79	Thanh Hóa	3535	36C-560.69	Thanh Hóa
336	37C-581.86	Nghệ An	1936	36K-274.11	Thanh Hóa	3536	36C-563.56	Thanh Hóa
337	37C-582.86	Nghệ An	1937	36K-287.00	Thanh Hóa	3537	36C-565.77	Thanh Hóa
338	37K-488.39	Nghệ An	1938	36K-291.19	Thanh Hóa	3538	36C-567.67	Thanh Hóa
339	37K-495.68	Nghệ An	1939	36K-295.59	Thanh Hóa	3539	36C-574.22	Thanh Hóa
340	37K-495.86	Nghệ An	1940	37C-574.00	Nghệ An	3540	36K-238.99	Thanh Hóa
341	37K-500.99	Nghệ An	1941	37C-575.75	Nghệ An	3541	36K-247.66	Thanh Hóa
342	37K-502.68	Nghệ An	1942	37C-595.99	Nghệ An	3542	36K-250.89	Thanh Hóa
343	37K-504.79	Nghệ An	1943	37D-049.04	Nghệ An	3543	36K-259.22	Thanh Hóa
344	37K-505.05	Nghệ An	1944	37K-484.39	Nghệ An	3544	36K-275.88	Thanh Hóa
345	37K-519.00	Nghệ An	1945	37K-502.00	Nghệ An	3545	36K-284.48	Thanh Hóa
346	37K-521.44	Nghệ An	1946	37K-502.77	Nghệ An	3546	36K-295.88	Thanh Hóa
347	37K-529.77	Nghệ An	1947	37K-504.44	Nghệ An	3547	36K-305.79	Thanh Hóa
348	37K-532.88	Nghệ An	1948	37K-511.15	Nghệ An	3548	36K-306.07	Thanh Hóa
349	37K-549.66	Nghệ An	1949	37K-515.11	Nghệ An	3549	37B-049.11	Nghệ An
350	37K-552.55	Nghệ An	1950	37K-515.79	Nghệ An	3550	37C-576.88	Nghệ An
351	38A-685.88	Hà Tĩnh	1951	37K-516.55	Nghệ An	3551	37D-048.44	Nghệ An
352	38A-687.22	Hà Tĩnh	1952	37K-517.44	Nghệ An	3552	37D-049.68	Nghệ An
353	38A-703.66	Hà Tĩnh	1953	37K-533.77	Nghệ An	3553	37K-482.44	Nghệ An
354	38C-246.77	Hà Tĩnh	1954	37K-535.36	Nghệ An	3554	37K-488.33	Nghệ An
355	38C-247.88	Hà Tĩnh	1955	37K-545.88	Nghệ An	3555	37K-492.68	Nghệ An
356	38C-251.33	Hà Tĩnh	1956	37K-561.39	Nghệ An	3556	37K-494.33	Nghệ An
357	38D-020.88	Hà Tĩnh	1957	37K-568.39	Nghệ An	3557	37K-503.04	Nghệ An
358	43A-946.39	Đà Nẵng	1958	37K-572.89	Nghệ An	3558	37K-512.88	Nghệ An
359	43A-971.68	Đà Nẵng	1959	37K-574.66	Nghệ An	3559	37K-513.88	Nghệ An
360	43A-975.22	Đà Nẵng	1960	37K-574.79	Nghệ An	3560	37K-521.88	Nghệ An
361	43A-978.39	Đà Nẵng	1961	38A-678.87	Hà Tĩnh	3561	37K-524.77	Nghệ An
362	43B-066.55	Đà Nẵng	1962	38A-692.22	Hà Tĩnh	3562	37K-525.77	Nghệ An
363	43C-316.61	Đà Nẵng	1963	38A-698.79	Hà Tĩnh	3563	37K-535.00	Nghệ An
364	43C-323.68	Đà Nẵng	1964	38C-243.43	Hà Tĩnh	3564	37K-556.33	Nghệ An
365	47A-814.41	Đắk Lắk	1965	38C-254.33	Hà Tĩnh	3565	38A-683.33	Hà Tĩnh
366	47A-815.81	Đắk Lắk	1966	38D-022.77	Hà Tĩnh	3566	38A-684.33	Hà Tĩnh

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
367	47A-817.68	Đắk Lắk	1967	43A-946.94	Đà Nẵng	3567	38A-691.96	Hà Tĩnh
368	47A-822.55	Đắk Lắk	1968	43A-954.66	Đà Nẵng	3568	38A-695.96	Hà Tĩnh
369	47A-826.26	Đắk Lắk	1969	43A-954.79	Đà Nẵng	3569	38A-697.11	Hà Tĩnh
370	47A-836.69	Đắk Lắk	1970	43A-955.44	Đà Nẵng	3570	38C-252.68	Hà Tĩnh
371	47A-849.88	Đắk Lắk	1971	43A-957.66	Đà Nẵng	3571	38D-020.99	Hà Tĩnh
372	47A-854.33	Đắk Lắk	1972	43A-958.11	Đà Nẵng	3572	38D-021.11	Hà Tĩnh
373	47A-856.55	Đắk Lắk	1973	43B-063.79	Đà Nẵng	3573	43A-942.43	Đà Nẵng
374	47B-044.33	Đắk Lắk	1974	47A-814.11	Đắk Lắk	3574	43A-943.49	Đà Nẵng
375	47B-044.77	Đắk Lắk	1975	47A-814.81	Đắk Lắk	3575	43A-949.11	Đà Nẵng
376	47C-397.98	Đắk Lắk	1976	47A-817.00	Đắk Lắk	3576	43A-962.79	Đà Nẵng
377	47C-405.69	Đắk Lắk	1977	47A-818.00	Đắk Lắk	3577	43A-972.55	Đà Nẵng
378	47C-406.66	Đắk Lắk	1978	47A-834.39	Đắk Lắk	3578	43C-320.00	Đà Nẵng
379	47C-411.12	Đắk Lắk	1979	47A-841.22	Đắk Lắk	3579	43C-323.24	Đà Nẵng
380	47C-414.99	Đắk Lắk	1980	47A-851.69	Đắk Lắk	3580	47A-820.55	Đắk Lắk
381	48B-016.22	Đắk Nông	1981	47A-852.55	Đắk Lắk	3581	47A-821.79	Đắk Lắk
382	48C-119.91	Đắk Nông	1982	47A-856.11	Đắk Lắk	3582	47A-822.00	Đắk Lắk
383	49A-758.11	Lâm Đồng	1983	47A-858.68	Đắk Lắk	3583	47A-825.11	Đắk Lắk
384	49A-758.68	Lâm Đồng	1984	47A-863.33	Đắk Lắk	3584	47A-826.28	Đắk Lắk
385	49C-387.87	Lâm Đồng	1985	47A-863.89	Đắk Lắk	3585	47A-839.86	Đắk Lắk
386	49C-387.89	Lâm Đồng	1986	47C-399.88	Đắk Lắk	3586	47A-850.33	Đắk Lắk
387	51B-713.13	Hồ Chí Minh	1987	47C-400.33	Đắk Lắk	3587	47A-854.99	Đắk Lắk
388	60B-081.18	Đồng Nai	1988	47C-405.44	Đắk Lắk	3588	47A-856.57	Đắk Lắk
389	60C-763.88	Đồng Nai	1989	47C-418.33	Đắk Lắk	3589	47A-860.06	Đắk Lắk
390	60C-780.89	Đồng Nai	1990	48A-250.00	Đắk Nông	3590	47C-401.39	Đắk Lắk
391	60C-790.11	Đồng Nai	1991	48A-257.39	Đắk Nông	3591	47C-402.77	Đắk Lắk
392	60D-022.77	Đồng Nai	1992	48C-121.66	Đắk Nông	3592	47C-402.86	Đắk Lắk
393	60D-025.44	Đồng Nai	1993	49A-756.11	Lâm Đồng	3593	48B-014.11	Đắk Nông
394	60K-636.79	Đồng Nai	1994	49A-758.85	Lâm Đồng	3594	48C-117.44	Đắk Nông
395	60K-647.46	Đồng Nai	1995	49B-033.34	Lâm Đồng	3595	48C-118.39	Đắk Nông
396	60K-652.56	Đồng Nai	1996	49C-390.69	Lâm Đồng	3596	48C-121.21	Đắk Nông
397	60K-664.64	Đồng Nai	1997	49D-016.33	Lâm Đồng	3597	48C-123.00	Đắk Nông
398	60K-671.72	Đồng Nai	1998	49D-017.69	Lâm Đồng	3598	49A-748.22	Lâm Đồng
399	60K-674.11	Đồng Nai	1999	49D-017.71	Lâm Đồng	3599	49A-753.39	Lâm Đồng
400	60K-684.00	Đồng Nai	2000	51B-713.14	Hồ Chí Minh	3600	49A-763.44	Lâm Đồng
401	61C-615.00	Bình Dương	2001	51E-344.00	Hồ Chí Minh	3601	49A-770.69	Lâm Đồng
402	61C-619.55	Bình Dương	2002	51E-345.33	Hồ Chí Minh	3602	49B-032.23	Lâm Đồng
403	61C-625.89	Bình Dương	2003	51E-346.79	Hồ Chí Minh	3603	49B-032.99	Lâm Đồng
404	61C-627.22	Bình Dương	2004	51E-348.43	Hồ Chí Minh	3604	49C-386.83	Lâm Đồng
405	61C-630.44	Bình Dương	2005	51E-351.55	Hồ Chí Minh	3605	49C-395.99	Lâm Đồng
406	61C-631.99	Bình Dương	2006	51E-353.99	Hồ Chí Minh	3606	51E-349.55	Hồ Chí Minh
407	61C-634.55	Bình Dương	2007	60B-080.68	Đồng Nai	3607	51E-351.44	Hồ Chí Minh

Đ
 CỘNG
 ĐẮC
 LẮC
 VIỆT
 H X U

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
408	61C-636.66	Bình Dương	2008	60C-780.79	Đồng Nai	3608	51E-353.68	Hồ Chí Minh
409	61C-641.88	Bình Dương	2009	60K-621.99	Đồng Nai	3609	60B-079.88	Đồng Nai
410	61K-522.55	Bình Dương	2010	60K-630.39	Đồng Nai	3610	60C-758.66	Đồng Nai
411	61K-543.79	Bình Dương	2011	60K-648.77	Đồng Nai	3611	60C-761.22	Đồng Nai
412	61K-548.66	Bình Dương	2012	60K-649.69	Đồng Nai	3612	60C-761.77	Đồng Nai
413	61K-558.69	Bình Dương	2013	60K-652.99	Đồng Nai	3613	60C-765.22	Đồng Nai
414	61K-559.11	Bình Dương	2014	60K-659.11	Đồng Nai	3614	60C-765.65	Đồng Nai
415	61K-562.44	Bình Dương	2015	60K-659.77	Đồng Nai	3615	60C-773.22	Đồng Nai
416	61K-573.66	Bình Dương	2016	60K-671.77	Đồng Nai	3616	60C-782.39	Đồng Nai
417	61K-575.66	Bình Dương	2017	60K-676.69	Đồng Nai	3617	60C-787.79	Đồng Nai
418	61K-577.55	Bình Dương	2018	60K-684.85	Đồng Nai	3618	60C-791.97	Đồng Nai
419	61K-583.85	Bình Dương	2019	60K-695.79	Đồng Nai	3619	60C-793.00	Đồng Nai
420	61K-590.11	Bình Dương	2020	60K-698.96	Đồng Nai	3620	60K-632.88	Đồng Nai
421	62A-472.11	Long An	2021	61C-612.22	Bình Dương	3621	60K-652.00	Đồng Nai
422	62A-472.55	Long An	2022	61C-618.99	Bình Dương	3622	60K-658.69	Đồng Nai
423	62A-481.48	Long An	2023	61C-626.11	Bình Dương	3623	60K-658.85	Đồng Nai
424	62A-484.89	Long An	2024	61C-634.63	Bình Dương	3624	60K-661.33	Đồng Nai
425	62A-487.39	Long An	2025	61C-638.44	Bình Dương	3625	60K-679.96	Đồng Nai
426	62A-488.69	Long An	2026	61K-521.33	Bình Dương	3626	60K-686.11	Đồng Nai
427	62B-034.00	Long An	2027	61K-524.33	Bình Dương	3627	60K-693.77	Đồng Nai
428	62C-218.68	Long An	2028	61K-524.88	Bình Dương	3628	61B-046.47	Bình Dương
429	62C-221.33	Long An	2029	61K-528.89	Bình Dương	3629	61C-611.12	Bình Dương
430	62C-222.37	Long An	2030	61K-533.68	Bình Dương	3630	61C-621.77	Bình Dương
431	62C-223.86	Long An	2031	61K-535.35	Bình Dương	3631	61C-627.88	Bình Dương
432	63A-330.88	Tiền Giang	2032	61K-540.79	Bình Dương	3632	61C-636.36	Bình Dương
433	63A-332.99	Tiền Giang	2033	61K-566.44	Bình Dương	3633	61C-636.79	Bình Dương
434	63B-034.43	Tiền Giang	2034	61K-571.00	Bình Dương	3634	61K-533.44	Bình Dương
435	63D-012.22	Tiền Giang	2035	61K-590.89	Bình Dương	3635	61K-537.00	Bình Dương
436	63D-015.11	Tiền Giang	2036	61K-590.95	Bình Dương	3636	61K-537.35	Bình Dương
437	64A-203.77	Vĩnh Long	2037	62A-475.47	Long An	3637	61K-539.86	Bình Dương
438	64A-205.69	Vĩnh Long	2038	62A-475.79	Long An	3638	61K-542.77	Bình Dương
439	64A-214.11	Vĩnh Long	2039	62A-484.85	Long An	3639	61K-545.88	Bình Dương
440	64C-138.33	Vĩnh Long	2040	62A-494.39	Long An	3640	61K-559.95	Bình Dương
441	64D-008.00	Vĩnh Long	2041	62C-217.44	Long An	3641	61K-562.65	Bình Dương
442	65A-516.86	Cần Thơ	2042	62C-221.21	Long An	3642	61K-564.79	Bình Dương
443	65A-522.68	Cần Thơ	2043	62D-014.79	Long An	3643	61K-568.77	Bình Dương
444	65A-528.44	Cần Thơ	2044	62D-017.33	Long An	3644	61K-571.71	Bình Dương
445	65B-025.68	Cần Thơ	2045	63A-331.77	Tiền Giang	3645	61K-572.33	Bình Dương
446	65C-251.00	Cần Thơ	2046	63B-033.89	Tiền Giang	3646	61K-578.57	Bình Dương
447	65C-255.77	Cần Thơ	2047	63C-233.00	Tiền Giang	3647	61K-579.11	Bình Dương
448	65C-256.55	Cần Thơ	2048	63C-237.89	Tiền Giang	3648	61K-582.82	Bình Dương

1-
 TỶ
 GIÁ
 ANH
 NAM
 V-T.P

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
449	65C-257.00	Cần Thơ	2049	64A-207.33	Vĩnh Long	3649	61K-595.68	Bình Dương
450	65C-261.99	Cần Thơ	2050	64B-019.99	Vĩnh Long	3650	62A-474.55	Long An
451	65C-279.55	Cần Thơ	2051	64D-009.68	Vĩnh Long	3651	62A-476.69	Long An
452	65D-013.10	Cần Thơ	2052	65A-528.66	Cần Thơ	3652	62A-479.44	Long An
453	66A-307.55	Đồng Tháp	2053	65A-531.99	Cần Thơ	3653	62A-479.88	Long An
454	66A-310.00	Đồng Tháp	2054	65C-276.76	Cần Thơ	3654	62A-492.92	Long An
455	66A-313.44	Đồng Tháp	2055	65D-013.33	Cần Thơ	3655	62B-031.66	Long An
456	66B-023.79	Đồng Tháp	2056	66A-306.06	Đồng Tháp	3656	62B-032.77	Long An
457	66C-187.11	Đồng Tháp	2057	66A-316.68	Đồng Tháp	3657	62C-218.99	Long An
458	67A-330.31	An Giang	2058	66A-316.77	Đồng Tháp	3658	62C-220.44	Long An
459	67A-334.99	An Giang	2059	66C-184.81	Đồng Tháp	3659	62C-223.66	Long An
460	67A-337.55	An Giang	2060	67A-338.83	An Giang	3660	62D-016.77	Long An
461	67C-194.66	An Giang	2061	67C-189.44	An Giang	3661	63A-338.22	Tiền Giang
462	67D-012.10	An Giang	2062	67C-190.69	An Giang	3662	63C-228.66	Tiền Giang
463	68A-367.66	Kiên Giang	2063	67C-196.97	An Giang	3663	63D-014.01	Tiền Giang
464	68A-371.86	Kiên Giang	2064	68A-366.39	Kiên Giang	3664	63D-015.69	Tiền Giang
465	68A-381.33	Kiên Giang	2065	68A-377.66	Kiên Giang	3665	64A-204.11	Vĩnh Long
466	68B-035.36	Kiên Giang	2066	68B-035.89	Kiên Giang	3666	64A-208.66	Vĩnh Long
467	68D-010.44	Kiên Giang	2067	68B-036.11	Kiên Giang	3667	64A-210.22	Vĩnh Long
468	69A-169.68	Cà Mau	2068	68C-179.11	Kiên Giang	3668	64C-135.88	Vĩnh Long
469	69A-172.66	Cà Mau	2069	68C-185.66	Kiên Giang	3669	65A-516.00	Cần Thơ
470	69A-174.55	Cà Mau	2070	69A-174.79	Cà Mau	3670	65B-026.02	Cần Thơ
471	69B-013.55	Cà Mau	2071	70A-584.79	Tây Ninh	3671	65C-258.99	Cần Thơ
472	69B-013.68	Cà Mau	2072	70A-592.00	Tây Ninh	3672	65C-267.33	Cần Thơ
473	69C-109.22	Cà Mau	2073	70A-594.88	Tây Ninh	3673	65C-269.00	Cần Thơ
474	70A-587.79	Tây Ninh	2074	70A-603.39	Tây Ninh	3674	65C-273.66	Cần Thơ
475	70A-589.11	Tây Ninh	2075	70A-604.88	Tây Ninh	3675	65D-013.55	Cần Thơ
476	70A-604.60	Tây Ninh	2076	70A-605.44	Tây Ninh	3676	66A-302.55	Đồng Tháp
477	70A-604.77	Tây Ninh	2077	70A-608.00	Tây Ninh	3677	66A-303.44	Đồng Tháp
478	70D-013.55	Tây Ninh	2078	70C-214.68	Tây Ninh	3678	66A-311.44	Đồng Tháp
479	71A-215.66	Bến Tre	2079	70C-219.22	Tây Ninh	3679	66A-315.39	Đồng Tháp
480	71A-220.44	Bến Tre	2080	71A-215.44	Bến Tre	3680	66D-014.41	Đồng Tháp
481	71A-222.03	Bến Tre	2081	71A-220.69	Bến Tre	3681	67A-335.36	An Giang
482	71B-023.66	Bến Tre	2082	71B-024.25	Bến Tre	3682	67A-341.44	An Giang
483	71B-025.44	Bến Tre	2083	71D-009.33	Bến Tre	3683	67B-034.00	An Giang
484	72A-844.00	Bà Rịa - Vũng Tàu	2084	72A-847.33	Bà Rịa - Vũng Tàu	3684	67C-195.99	An Giang
485	72A-844.77	Bà Rịa - Vũng Tàu	2085	72A-855.11	Bà Rịa - Vũng Tàu	3685	68A-380.22	Kiên Giang
486	72A-844.88	Bà Rịa - Vũng Tàu	2086	72A-857.55	Bà Rịa - Vũng Tàu	3686	68A-381.11	Kiên Giang
487	72A-878.11	Bà Rịa - Vũng Tàu	2087	72A-860.88	Bà Rịa - Vũng Tàu	3687	68C-181.68	Kiên Giang
488	72A-878.99	Bà Rịa - Vũng Tàu	2088	72A-861.61	Bà Rịa - Vũng Tàu	3688	69A-175.33	Cà Mau
489	72A-883.68	Bà Rịa - Vũng Tàu	2089	72A-869.39	Bà Rịa - Vũng Tàu	3689	69C-106.55	Cà Mau

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
490	72B-048.40	Bà Rịa - Vũng Tàu	2090	72A-869.88	Bà Rịa - Vũng Tàu	3690	69D-006.79	Cà Mau
491	72C-268.39	Bà Rịa - Vũng Tàu	2091	72A-872.27	Bà Rịa - Vũng Tàu	3691	70A-602.77	Tây Ninh
492	72C-278.66	Bà Rịa - Vũng Tàu	2092	72A-873.79	Bà Rịa - Vũng Tàu	3692	70A-604.44	Tây Ninh
493	72C-280.44	Bà Rịa - Vũng Tàu	2093	72A-874.47	Bà Rịa - Vũng Tàu	3693	70A-608.44	Tây Ninh
494	73A-372.72	Quảng Bình	2094	72C-270.72	Bà Rịa - Vũng Tàu	3694	70A-615.44	Tây Ninh
495	73A-377.68	Quảng Bình	2095	72C-272.22	Bà Rịa - Vũng Tàu	3695	70B-035.66	Tây Ninh
496	73B-019.95	Quảng Bình	2096	72C-274.27	Bà Rịa - Vũng Tàu	3696	70C-218.99	Tây Ninh
497	73C-191.89	Quảng Bình	2097	72C-275.69	Bà Rịa - Vũng Tàu	3697	71A-212.77	Bến Tre
498	73C-195.22	Quảng Bình	2098	72C-278.77	Bà Rịa - Vũng Tàu	3698	71A-213.66	Bến Tre
499	73C-196.19	Quảng Bình	2099	73A-370.37	Quảng Bình	3699	71A-215.77	Bến Tre
500	73C-197.97	Quảng Bình	2100	73C-196.55	Quảng Bình	3700	71B-025.86	Bến Tre
501	74A-280.55	Quảng Trị	2101	73C-197.33	Quảng Bình	3701	71C-134.22	Bến Tre
502	74A-284.33	Quảng Trị	2102	74A-283.83	Quảng Trị	3702	71C-137.39	Bến Tre
503	74A-285.33	Quảng Trị	2103	74A-284.79	Quảng Trị	3703	71C-137.88	Bến Tre
504	74B-019.39	Quảng Trị	2104	74B-019.91	Quảng Trị	3704	71D-008.68	Bến Tre
505	74D-013.99	Quảng Trị	2105	75A-393.22	Thừa Thiên Huế	3705	72A-860.89	Bà Rịa - Vũng Tàu
506	74D-015.01	Quảng Trị	2106	75C-161.22	Thừa Thiên Huế	3706	72A-872.44	Bà Rịa - Vũng Tàu
507	74D-015.66	Quảng Trị	2107	75C-163.63	Thừa Thiên Huế	3707	72A-875.79	Bà Rịa - Vũng Tàu
508	75C-160.88	Thừa Thiên Huế	2108	75D-011.68	Thừa Thiên Huế	3708	72A-881.68	Bà Rịa - Vũng Tàu
509	75C-163.36	Thừa Thiên Huế	2109	76A-327.69	Quảng Ngãi	3709	72A-882.44	Bà Rịa - Vũng Tàu
510	76A-327.44	Quảng Ngãi	2110	76A-328.82	Quảng Ngãi	3710	72B-047.86	Bà Rịa - Vũng Tàu
511	76A-328.00	Quảng Ngãi	2111	76A-331.89	Quảng Ngãi	3711	72C-265.88	Bà Rịa - Vũng Tàu
512	76A-331.44	Quảng Ngãi	2112	76A-332.22	Quảng Ngãi	3712	72C-275.77	Bà Rịa - Vũng Tàu
513	76A-334.22	Quảng Ngãi	2113	76A-333.04	Quảng Ngãi	3713	73A-371.77	Quảng Bình
514	76B-027.20	Quảng Ngãi	2114	76C-181.68	Quảng Ngãi	3714	73A-376.55	Quảng Bình
515	76B-028.02	Quảng Ngãi	2115	76C-181.82	Quảng Ngãi	3715	73A-382.79	Quảng Bình
516	76D-015.68	Quảng Ngãi	2116	77A-365.65	Bình Định	3716	73B-019.01	Quảng Bình
517	77A-356.99	Bình Định	2117	78A-222.56	Phú Yên	3717	74C-145.00	Quảng Trị
518	77A-358.53	Bình Định	2118	78D-008.11	Phú Yên	3718	74C-146.47	Quảng Trị
519	77C-261.99	Bình Định	2119	79A-580.85	Khánh Hòa	3719	74C-147.11	Quảng Trị
520	78A-216.86	Phú Yên	2120	79A-585.00	Khánh Hòa	3720	74C-148.44	Quảng Trị
521	78A-225.66	Phú Yên	2121	79B-043.69	Khánh Hòa	3721	75B-031.99	Thừa Thiên Huế
522	78B-019.66	Phú Yên	2122	79B-045.89	Khánh Hòa	3722	75C-164.69	Thừa Thiên Huế
523	78B-019.91	Phú Yên	2123	79C-231.79	Khánh Hòa	3723	76A-325.88	Quảng Ngãi
524	79A-571.75	Khánh Hòa	2124	79D-012.44	Khánh Hòa	3724	76A-326.11	Quảng Ngãi
525	79B-047.33	Khánh Hòa	2125	81A-456.54	Gia Lai	3725	76A-331.22	Quảng Ngãi
526	79C-235.22	Khánh Hòa	2126	81A-457.99	Gia Lai	3726	76A-332.32	Quảng Ngãi
527	81C-285.11	Gia Lai	2127	81A-463.86	Gia Lai	3727	76B-030.11	Quảng Ngãi
528	81C-295.95	Gia Lai	2128	81A-465.00	Gia Lai	3728	76D-014.41	Quảng Ngãi
529	81D-014.41	Gia Lai	2129	81A-466.77	Gia Lai	3729	77A-362.69	Bình Định
530	81D-015.77	Gia Lai	2130	81A-470.07	Gia Lai	3730	77A-364.46	Bình Định

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
531	82A-159.33	Kon Tum	2131	81A-470.86	Gia Lai	3731	77A-368.11	Bình Định
532	82A-164.44	Kon Tum	2132	81A-471.39	Gia Lai	3732	77C-267.33	Bình Định
533	82B-021.02	Kon Tum	2133	81A-472.44	Gia Lai	3733	77D-009.88	Bình Định
534	82C-095.86	Kon Tum	2134	81C-298.00	Gia Lai	3734	78A-220.02	Phú Yên
535	82C-096.77	Kon Tum	2135	82C-098.09	Kon Tum	3735	78C-127.66	Phú Yên
536	82D-011.01	Kon Tum	2136	83A-195.91	Sóc Trăng	3736	79A-569.89	Khánh Hòa
537	83A-195.88	Sóc Trăng	2137	83A-196.79	Sóc Trăng	3737	79A-573.39	Khánh Hòa
538	83C-136.66	Sóc Trăng	2138	83C-133.39	Sóc Trăng	3738	79A-576.88	Khánh Hòa
539	83C-139.33	Sóc Trăng	2139	83C-138.88	Sóc Trăng	3739	79A-579.69	Khánh Hòa
540	83D-010.69	Sóc Trăng	2140	84A-152.51	Trà Vinh	3740	79A-591.00	Khánh Hòa
541	84A-152.55	Trà Vinh	2141	84A-152.86	Trà Vinh	3741	81A-457.55	Gia Lai
542	84C-126.27	Trà Vinh	2142	84B-020.79	Trà Vinh	3742	81B-030.11	Gia Lai
543	85A-147.22	Ninh Thuận	2143	84B-021.88	Trà Vinh	3743	81D-013.68	Gia Lai
544	85A-151.33	Ninh Thuận	2144	84C-127.99	Trà Vinh	3744	81D-017.44	Gia Lai
545	86A-324.44	Bình Thuận	2145	84D-005.11	Trà Vinh	3745	82A-161.62	Kon Tum
546	86A-327.66	Bình Thuận	2146	85A-146.69	Ninh Thuận	3746	82C-096.11	Kon Tum
547	86A-332.39	Bình Thuận	2147	85A-150.22	Ninh Thuận	3747	82C-099.00	Kon Tum
548	86A-332.79	Bình Thuận	2148	85A-150.99	Ninh Thuận	3748	82D-011.66	Kon Tum
549	86A-333.69	Bình Thuận	2149	85A-151.99	Ninh Thuận	3749	82D-013.79	Kon Tum
550	86C-215.33	Bình Thuận	2150	86A-333.37	Bình Thuận	3750	82D-014.33	Kon Tum
551	88A-792.00	Vĩnh Phúc	2151	86B-025.55	Bình Thuận	3751	83C-133.99	Sóc Trăng
552	88A-807.89	Vĩnh Phúc	2152	86D-009.11	Bình Thuận	3752	84A-147.33	Trà Vinh
553	88A-820.00	Vĩnh Phúc	2153	88A-799.22	Vĩnh Phúc	3753	84B-023.32	Trà Vinh
554	88A-820.21	Vĩnh Phúc	2154	88A-800.68	Vĩnh Phúc	3754	84D-007.79	Trà Vinh
555	88B-023.86	Vĩnh Phúc	2155	88A-802.11	Vĩnh Phúc	3755	85A-148.11	Ninh Thuận
556	88C-312.39	Vĩnh Phúc	2156	88A-803.99	Vĩnh Phúc	3756	85A-148.14	Ninh Thuận
557	88C-315.31	Vĩnh Phúc	2157	88A-812.44	Vĩnh Phúc	3757	85A-153.66	Ninh Thuận
558	88C-316.17	Vĩnh Phúc	2158	88A-813.11	Vĩnh Phúc	3758	85B-015.66	Ninh Thuận
559	88C-321.44	Vĩnh Phúc	2159	88A-820.89	Vĩnh Phúc	3759	86A-323.55	Bình Thuận
560	88C-321.89	Vĩnh Phúc	2160	88B-024.33	Vĩnh Phúc	3760	86A-325.68	Bình Thuận
561	89A-532.11	Hung Yên	2161	88C-319.89	Vĩnh Phúc	3761	86D-008.55	Bình Thuận
562	89A-532.99	Hung Yên	2162	88C-322.44	Vĩnh Phúc	3762	88A-791.44	Vĩnh Phúc
563	89A-533.44	Hung Yên	2163	88C-324.23	Vĩnh Phúc	3763	88A-791.88	Vĩnh Phúc
564	89A-549.00	Hung Yên	2164	89A-536.36	Hung Yên	3764	88A-803.22	Vĩnh Phúc
565	89A-549.54	Hung Yên	2165	89A-539.88	Hung Yên	3765	88A-809.66	Vĩnh Phúc
566	89A-561.11	Hung Yên	2166	89A-544.45	Hung Yên	3766	88A-815.69	Vĩnh Phúc
567	89B-027.89	Hung Yên	2167	89A-547.33	Hung Yên	3767	88A-823.69	Vĩnh Phúc
568	89C-354.45	Hung Yên	2168	89A-549.88	Hung Yên	3768	88C-315.86	Vĩnh Phúc
569	90A-289.86	Hà Nam	2169	89A-564.39	Hung Yên	3769	88C-324.77	Vĩnh Phúc
570	90A-293.11	Hà Nam	2170	89B-025.66	Hung Yên	3770	89A-534.99	Hung Yên
571	90A-294.22	Hà Nam	2171	89C-345.88	Hung Yên	3771	89A-535.77	Hung Yên

1 41
 0NG
 ẦU C
 ỚP D
 ỆT M
 XUÂN

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
572	90A-298.39	Hà Nam	2172	89C-357.35	Hung Yên	3772	89A-536.86	Hung Yên
573	90A-300.89	Hà Nam	2173	89C-358.86	Hung Yên	3773	89A-542.11	Hung Yên
574	92A-433.34	Quảng Nam	2174	90A-288.79	Hà Nam	3774	89A-543.66	Hung Yên
575	92A-435.22	Quảng Nam	2175	90A-290.55	Hà Nam	3775	89A-546.88	Hung Yên
576	92A-437.00	Quảng Nam	2176	90A-299.77	Hà Nam	3776	89C-350.51	Hung Yên
577	92A-442.89	Quảng Nam	2177	90A-301.11	Hà Nam	3777	89C-358.39	Hung Yên
578	92B-038.83	Quảng Nam	2178	90B-012.86	Hà Nam	3778	89D-023.69	Hung Yên
579	92D-013.69	Quảng Nam	2179	90C-158.33	Hà Nam	3779	89D-024.88	Hung Yên
580	93A-507.88	Bình Phước	2180	92A-442.42	Quảng Nam	3780	90A-288.11	Hà Nam
581	93A-515.33	Bình Phước	2181	92A-444.89	Quảng Nam	3781	90A-291.86	Hà Nam
582	93C-201.22	Bình Phước	2182	92A-449.94	Quảng Nam	3782	90A-292.39	Hà Nam
583	93C-202.00	Bình Phước	2183	92D-013.00	Quảng Nam	3783	92A-440.69	Quảng Nam
584	94A-111.86	Bạc Liêu	2184	93A-507.39	Bình Phước	3784	92A-443.69	Quảng Nam
585	94A-112.55	Bạc Liêu	2185	93A-507.66	Bình Phước	3785	92A-447.39	Quảng Nam
586	94A-113.11	Bạc Liêu	2186	93A-508.22	Bình Phước	3786	92A-449.00	Quảng Nam
587	94B-015.69	Bạc Liêu	2187	93A-525.33	Bình Phước	3787	92A-449.11	Quảng Nam
588	95A-139.11	Hậu Giang	2188	93C-206.86	Bình Phước	3788	92B-038.66	Quảng Nam
589	95C-091.66	Hậu Giang	2189	93C-207.79	Bình Phước	3789	92D-013.89	Quảng Nam
590	95C-091.92	Hậu Giang	2190	94A-111.34	Bạc Liêu	3790	92D-014.88	Quảng Nam
591	98A-858.77	Bắc Giang	2191	94C-083.88	Bạc Liêu	3791	92D-015.11	Quảng Nam
592	98A-869.22	Bắc Giang	2192	94D-005.22	Bạc Liêu	3792	93A-508.69	Bình Phước
593	98A-878.00	Bắc Giang	2193	95A-136.77	Hậu Giang	3793	93A-509.79	Bình Phước
594	98A-878.22	Bắc Giang	2194	95A-139.66	Hậu Giang	3794	93A-510.44	Bình Phước
595	98A-881.86	Bắc Giang	2195	95A-140.22	Hậu Giang	3795	93C-199.22	Bình Phước
596	98A-889.55	Bắc Giang	2196	95A-142.77	Hậu Giang	3796	93C-207.02	Bình Phước
597	98A-892.55	Bắc Giang	2197	95A-142.89	Hậu Giang	3797	93D-011.22	Bình Phước
598	98A-903.79	Bắc Giang	2198	95B-016.66	Hậu Giang	3798	94A-111.99	Bạc Liêu
599	98A-905.11	Bắc Giang	2199	95B-018.88	Hậu Giang	3799	94B-014.55	Bạc Liêu
600	98A-908.22	Bắc Giang	2200	95C-093.90	Hậu Giang	3800	94B-015.68	Bạc Liêu
601	98A-909.86	Bắc Giang	2201	95D-023.86	Hậu Giang	3801	94B-016.88	Bạc Liêu
602	98B-046.22	Bắc Giang	2202	97A-097.22	Bắc Kạn	3802	94C-085.99	Bạc Liêu
603	98B-047.55	Bắc Giang	2203	97B-017.77	Bắc Kạn	3803	94C-086.11	Bạc Liêu
604	98C-376.00	Bắc Giang	2204	97D-009.44	Bắc Kạn	3804	95A-143.55	Hậu Giang
605	98C-382.69	Bắc Giang	2205	98A-858.86	Bắc Giang	3805	95B-016.79	Hậu Giang
606	98C-383.86	Bắc Giang	2206	98A-860.60	Bắc Giang	3806	97A-096.79	Bắc Kạn
607	98C-384.11	Bắc Giang	2207	98A-872.87	Bắc Giang	3807	97D-010.01	Bắc Kạn
608	98C-385.86	Bắc Giang	2208	98A-876.33	Bắc Giang	3808	98A-872.11	Bắc Giang
609	98C-388.33	Bắc Giang	2209	98A-882.33	Bắc Giang	3809	98A-873.68	Bắc Giang
610	98C-390.66	Bắc Giang	2210	98A-884.88	Bắc Giang	3810	98A-875.22	Bắc Giang
611	98C-391.79	Bắc Giang	2211	98A-894.86	Bắc Giang	3811	98A-880.81	Bắc Giang
612	99A-851.68	Bắc Ninh	2212	98A-902.55	Bắc Giang	3812	98A-880.89	Bắc Giang

Y
A
VH
AM
T.P.

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
613	99A-854.54	Bắc Ninh	2213	98B-048.04	Bắc Giang	3813	98A-886.11	Bắc Giang
614	99A-864.66	Bắc Ninh	2214	98C-385.68	Bắc Giang	3814	98A-911.89	Bắc Giang
615	99A-867.11	Bắc Ninh	2215	98C-387.00	Bắc Giang	3815	98A-912.44	Bắc Giang
616	99A-872.78	Bắc Ninh	2216	98C-387.77	Bắc Giang	3816	98C-383.83	Bắc Giang
617	99A-876.89	Bắc Ninh	2217	98C-390.79	Bắc Giang	3817	98C-388.55	Bắc Giang
618	99A-878.22	Bắc Ninh	2218	98C-392.68	Bắc Giang	3818	98C-395.86	Bắc Giang
619	99A-878.78	Bắc Ninh	2219	99A-852.66	Bắc Ninh	3819	99A-854.79	Bắc Ninh
620	99A-881.68	Bắc Ninh	2220	99A-878.79	Bắc Ninh	3820	99A-870.11	Bắc Ninh
621	99A-885.89	Bắc Ninh	2221	99A-896.22	Bắc Ninh	3821	99A-874.79	Bắc Ninh
622	99A-890.88	Bắc Ninh	2222	99C-334.34	Bắc Ninh	3822	99A-891.33	Bắc Ninh
623	99C-338.79	Bắc Ninh	2223	99C-343.66	Bắc Ninh	3823	99C-333.67	Bắc Ninh
624	99C-342.66	Bắc Ninh	2224	99C-347.11	Bắc Ninh	3824	99C-337.37	Bắc Ninh
625	99D-026.86	Bắc Ninh	2225	99D-024.33	Bắc Ninh	3825	99C-343.34	Bắc Ninh
626	11A-139.63	Cao Bằng	2226	11B-015.28	Cao Bằng	3826	11A-138.59	Cao Bằng
627	11A-140.18	Cao Bằng	2227	11B-015.59	Cao Bằng	3827	11B-013.85	Cao Bằng
628	11A-140.65	Cao Bằng	2228	11B-017.38	Cao Bằng	3828	11C-089.19	Cao Bằng
629	11D-009.59	Cao Bằng	2229	11D-009.25	Cao Bằng	3829	11D-009.08	Cao Bằng
630	11D-011.83	Cao Bằng	2230	12A-271.06	Lạng Sơn	3830	12A-265.08	Lạng Sơn
631	12A-265.15	Lạng Sơn	2231	12A-271.38	Lạng Sơn	3831	12B-015.59	Lạng Sơn
632	12A-266.96	Lạng Sơn	2232	12B-017.98	Lạng Sơn	3832	12C-141.16	Lạng Sơn
633	12B-019.38	Lạng Sơn	2233	12C-141.56	Lạng Sơn	3833	12D-010.59	Lạng Sơn
634	12C-144.59	Lạng Sơn	2234	12C-143.19	Lạng Sơn	3834	14A-995.28	Quảng Ninh
635	12D-009.35	Lạng Sơn	2235	12C-144.18	Lạng Sơn	3835	14B-052.56	Quảng Ninh
636	12D-010.09	Lạng Sơn	2236	14A-991.38	Quảng Ninh	3836	14B-055.29	Quảng Ninh
637	14A-990.18	Quảng Ninh	2237	14C-450.63	Quảng Ninh	3837	14C-450.58	Quảng Ninh
638	14A-997.06	Quảng Ninh	2238	14C-452.96	Quảng Ninh	3838	14C-458.29	Quảng Ninh
639	14B-053.58	Quảng Ninh	2239	14C-466.28	Quảng Ninh	3839	14C-464.35	Quảng Ninh
640	14C-455.83	Quảng Ninh	2240	14C-469.36	Quảng Ninh	3840	14C-468.15	Quảng Ninh
641	14C-456.96	Quảng Ninh	2241	14D-031.35	Quảng Ninh	3841	14C-468.65	Quảng Ninh
642	14C-459.58	Quảng Ninh	2242	14D-032.19	Quảng Ninh	3842	14C-469.35	Quảng Ninh
643	14C-459.85	Quảng Ninh	2243	14K-005.65	Quảng Ninh	3843	14K-001.09	Quảng Ninh
644	14C-470.25	Quảng Ninh	2244	14K-006.25	Quảng Ninh	3844	14K-004.08	Quảng Ninh
645	14D-032.56	Quảng Ninh	2245	14K-014.28	Quảng Ninh	3845	14K-004.28	Quảng Ninh
646	14K-002.65	Quảng Ninh	2246	14K-024.18	Quảng Ninh	3846	14K-005.25	Quảng Ninh
647	14K-003.19	Quảng Ninh	2247	14K-025.19	Quảng Ninh	3847	14K-006.29	Quảng Ninh
648	14K-005.35	Quảng Ninh	2248	14K-026.08	Quảng Ninh	3848	14K-008.36	Quảng Ninh
649	14K-006.09	Quảng Ninh	2249	14K-043.06	Quảng Ninh	3849	14K-012.29	Quảng Ninh
650	14K-018.59	Quảng Ninh	2250	14K-043.09	Quảng Ninh	3850	14K-017.56	Quảng Ninh
651	14K-018.65	Quảng Ninh	2251	14K-045.36	Quảng Ninh	3851	14K-022.35	Quảng Ninh
652	14K-019.26	Quảng Ninh	2252	14K-045.38	Quảng Ninh	3852	14K-032.36	Quảng Ninh
653	14K-034.18	Quảng Ninh	2253	14K-047.95	Quảng Ninh	3853	14K-041.18	Quảng Ninh

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
654	14K-035.19	Quảng Ninh	2254	14K-049.15	Quảng Ninh	3854	14K-041.29	Quảng Ninh
655	14K-037.35	Quảng Ninh	2255	15B-056.35	Hải Phòng	3855	14K-047.63	Quảng Ninh
656	14K-038.59	Quảng Ninh	2256	15C-484.83	Hải Phòng	3856	15C-486.36	Hải Phòng
657	14K-040.29	Quảng Ninh	2257	15C-485.63	Hải Phòng	3857	15C-487.09	Hải Phòng
658	14K-040.83	Quảng Ninh	2258	15C-485.96	Hải Phòng	3858	15C-492.98	Hải Phòng
659	14K-043.19	Quảng Ninh	2259	15C-496.16	Hải Phòng	3859	15C-495.35	Hải Phòng
660	14K-047.65	Quảng Ninh	2260	15D-054.26	Hải Phòng	3860	15K-431.09	Hải Phòng
661	14K-048.15	Quảng Ninh	2261	15K-429.26	Hải Phòng	3861	15K-436.19	Hải Phòng
662	14K-048.36	Quảng Ninh	2262	15K-431.63	Hải Phòng	3862	15K-439.18	Hải Phòng
663	15C-481.95	Hải Phòng	2263	15K-439.35	Hải Phòng	3863	15K-440.63	Hải Phòng
664	15C-486.06	Hải Phòng	2264	15K-439.56	Hải Phòng	3864	15K-441.63	Hải Phòng
665	15C-486.26	Hải Phòng	2265	15K-440.85	Hải Phòng	3865	15K-443.16	Hải Phòng
666	15C-488.26	Hải Phòng	2266	15K-441.35	Hải Phòng	3866	15K-443.85	Hải Phòng
667	15C-493.16	Hải Phòng	2267	15K-443.29	Hải Phòng	3867	15K-457.15	Hải Phòng
668	15K-432.29	Hải Phòng	2268	15K-444.98	Hải Phòng	3868	15K-470.06	Hải Phòng
669	15K-433.59	Hải Phòng	2269	15K-447.38	Hải Phòng	3869	15K-473.36	Hải Phòng
670	15K-437.56	Hải Phòng	2270	15K-447.96	Hải Phòng	3870	15K-475.25	Hải Phòng
671	15K-439.16	Hải Phòng	2271	15K-448.19	Hải Phòng	3871	15K-477.56	Hải Phòng
672	15K-442.19	Hải Phòng	2272	15K-451.19	Hải Phòng	3872	15K-479.18	Hải Phòng
673	15K-447.65	Hải Phòng	2273	15K-457.16	Hải Phòng	3873	15K-479.56	Hải Phòng
674	15K-457.29	Hải Phòng	2274	15K-458.96	Hải Phòng	3874	15K-483.26	Hải Phòng
675	15K-460.08	Hải Phòng	2275	15K-460.16	Hải Phòng	3875	15K-483.29	Hải Phòng
676	15K-465.36	Hải Phòng	2276	15K-463.85	Hải Phòng	3876	15K-489.59	Hải Phòng
677	15K-471.98	Hải Phòng	2277	15K-469.56	Hải Phòng	3877	15K-490.56	Hải Phòng
678	15K-474.95	Hải Phòng	2278	15K-472.83	Hải Phòng	3878	15K-494.26	Hải Phòng
679	15K-483.98	Hải Phòng	2279	15K-472.96	Hải Phòng	3879	15K-500.38	Hải Phòng
680	15K-485.15	Hải Phòng	2280	15K-474.19	Hải Phòng	3880	15K-501.26	Hải Phòng
681	15K-488.26	Hải Phòng	2281	15K-477.16	Hải Phòng	3881	15K-502.85	Hải Phòng
682	15K-490.63	Hải Phòng	2282	15K-479.26	Hải Phòng	3882	15K-510.58	Hải Phòng
683	15K-491.59	Hải Phòng	2283	15K-483.65	Hải Phòng	3883	17A-492.35	Thái Bình
684	15K-494.25	Hải Phòng	2284	15K-486.65	Hải Phòng	3884	17A-494.06	Thái Bình
685	15K-511.36	Hải Phòng	2285	15K-487.08	Hải Phòng	3885	17A-495.36	Thái Bình
686	17A-494.25	Thái Bình	2286	15K-487.19	Hải Phòng	3886	17A-495.85	Thái Bình
687	17A-500.18	Thái Bình	2287	15K-489.15	Hải Phòng	3887	17A-497.28	Thái Bình
688	17A-501.29	Thái Bình	2288	15K-490.28	Hải Phòng	3888	17A-500.36	Thái Bình
689	17A-504.98	Thái Bình	2289	15K-492.58	Hải Phòng	3889	17A-500.38	Thái Bình
690	17A-505.28	Thái Bình	2290	15K-496.06	Hải Phòng	3890	17A-500.56	Thái Bình
691	17A-511.35	Thái Bình	2291	15K-497.65	Hải Phòng	3891	17A-501.58	Thái Bình
692	17C-215.65	Thái Bình	2292	15K-500.59	Hải Phòng	3892	17A-503.16	Thái Bình
693	17C-215.85	Thái Bình	2293	15K-503.06	Hải Phòng	3893	17A-503.29	Thái Bình
694	17C-217.06	Thái Bình	2294	15K-507.96	Hải Phòng	3894	17A-503.35	Thái Bình

1. Đ
 CÔ
 Đ
 HỢ
 VI
 4NH

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
695	17C-218.09	Thái Bình	2295	17A-511.98	Thái Bình	3895	17A-504.95	Thái Bình
696	17C-220.15	Thái Bình	2296	17A-512.85	Thái Bình	3896	17A-506.59	Thái Bình
697	17C-220.38	Thái Bình	2297	17A-512.95	Thái Bình	3897	17A-507.16	Thái Bình
698	17D-013.35	Thái Bình	2298	17C-219.09	Thái Bình	3898	17C-215.36	Thái Bình
699	17D-013.38	Thái Bình	2299	18A-493.09	Nam Định	3899	17C-223.08	Thái Bình
700	17D-014.25	Thái Bình	2300	18A-494.06	Nam Định	3900	17D-016.25	Thái Bình
701	17D-015.58	Thái Bình	2301	18A-495.56	Nam Định	3901	17D-016.38	Thái Bình
702	18A-490.28	Nam Định	2302	18A-500.85	Nam Định	3902	18A-493.63	Nam Định
703	18A-494.15	Nam Định	2303	18A-502.95	Nam Định	3903	18A-497.95	Nam Định
704	18A-495.29	Nam Định	2304	18A-509.65	Nam Định	3904	18A-505.65	Nam Định
705	18A-500.59	Nam Định	2305	18A-509.95	Nam Định	3905	18C-174.85	Nam Định
706	18A-501.18	Nam Định	2306	18A-510.95	Nam Định	3906	18C-176.18	Nam Định
707	18B-031.09	Nam Định	2307	18C-176.28	Nam Định	3907	18C-178.59	Nam Định
708	18C-181.16	Nam Định	2308	18C-178.58	Nam Định	3908	18D-016.56	Nam Định
709	18D-018.38	Nam Định	2309	18C-180.09	Nam Định	3909	19A-715.59	Phú Thọ
710	19A-716.25	Phú Thọ	2310	19A-727.25	Phú Thọ	3910	19A-716.08	Phú Thọ
711	19A-718.85	Phú Thọ	2311	19A-729.15	Phú Thọ	3911	19A-721.95	Phú Thọ
712	19A-719.15	Phú Thọ	2312	19A-730.26	Phú Thọ	3912	19A-722.28	Phú Thọ
713	19A-722.63	Phú Thọ	2313	19A-732.25	Phú Thọ	3913	19A-723.58	Phú Thọ
714	19A-731.65	Phú Thọ	2314	19A-733.95	Phú Thọ	3914	19A-729.38	Phú Thọ
715	19A-737.19	Phú Thọ	2315	19A-734.16	Phú Thọ	3915	19A-730.28	Phú Thọ
716	19A-745.25	Phú Thọ	2316	19A-742.28	Phú Thọ	3916	19A-731.85	Phú Thọ
717	19A-745.58	Phú Thọ	2317	19A-745.26	Phú Thọ	3917	19A-736.58	Phú Thọ
718	19A-746.36	Phú Thọ	2318	19A-753.26	Phú Thọ	3918	19A-742.85	Phú Thọ
719	19A-748.59	Phú Thọ	2319	19A-753.29	Phú Thọ	3919	19A-749.09	Phú Thọ
720	19B-029.16	Phú Thọ	2320	19A-753.95	Phú Thọ	3920	19A-755.38	Phú Thọ
721	19C-268.15	Phú Thọ	2321	19A-754.56	Phú Thọ	3921	19A-755.96	Phú Thọ
722	19C-268.83	Phú Thọ	2322	19B-030.06	Phú Thọ	3922	19B-029.26	Phú Thọ
723	19C-274.98	Phú Thọ	2323	19C-264.95	Phú Thọ	3923	19C-268.58	Phú Thọ
724	20A-860.96	Thái Nguyên	2324	19C-267.18	Phú Thọ	3924	19C-271.96	Phú Thọ
725	20A-861.19	Thái Nguyên	2325	19C-267.25	Phú Thọ	3925	19C-272.83	Phú Thọ
726	20A-867.25	Thái Nguyên	2326	19C-270.96	Phú Thọ	3926	19C-275.95	Phú Thọ
727	20A-875.18	Thái Nguyên	2327	19C-276.36	Phú Thọ	3927	19C-278.15	Phú Thọ
728	20A-877.25	Thái Nguyên	2328	19C-277.63	Phú Thọ	3928	19C-280.16	Phú Thọ
729	20A-877.58	Thái Nguyên	2329	19C-278.85	Phú Thọ	3929	19D-019.06	Phú Thọ
730	20A-878.59	Thái Nguyên	2330	20A-863.85	Thái Nguyên	3930	19D-020.65	Phú Thọ
731	20A-882.56	Thái Nguyên	2331	20A-870.96	Thái Nguyên	3931	20A-860.85	Thái Nguyên
732	20A-884.59	Thái Nguyên	2332	20A-878.65	Thái Nguyên	3932	20A-865.59	Thái Nguyên
733	20A-899.19	Thái Nguyên	2333	20A-879.09	Thái Nguyên	3933	20A-868.35	Thái Nguyên
734	20A-901.83	Thái Nguyên	2334	20A-885.95	Thái Nguyên	3934	20A-875.59	Thái Nguyên
735	20B-036.26	Thái Nguyên	2335	20A-889.09	Thái Nguyên	3935	20A-876.83	Thái Nguyên

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
736	20C-310.19	Thái Nguyên	2336	20A-890.08	Thái Nguyên	3936	20A-878.98	Thái Nguyên
737	20C-313.28	Thái Nguyên	2337	20C-312.58	Thái Nguyên	3937	20A-886.95	Thái Nguyên
738	20C-315.06	Thái Nguyên	2338	20C-321.98	Thái Nguyên	3938	20A-891.26	Thái Nguyên
739	20C-316.38	Thái Nguyên	2339	20C-322.59	Thái Nguyên	3939	20A-897.56	Thái Nguyên
740	20C-321.83	Thái Nguyên	2340	20D-035.09	Thái Nguyên	3940	20A-900.08	Thái Nguyên
741	20C-323.95	Thái Nguyên	2341	20D-035.19	Thái Nguyên	3941	20A-906.26	Thái Nguyên
742	20D-033.59	Thái Nguyên	2342	20D-035.29	Thái Nguyên	3942	20C-311.25	Thái Nguyên
743	21A-222.98	Yên Bái	2343	21A-228.18	Yên Bái	3943	20C-312.26	Thái Nguyên
744	21A-224.96	Yên Bái	2344	21A-232.06	Yên Bái	3944	20C-314.85	Thái Nguyên
745	21A-226.36	Yên Bái	2345	21B-014.59	Yên Bái	3945	20C-315.18	Thái Nguyên
746	21A-226.98	Yên Bái	2346	21B-015.96	Yên Bái	3946	20C-318.63	Thái Nguyên
747	21A-228.56	Yên Bái	2347	21C-114.35	Yên Bái	3947	20C-323.18	Thái Nguyên
748	21B-016.38	Yên Bái	2348	21D-006.85	Yên Bái	3948	20C-323.28	Thái Nguyên
749	21D-007.85	Yên Bái	2349	21D-009.95	Yên Bái	3949	21A-226.16	Yên Bái
750	21D-010.16	Yên Bái	2350	22A-269.83	Tuyên Quang	3950	21A-227.16	Yên Bái
751	22A-270.35	Tuyên Quang	2351	22A-272.28	Tuyên Quang	3951	21A-228.96	Yên Bái
752	22A-272.38	Tuyên Quang	2352	22A-277.36	Tuyên Quang	3952	21A-231.63	Yên Bái
753	22A-273.36	Tuyên Quang	2353	22A-282.85	Tuyên Quang	3953	21B-016.63	Yên Bái
754	22A-274.95	Tuyên Quang	2354	22B-018.65	Tuyên Quang	3954	21C-115.83	Yên Bái
755	22A-281.85	Tuyên Quang	2355	22C-115.28	Tuyên Quang	3955	22A-271.09	Tuyên Quang
756	22B-016.98	Tuyên Quang	2356	22C-118.63	Tuyên Quang	3956	22A-273.25	Tuyên Quang
757	22B-017.19	Tuyên Quang	2357	22D-010.38	Tuyên Quang	3957	22A-278.29	Tuyên Quang
758	22B-018.35	Tuyên Quang	2358	22D-013.25	Tuyên Quang	3958	22A-282.08	Tuyên Quang
759	22B-019.65	Tuyên Quang	2359	23A-163.98	Hà Giang	3959	22C-115.56	Tuyên Quang
760	22D-012.96	Tuyên Quang	2360	23A-164.83	Hà Giang	3960	22D-010.09	Tuyên Quang
761	23B-013.18	Hà Giang	2361	23A-167.56	Hà Giang	3961	22D-012.06	Tuyên Quang
762	23C-091.83	Hà Giang	2362	23A-167.65	Hà Giang	3962	22D-013.65	Tuyên Quang
763	23D-009.18	Hà Giang	2363	23A-168.36	Hà Giang	3963	23A-165.96	Hà Giang
764	24B-019.38	Lào Cai	2364	23B-011.09	Hà Giang	3964	23A-167.63	Hà Giang
765	24B-020.06	Lào Cai	2365	23C-090.59	Hà Giang	3965	23A-169.09	Hà Giang
766	24B-021.56	Lào Cai	2366	23C-093.16	Hà Giang	3966	23D-011.16	Hà Giang
767	24B-021.96	Lào Cai	2367	23D-008.28	Hà Giang	3967	24A-321.16	Lào Cai
768	24B-022.83	Lào Cai	2368	24C-165.98	Lào Cai	3968	24A-321.58	Lào Cai
769	24C-168.95	Lào Cai	2369	24C-167.35	Lào Cai	3969	24A-326.59	Lào Cai
770	24C-169.56	Lào Cai	2370	24D-011.95	Lào Cai	3970	24C-169.28	Lào Cai
771	24C-170.28	Lào Cai	2371	24D-012.06	Lào Cai	3971	24D-010.35	Lào Cai
772	24C-171.96	Lào Cai	2372	24D-013.18	Lào Cai	3972	25A-086.65	Lai Châu
773	24D-010.18	Lào Cai	2373	25A-085.25	Lai Châu	3973	25B-010.35	Lai Châu
774	25B-008.29	Lai Châu	2374	25B-010.56	Lai Châu	3974	25C-060.38	Lai Châu
775	25C-061.25	Lai Châu	2375	26A-235.15	Sơn La	3975	25C-061.56	Lai Châu
776	26A-237.28	Sơn La	2376	26A-236.16	Sơn La	3976	25D-009.16	Lai Châu

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
777	26A-238.59	Sơn La	2377	26A-241.85	Sơn La	3977	25D-009.59	Lai Châu
778	26A-239.85	Sơn La	2378	26B-020.28	Sơn La	3978	26A-239.38	Sơn La
779	26A-241.56	Sơn La	2379	26B-022.28	Sơn La	3979	26A-243.63	Sơn La
780	26B-019.59	Sơn La	2380	26C-163.58	Sơn La	3980	26B-021.29	Sơn La
781	26B-020.36	Sơn La	2381	26C-165.08	Sơn La	3981	26B-022.16	Sơn La
782	26B-022.06	Sơn La	2382	26C-166.98	Sơn La	3982	26C-168.09	Sơn La
783	26B-022.63	Sơn La	2383	26C-167.59	Sơn La	3983	26D-015.95	Sơn La
784	26C-168.28	Sơn La	2384	27A-128.96	Điện Biên	3984	27A-129.15	Điện Biên
785	26D-014.56	Sơn La	2385	27A-130.06	Điện Biên	3985	27A-130.83	Điện Biên
786	26D-015.65	Sơn La	2386	27A-130.09	Điện Biên	3986	27A-132.59	Điện Biên
787	26D-017.19	Sơn La	2387	27A-130.85	Điện Biên	3987	27A-135.28	Điện Biên
788	27A-130.95	Điện Biên	2388	27A-131.19	Điện Biên	3988	27C-074.96	Điện Biên
789	27A-132.25	Điện Biên	2389	27A-136.15	Điện Biên	3989	27C-075.38	Điện Biên
790	27A-135.06	Điện Biên	2390	27C-075.58	Điện Biên	3990	27C-076.29	Điện Biên
791	27C-074.28	Điện Biên	2391	27D-010.09	Điện Biên	3991	27C-076.63	Điện Biên
792	27C-077.08	Điện Biên	2392	28A-258.96	Hòa Bình	3992	27C-077.15	Điện Biên
793	27D-010.15	Điện Biên	2393	28A-259.98	Hòa Bình	3993	27C-077.95	Điện Biên
794	28A-262.38	Hòa Bình	2394	28A-267.08	Hòa Bình	3994	27D-008.95	Điện Biên
795	28A-264.95	Hòa Bình	2395	28A-271.15	Hòa Bình	3995	28A-260.38	Hòa Bình
796	28A-265.83	Hòa Bình	2396	28A-272.15	Hòa Bình	3996	28A-262.59	Hòa Bình
797	28A-268.15	Hòa Bình	2397	28D-014.83	Hòa Bình	3997	28A-267.56	Hòa Bình
798	29B-659.25	Hà Nội	2398	29B-662.38	Hà Nội	3998	28A-269.63	Hòa Bình
799	29B-660.26	Hà Nội	2399	29D-626.95	Hà Nội	3999	28A-271.65	Hòa Bình
800	29B-660.36	Hà Nội	2400	29D-628.58	Hà Nội	4000	28C-122.29	Hòa Bình
801	29D-627.56	Hà Nội	2401	29D-629.95	Hà Nội	4001	28C-122.85	Hòa Bình
802	29D-628.98	Hà Nội	2402	29D-632.96	Hà Nội	4002	28C-126.98	Hòa Bình
803	29D-630.08	Hà Nội	2403	29D-634.83	Hà Nội	4003	28D-011.16	Hòa Bình
804	29D-635.15	Hà Nội	2404	29D-638.85	Hà Nội	4004	28D-011.26	Hòa Bình
805	29K-328.19	Hà Nội	2405	29D-641.38	Hà Nội	4005	29B-660.16	Hà Nội
806	29K-330.29	Hà Nội	2406	29K-328.38	Hà Nội	4006	29D-633.18	Hà Nội
807	29K-334.95	Hà Nội	2407	29K-329.06	Hà Nội	4007	29D-634.06	Hà Nội
808	29K-337.85	Hà Nội	2408	29K-332.09	Hà Nội	4008	29D-638.16	Hà Nội
809	29K-338.85	Hà Nội	2409	29K-332.38	Hà Nội	4009	29K-334.38	Hà Nội
810	29K-343.18	Hà Nội	2410	29K-332.65	Hà Nội	4010	29K-334.58	Hà Nội
811	29K-343.28	Hà Nội	2411	29K-337.36	Hà Nội	4011	29K-336.35	Hà Nội
812	29K-345.63	Hà Nội	2412	29K-337.96	Hà Nội	4012	29K-337.15	Hà Nội
813	29K-364.18	Hà Nội	2413	29K-355.63	Hà Nội	4013	29K-340.25	Hà Nội
814	29K-368.83	Hà Nội	2414	29K-372.15	Hà Nội	4014	29K-340.83	Hà Nội
815	29K-377.95	Hà Nội	2415	29K-372.65	Hà Nội	4015	29K-343.36	Hà Nội
816	29K-382.65	Hà Nội	2416	29K-376.19	Hà Nội	4016	29K-346.28	Hà Nội
817	29K-389.06	Hà Nội	2417	29K-378.59	Hà Nội	4017	29K-346.83	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
818	29K-391.98	Hà Nội	2418	29K-397.35	Hà Nội	4018	29K-353.38	Hà Nội
819	29K-394.98	Hà Nội	2419	29K-399.35	Hà Nội	4019	29K-366.16	Hà Nội
820	29K-397.59	Hà Nội	2420	29K-410.38	Hà Nội	4020	29K-366.25	Hà Nội
821	29K-398.18	Hà Nội	2421	29K-417.85	Hà Nội	4021	29K-367.28	Hà Nội
822	29K-400.08	Hà Nội	2422	29K-423.19	Hà Nội	4022	29K-367.29	Hà Nội
823	29K-406.09	Hà Nội	2423	29K-427.98	Hà Nội	4023	29K-368.18	Hà Nội
824	29K-413.16	Hà Nội	2424	29K-428.18	Hà Nội	4024	29K-370.63	Hà Nội
825	29K-424.16	Hà Nội	2425	29K-431.38	Hà Nội	4025	29K-371.08	Hà Nội
826	29K-426.35	Hà Nội	2426	29K-432.59	Hà Nội	4026	29K-379.36	Hà Nội
827	29K-433.65	Hà Nội	2427	29K-438.63	Hà Nội	4027	29K-400.18	Hà Nội
828	29K-434.18	Hà Nội	2428	29K-440.26	Hà Nội	4028	29K-400.59	Hà Nội
829	29K-439.59	Hà Nội	2429	29K-446.95	Hà Nội	4029	29K-403.28	Hà Nội
830	29K-440.08	Hà Nội	2430	29K-447.25	Hà Nội	4030	29K-403.36	Hà Nội
831	29K-443.09	Hà Nội	2431	29K-449.63	Hà Nội	4031	29K-405.95	Hà Nội
832	29K-454.95	Hà Nội	2432	29K-460.25	Hà Nội	4032	29K-407.98	Hà Nội
833	29K-458.06	Hà Nội	2433	29K-462.35	Hà Nội	4033	29K-410.08	Hà Nội
834	29K-461.29	Hà Nội	2434	29K-464.19	Hà Nội	4034	29K-414.06	Hà Nội
835	29K-465.95	Hà Nội	2435	29K-469.63	Hà Nội	4035	29K-419.29	Hà Nội
836	29K-466.36	Hà Nội	2436	29K-470.38	Hà Nội	4036	29K-424.18	Hà Nội
837	29K-469.95	Hà Nội	2437	29K-471.18	Hà Nội	4037	29K-424.95	Hà Nội
838	29K-470.59	Hà Nội	2438	29K-473.56	Hà Nội	4038	29K-425.96	Hà Nội
839	29K-471.98	Hà Nội	2439	30M-033.85	Hà Nội	4039	29K-427.18	Hà Nội
840	29K-475.09	Hà Nội	2440	30M-034.19	Hà Nội	4040	29K-427.36	Hà Nội
841	29K-475.85	Hà Nội	2441	30M-035.63	Hà Nội	4041	29K-433.63	Hà Nội
842	30M-033.35	Hà Nội	2442	30M-038.28	Hà Nội	4042	29K-438.06	Hà Nội
843	30M-033.59	Hà Nội	2443	30M-039.06	Hà Nội	4043	29K-445.98	Hà Nội
844	30M-034.38	Hà Nội	2444	30M-057.18	Hà Nội	4044	29K-447.38	Hà Nội
845	30M-039.25	Hà Nội	2445	30M-062.38	Hà Nội	4045	29K-456.35	Hà Nội
846	30M-051.25	Hà Nội	2446	30M-065.09	Hà Nội	4046	29K-459.28	Hà Nội
847	30M-060.98	Hà Nội	2447	30M-066.63	Hà Nội	4047	29K-461.35	Hà Nội
848	30M-061.28	Hà Nội	2448	30M-074.19	Hà Nội	4048	29K-470.16	Hà Nội
849	30M-063.15	Hà Nội	2449	30M-076.98	Hà Nội	4049	30M-038.26	Hà Nội
850	30M-073.16	Hà Nội	2450	30M-097.06	Hà Nội	4050	30M-040.95	Hà Nội
851	30M-073.26	Hà Nội	2451	30M-101.29	Hà Nội	4051	30M-056.36	Hà Nội
852	30M-074.56	Hà Nội	2452	30M-101.59	Hà Nội	4052	30M-056.85	Hà Nội
853	30M-076.65	Hà Nội	2453	30M-105.63	Hà Nội	4053	30M-060.16	Hà Nội
854	30M-076.85	Hà Nội	2454	30M-110.58	Hà Nội	4054	30M-063.18	Hà Nội
855	30M-077.29	Hà Nội	2455	30M-112.28	Hà Nội	4055	30M-064.25	Hà Nội
856	30M-082.98	Hà Nội	2456	30M-114.16	Hà Nội	4056	30M-066.26	Hà Nội
857	30M-089.83	Hà Nội	2457	30M-117.08	Hà Nội	4057	30M-070.59	Hà Nội
858	30M-097.85	Hà Nội	2458	30M-121.06	Hà Nội	4058	30M-077.09	Hà Nội

ĐI 4
CÔNG
ĐẦU
HỢP
VIỆT
NH XU

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
859	30M-098.29	Hà Nội	2459	30M-122.65	Hà Nội	4059	30M-081.06	Hà Nội
860	30M-101.56	Hà Nội	2460	30M-130.09	Hà Nội	4060	30M-082.59	Hà Nội
861	30M-105.16	Hà Nội	2461	30M-131.29	Hà Nội	4061	30M-090.26	Hà Nội
862	30M-106.25	Hà Nội	2462	30M-132.95	Hà Nội	4062	30M-092.08	Hà Nội
863	30M-107.09	Hà Nội	2463	30M-140.96	Hà Nội	4063	30M-097.36	Hà Nội
864	30M-130.18	Hà Nội	2464	30M-145.29	Hà Nội	4064	30M-106.19	Hà Nội
865	30M-130.38	Hà Nội	2465	30M-157.09	Hà Nội	4065	30M-110.59	Hà Nội
866	30M-131.08	Hà Nội	2466	30M-157.59	Hà Nội	4066	30M-117.06	Hà Nội
867	30M-133.65	Hà Nội	2467	30M-162.56	Hà Nội	4067	30M-119.85	Hà Nội
868	30M-133.95	Hà Nội	2468	30M-174.83	Hà Nội	4068	30M-120.26	Hà Nội
869	30M-133.96	Hà Nội	2469	30M-179.09	Hà Nội	4069	30M-137.06	Hà Nội
870	30M-136.18	Hà Nội	2470	30M-185.83	Hà Nội	4070	30M-139.65	Hà Nội
871	30M-148.65	Hà Nội	2471	30M-187.08	Hà Nội	4071	30M-147.16	Hà Nội
872	30M-153.83	Hà Nội	2472	30M-195.18	Hà Nội	4072	30M-150.36	Hà Nội
873	30M-160.18	Hà Nội	2473	30M-198.58	Hà Nội	4073	30M-152.63	Hà Nội
874	30M-168.58	Hà Nội	2474	30M-202.63	Hà Nội	4074	30M-161.58	Hà Nội
875	30M-172.38	Hà Nội	2475	30M-203.63	Hà Nội	4075	30M-163.96	Hà Nội
876	30M-175.96	Hà Nội	2476	30M-207.85	Hà Nội	4076	30M-164.98	Hà Nội
877	30M-176.19	Hà Nội	2477	30M-209.15	Hà Nội	4077	30M-174.26	Hà Nội
878	30M-183.26	Hà Nội	2478	30M-223.29	Hà Nội	4078	30M-180.29	Hà Nội
879	30M-184.63	Hà Nội	2479	30M-227.83	Hà Nội	4079	30M-186.56	Hà Nội
880	30M-186.16	Hà Nội	2480	30M-233.25	Hà Nội	4080	30M-187.83	Hà Nội
881	30M-197.96	Hà Nội	2481	30M-234.18	Hà Nội	4081	30M-190.06	Hà Nội
882	30M-201.83	Hà Nội	2482	30M-234.26	Hà Nội	4082	30M-195.26	Hà Nội
883	30M-214.83	Hà Nội	2483	30M-234.63	Hà Nội	4083	30M-195.28	Hà Nội
884	30M-217.06	Hà Nội	2484	30M-239.29	Hà Nội	4084	30M-196.09	Hà Nội
885	30M-234.65	Hà Nội	2485	30M-254.28	Hà Nội	4085	30M-205.83	Hà Nội
886	30M-237.29	Hà Nội	2486	30M-255.96	Hà Nội	4086	30M-208.19	Hà Nội
887	30M-241.29	Hà Nội	2487	30M-257.35	Hà Nội	4087	30M-212.35	Hà Nội
888	30M-242.15	Hà Nội	2488	30M-260.83	Hà Nội	4088	30M-213.26	Hà Nội
889	30M-244.28	Hà Nội	2489	30M-271.28	Hà Nội	4089	30M-215.28	Hà Nội
890	30M-246.29	Hà Nội	2490	30M-279.18	Hà Nội	4090	30M-219.08	Hà Nội
891	30M-247.09	Hà Nội	2491	30M-279.63	Hà Nội	4091	30M-224.08	Hà Nội
892	30M-250.09	Hà Nội	2492	30M-285.25	Hà Nội	4092	30M-226.19	Hà Nội
893	30M-254.56	Hà Nội	2493	30M-287.59	Hà Nội	4093	30M-226.56	Hà Nội
894	30M-255.65	Hà Nội	2494	30M-291.59	Hà Nội	4094	30M-230.08	Hà Nội
895	30M-257.19	Hà Nội	2495	30M-299.65	Hà Nội	4095	30M-230.18	Hà Nội
896	30M-259.28	Hà Nội	2496	30M-304.16	Hà Nội	4096	30M-240.25	Hà Nội
897	30M-268.08	Hà Nội	2497	30M-311.35	Hà Nội	4097	30M-242.18	Hà Nội
898	30M-269.85	Hà Nội	2498	30M-318.25	Hà Nội	4098	30M-242.25	Hà Nội
899	30M-289.35	Hà Nội	2499	30M-322.18	Hà Nội	4099	30M-249.19	Hà Nội

TỶ

GIÁ

ANH

NAM

N.T.P.

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
900	30M-291.15	Hà Nội	2500	30M-352.38	Hà Nội	4100	30M-250.95	Hà Nội
901	30M-291.58	Hà Nội	2501	30M-365.98	Hà Nội	4101	30M-259.06	Hà Nội
902	30M-291.85	Hà Nội	2502	30M-378.06	Hà Nội	4102	30M-260.63	Hà Nội
903	30M-293.58	Hà Nội	2503	30M-383.28	Hà Nội	4103	30M-261.35	Hà Nội
904	30M-296.08	Hà Nội	2504	30M-387.08	Hà Nội	4104	30M-263.18	Hà Nội
905	30M-297.85	Hà Nội	2505	30M-388.26	Hà Nội	4105	30M-265.83	Hà Nội
906	30M-299.56	Hà Nội	2506	30M-392.59	Hà Nội	4106	30M-268.09	Hà Nội
907	30M-313.65	Hà Nội	2507	30M-398.58	Hà Nội	4107	30M-272.63	Hà Nội
908	30M-315.36	Hà Nội	2508	30M-403.58	Hà Nội	4108	30M-274.28	Hà Nội
909	30M-322.35	Hà Nội	2509	30M-406.36	Hà Nội	4109	30M-277.35	Hà Nội
910	30M-322.85	Hà Nội	2510	30M-410.85	Hà Nội	4110	30M-281.36	Hà Nội
911	30M-323.18	Hà Nội	2511	30M-421.08	Hà Nội	4111	30M-282.06	Hà Nội
912	30M-326.56	Hà Nội	2512	30M-421.29	Hà Nội	4112	30M-282.35	Hà Nội
913	30M-326.95	Hà Nội	2513	30M-421.35	Hà Nội	4113	30M-296.16	Hà Nội
914	30M-334.19	Hà Nội	2514	30M-421.65	Hà Nội	4114	30M-304.59	Hà Nội
915	30M-336.85	Hà Nội	2515	34A-919.58	Hải Dương	4115	30M-311.19	Hà Nội
916	30M-340.06	Hà Nội	2516	34A-923.83	Hải Dương	4116	30M-317.38	Hà Nội
917	30M-340.35	Hà Nội	2517	34A-928.16	Hải Dương	4117	30M-335.06	Hà Nội
918	30M-344.15	Hà Nội	2518	34A-931.25	Hải Dương	4118	30M-340.96	Hà Nội
919	30M-347.18	Hà Nội	2519	34A-944.85	Hải Dương	4119	30M-341.08	Hà Nội
920	30M-355.19	Hà Nội	2520	34A-946.85	Hải Dương	4120	30M-344.96	Hà Nội
921	30M-357.65	Hà Nội	2521	34A-949.65	Hải Dương	4121	30M-345.19	Hà Nội
922	30M-359.19	Hà Nội	2522	34A-953.96	Hải Dương	4122	30M-345.95	Hà Nội
923	30M-364.95	Hà Nội	2523	34A-959.28	Hải Dương	4123	30M-348.83	Hà Nội
924	30M-365.09	Hà Nội	2524	34A-961.59	Hải Dương	4124	30M-355.16	Hà Nội
925	30M-368.59	Hà Nội	2525	34A-965.15	Hải Dương	4125	30M-361.28	Hà Nội
926	30M-375.58	Hà Nội	2526	34A-967.35	Hải Dương	4126	30M-361.59	Hà Nội
927	30M-381.98	Hà Nội	2527	34A-971.26	Hải Dương	4127	30M-363.83	Hà Nội
928	30M-383.65	Hà Nội	2528	34A-974.29	Hải Dương	4128	30M-365.35	Hà Nội
929	30M-393.06	Hà Nội	2529	34A-976.28	Hải Dương	4129	30M-369.06	Hà Nội
930	30M-411.06	Hà Nội	2530	34C-434.18	Hải Dương	4130	30M-371.83	Hà Nội
931	30M-412.19	Hà Nội	2531	34C-442.83	Hải Dương	4131	30M-372.19	Hà Nội
932	30M-413.58	Hà Nội	2532	34C-446.18	Hải Dương	4132	30M-375.25	Hà Nội
933	30M-418.28	Hà Nội	2533	34D-039.25	Hải Dương	4133	30M-375.59	Hà Nội
934	34A-924.38	Hải Dương	2534	34D-040.83	Hải Dương	4134	30M-381.29	Hà Nội
935	34A-926.96	Hải Dương	2535	34D-042.38	Hải Dương	4135	30M-382.35	Hà Nội
936	34A-932.26	Hải Dương	2536	35A-466.25	Ninh Bình	4136	30M-385.95	Hà Nội
937	34A-932.35	Hải Dương	2537	35A-466.28	Ninh Bình	4137	30M-391.38	Hà Nội
938	34A-946.06	Hải Dương	2538	35A-469.95	Ninh Bình	4138	30M-403.65	Hà Nội
939	34A-949.83	Hải Dương	2539	35A-470.08	Ninh Bình	4139	30M-404.18	Hà Nội
940	34A-956.28	Hải Dương	2540	35A-474.65	Ninh Bình	4140	30M-406.16	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
941	34A-962.18	Hải Dương	2541	35A-475.59	Ninh Bình	4141	30M-414.08	Hà Nội
942	34A-968.06	Hải Dương	2542	35A-481.06	Ninh Bình	4142	30M-415.56	Hà Nội
943	34A-969.08	Hải Dương	2543	35A-484.28	Ninh Bình	4143	34A-924.83	Hải Dương
944	34A-969.18	Hải Dương	2544	35A-484.35	Ninh Bình	4144	34A-931.95	Hải Dương
945	34A-973.16	Hải Dương	2545	35C-180.16	Ninh Bình	4145	34A-944.65	Hải Dương
946	34A-975.15	Hải Dương	2546	36C-549.36	Thanh Hóa	4146	34A-950.28	Hải Dương
947	34C-435.65	Hải Dương	2547	36C-556.83	Thanh Hóa	4147	34A-952.29	Hải Dương
948	34C-439.15	Hải Dương	2548	36C-561.25	Thanh Hóa	4148	34A-956.38	Hải Dương
949	34C-441.08	Hải Dương	2549	36C-567.36	Thanh Hóa	4149	34A-957.83	Hải Dương
950	34C-449.56	Hải Dương	2550	36C-575.59	Thanh Hóa	4150	34A-958.08	Hải Dương
951	34C-450.83	Hải Dương	2551	36C-578.08	Thanh Hóa	4151	34A-961.29	Hải Dương
952	34D-038.59	Hải Dương	2552	36D-030.56	Thanh Hóa	4152	34A-964.16	Hải Dương
953	35A-465.63	Ninh Bình	2553	36K-229.16	Thanh Hóa	4153	34A-969.09	Hải Dương
954	35A-468.38	Ninh Bình	2554	36K-232.63	Thanh Hóa	4154	34A-969.15	Hải Dương
955	35A-476.25	Ninh Bình	2555	36K-243.06	Thanh Hóa	4155	34A-971.85	Hải Dương
956	35A-478.35	Ninh Bình	2556	36K-243.09	Thanh Hóa	4156	34A-975.09	Hải Dương
957	35A-478.83	Ninh Bình	2557	36K-243.58	Thanh Hóa	4157	34A-975.35	Hải Dương
958	35A-480.18	Ninh Bình	2558	36K-248.65	Thanh Hóa	4158	34B-044.28	Hải Dương
959	35A-483.98	Ninh Bình	2559	36K-262.98	Thanh Hóa	4159	34C-440.36	Hải Dương
960	35C-182.65	Ninh Bình	2560	36K-268.15	Thanh Hóa	4160	34C-440.58	Hải Dương
961	35C-184.19	Ninh Bình	2561	36K-271.38	Thanh Hóa	4161	34C-441.26	Hải Dương
962	35D-019.63	Ninh Bình	2562	36K-284.29	Thanh Hóa	4162	34C-443.29	Hải Dương
963	36B-048.06	Thanh Hóa	2563	36K-286.08	Thanh Hóa	4163	34C-445.83	Hải Dương
964	36B-049.09	Thanh Hóa	2564	36K-286.65	Thanh Hóa	4164	34C-449.38	Hải Dương
965	36B-050.65	Thanh Hóa	2565	36K-292.25	Thanh Hóa	4165	34C-450.19	Hải Dương
966	36C-546.56	Thanh Hóa	2566	36K-292.36	Thanh Hóa	4166	34D-039.36	Hải Dương
967	36C-549.38	Thanh Hóa	2567	36K-297.26	Thanh Hóa	4167	34D-039.58	Hải Dương
968	36C-554.83	Thanh Hóa	2568	36K-299.56	Thanh Hóa	4168	34D-041.63	Hải Dương
969	36C-561.95	Thanh Hóa	2569	37B-048.85	Nghệ An	4169	35A-467.06	Ninh Bình
970	36C-563.83	Thanh Hóa	2570	37B-048.96	Nghệ An	4170	35A-470.96	Ninh Bình
971	36C-566.95	Thanh Hóa	2571	37C-571.29	Nghệ An	4171	35A-471.98	Ninh Bình
972	36C-568.28	Thanh Hóa	2572	37C-574.18	Nghệ An	4172	35A-476.15	Ninh Bình
973	36C-569.25	Thanh Hóa	2573	37C-584.25	Nghệ An	4173	35B-023.16	Ninh Bình
974	36C-578.35	Thanh Hóa	2574	37C-587.96	Nghệ An	4174	35B-026.25	Ninh Bình
975	36D-032.09	Thanh Hóa	2575	37C-593.65	Nghệ An	4175	35C-183.56	Ninh Bình
976	36K-233.36	Thanh Hóa	2576	37C-593.96	Nghệ An	4176	36C-547.25	Thanh Hóa
977	36K-236.65	Thanh Hóa	2577	37D-050.19	Nghệ An	4177	36C-549.16	Thanh Hóa
978	36K-237.19	Thanh Hóa	2578	37K-492.08	Nghệ An	4178	36C-549.26	Thanh Hóa
979	36K-243.35	Thanh Hóa	2579	37K-496.36	Nghệ An	4179	36C-557.56	Thanh Hóa
980	36K-244.06	Thanh Hóa	2580	37K-504.19	Nghệ An	4180	36C-558.26	Thanh Hóa
981	36K-250.56	Thanh Hóa	2581	37K-505.08	Nghệ An	4181	36C-560.29	Thanh Hóa

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
982	36K-253.09	Thanh Hóa	2582	37K-509.83	Nghệ An	4182	36C-562.83	Thanh Hóa
983	36K-255.35	Thanh Hóa	2583	37K-515.25	Nghệ An	4183	36C-577.65	Thanh Hóa
984	36K-258.15	Thanh Hóa	2584	37K-518.36	Nghệ An	4184	36C-580.16	Thanh Hóa
985	36K-260.18	Thanh Hóa	2585	37K-520.83	Nghệ An	4185	36K-235.56	Thanh Hóa
986	36K-266.98	Thanh Hóa	2586	37K-524.26	Nghệ An	4186	36K-241.83	Thanh Hóa
987	36K-267.28	Thanh Hóa	2587	37K-524.36	Nghệ An	4187	36K-242.56	Thanh Hóa
988	36K-272.19	Thanh Hóa	2588	37K-530.83	Nghệ An	4188	36K-249.35	Thanh Hóa
989	36K-275.06	Thanh Hóa	2589	37K-533.65	Nghệ An	4189	36K-249.95	Thanh Hóa
990	36K-278.28	Thanh Hóa	2590	37K-534.63	Nghệ An	4190	36K-252.85	Thanh Hóa
991	36K-283.36	Thanh Hóa	2591	37K-542.29	Nghệ An	4191	36K-260.08	Thanh Hóa
992	36K-288.09	Thanh Hóa	2592	37K-547.06	Nghệ An	4192	36K-260.36	Thanh Hóa
993	36K-304.16	Thanh Hóa	2593	37K-548.19	Nghệ An	4193	36K-265.85	Thanh Hóa
994	36K-304.56	Thanh Hóa	2594	37K-550.98	Nghệ An	4194	36K-271.29	Thanh Hóa
995	36K-305.25	Thanh Hóa	2595	37K-554.15	Nghệ An	4195	36K-271.56	Thanh Hóa
996	37B-047.06	Nghệ An	2596	37K-557.06	Nghệ An	4196	36K-289.18	Thanh Hóa
997	37C-570.25	Nghệ An	2597	37K-559.36	Nghệ An	4197	36K-296.16	Thanh Hóa
998	37C-570.35	Nghệ An	2598	37K-568.28	Nghệ An	4198	37C-568.18	Nghệ An
999	37C-581.56	Nghệ An	2599	37K-569.06	Nghệ An	4199	37C-571.15	Nghệ An
1000	37C-587.25	Nghệ An	2600	37K-571.58	Nghệ An	4200	37C-571.25	Nghệ An
1001	37K-483.98	Nghệ An	2601	37K-572.95	Nghệ An	4201	37C-572.58	Nghệ An
1002	37K-484.16	Nghệ An	2602	37K-574.15	Nghệ An	4202	37C-575.29	Nghệ An
1003	37K-488.25	Nghệ An	2603	38A-683.96	Hà Tĩnh	4203	37C-578.56	Nghệ An
1004	37K-493.18	Nghệ An	2604	38A-686.19	Hà Tĩnh	4204	37C-580.83	Nghệ An
1005	37K-505.18	Nghệ An	2605	38A-692.15	Hà Tĩnh	4205	37C-589.06	Nghệ An
1006	37K-512.36	Nghệ An	2606	38A-695.29	Hà Tĩnh	4206	37C-595.26	Nghệ An
1007	37K-518.95	Nghệ An	2607	38A-702.16	Hà Tĩnh	4207	37K-483.95	Nghệ An
1008	37K-523.19	Nghệ An	2608	38A-708.29	Hà Tĩnh	4208	37K-486.19	Nghệ An
1009	37K-529.36	Nghệ An	2609	38A-708.59	Hà Tĩnh	4209	37K-489.26	Nghệ An
1010	37K-531.29	Nghệ An	2610	38B-024.19	Hà Tĩnh	4210	37K-493.15	Nghệ An
1011	37K-535.25	Nghệ An	2611	38B-024.83	Hà Tĩnh	4211	37K-497.65	Nghệ An
1012	37K-535.26	Nghệ An	2612	38C-243.25	Hà Tĩnh	4212	37K-502.19	Nghệ An
1013	37K-540.56	Nghệ An	2613	38C-248.29	Hà Tĩnh	4213	37K-503.19	Nghệ An
1014	37K-544.26	Nghệ An	2614	38C-249.63	Hà Tĩnh	4214	37K-504.38	Nghệ An
1015	37K-548.09	Nghệ An	2615	38C-252.06	Hà Tĩnh	4215	37K-504.58	Nghệ An
1016	37K-549.35	Nghệ An	2616	38C-252.09	Hà Tĩnh	4216	37K-508.15	Nghệ An
1017	37K-552.38	Nghệ An	2617	38C-252.26	Hà Tĩnh	4217	37K-515.58	Nghệ An
1018	37K-552.83	Nghệ An	2618	38C-252.59	Hà Tĩnh	4218	37K-518.25	Nghệ An
1019	37K-554.28	Nghệ An	2619	38D-020.38	Hà Tĩnh	4219	37K-525.09	Nghệ An
1020	37K-556.83	Nghệ An	2620	43A-955.19	Đà Nẵng	4220	37K-527.63	Nghệ An
1021	37K-567.08	Nghệ An	2621	43A-958.28	Đà Nẵng	4221	37K-533.08	Nghệ An
1022	37K-570.25	Nghệ An	2622	43A-959.29	Đà Nẵng	4222	37K-540.08	Nghệ An

Đ: 4
 CÔNG
 ĐẤU
 HỢP D
 VIỆT I
 H XUÂN

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1023	38A-682.19	Hà Tĩnh	2623	43A-962.38	Đà Nẵng	4223	37K-545.35	Nghệ An
1024	38A-685.98	Hà Tĩnh	2624	43A-964.29	Đà Nẵng	4224	37K-549.85	Nghệ An
1025	38A-691.09	Hà Tĩnh	2625	43A-965.16	Đà Nẵng	4225	37K-550.38	Nghệ An
1026	38A-706.95	Hà Tĩnh	2626	43A-967.63	Đà Nẵng	4226	37K-552.18	Nghệ An
1027	38B-026.36	Hà Tĩnh	2627	43A-969.36	Đà Nẵng	4227	37K-559.65	Nghệ An
1028	38C-248.06	Hà Tĩnh	2628	43A-974.38	Đà Nẵng	4228	37K-560.59	Nghệ An
1029	38C-249.59	Hà Tĩnh	2629	43A-975.19	Đà Nẵng	4229	37K-565.16	Nghệ An
1030	38C-251.85	Hà Tĩnh	2630	43A-978.36	Đà Nẵng	4230	37K-566.18	Nghệ An
1031	38D-022.18	Hà Tĩnh	2631	43B-064.28	Đà Nẵng	4231	37K-566.85	Nghệ An
1032	38D-023.15	Hà Tĩnh	2632	43B-064.36	Đà Nẵng	4232	38A-680.25	Hà Tĩnh
1033	38D-023.38	Hà Tĩnh	2633	43B-064.96	Đà Nẵng	4233	38A-681.06	Hà Tĩnh
1034	43A-943.56	Đà Nẵng	2634	43C-316.83	Đà Nẵng	4234	38A-682.06	Hà Tĩnh
1035	43A-948.25	Đà Nẵng	2635	43C-316.96	Đà Nẵng	4235	38A-683.29	Hà Tĩnh
1036	43A-952.38	Đà Nẵng	2636	43C-318.98	Đà Nẵng	4236	38A-684.95	Hà Tĩnh
1037	43A-961.18	Đà Nẵng	2637	43C-320.18	Đà Nẵng	4237	38A-687.65	Hà Tĩnh
1038	43A-965.58	Đà Nẵng	2638	43C-321.08	Đà Nẵng	4238	38A-687.98	Hà Tĩnh
1039	43A-967.85	Đà Nẵng	2639	43C-323.58	Đà Nẵng	4239	38A-690.85	Hà Tĩnh
1040	43A-975.26	Đà Nẵng	2640	43C-323.96	Đà Nẵng	4240	38A-694.08	Hà Tĩnh
1041	43A-976.29	Đà Nẵng	2641	43D-015.65	Đà Nẵng	4241	38A-694.65	Hà Tĩnh
1042	43B-063.85	Đà Nẵng	2642	47A-822.09	Đắk Lắk	4242	38A-697.08	Hà Tĩnh
1043	43B-065.98	Đà Nẵng	2643	47A-823.36	Đắk Lắk	4243	38A-702.19	Hà Tĩnh
1044	43B-066.63	Đà Nẵng	2644	47A-825.09	Đắk Lắk	4244	38A-705.26	Hà Tĩnh
1045	43B-067.65	Đà Nẵng	2645	47A-828.58	Đắk Lắk	4245	38A-710.29	Hà Tĩnh
1046	43C-317.28	Đà Nẵng	2646	47A-829.19	Đắk Lắk	4246	38C-245.83	Hà Tĩnh
1047	43C-322.38	Đà Nẵng	2647	47A-830.98	Đắk Lắk	4247	38C-251.56	Hà Tĩnh
1048	47A-813.59	Đắk Lắk	2648	47A-832.09	Đắk Lắk	4248	38C-254.26	Hà Tĩnh
1049	47A-814.08	Đắk Lắk	2649	47A-832.18	Đắk Lắk	4249	38D-022.38	Hà Tĩnh
1050	47A-816.19	Đắk Lắk	2650	47A-832.98	Đắk Lắk	4250	43A-964.98	Đà Nẵng
1051	47A-816.29	Đắk Lắk	2651	47A-833.58	Đắk Lắk	4251	43A-969.06	Đà Nẵng
1052	47A-819.65	Đắk Lắk	2652	47A-834.25	Đắk Lắk	4252	43A-977.06	Đà Nẵng
1053	47A-822.63	Đắk Lắk	2653	47A-834.85	Đắk Lắk	4253	43A-978.83	Đà Nẵng
1054	47A-827.18	Đắk Lắk	2654	47A-835.98	Đắk Lắk	4254	43A-979.06	Đà Nẵng
1055	47A-833.56	Đắk Lắk	2655	47A-836.19	Đắk Lắk	4255	43B-064.38	Đà Nẵng
1056	47A-841.16	Đắk Lắk	2656	47A-837.15	Đắk Lắk	4256	43B-066.35	Đà Nẵng
1057	47A-845.38	Đắk Lắk	2657	47A-844.98	Đắk Lắk	4257	43C-314.56	Đà Nẵng
1058	47A-848.63	Đắk Lắk	2658	47A-846.56	Đắk Lắk	4258	43C-319.58	Đà Nẵng
1059	47C-400.16	Đắk Lắk	2659	47A-860.85	Đắk Lắk	4259	43C-320.15	Đà Nẵng
1060	47C-403.58	Đắk Lắk	2660	47A-861.26	Đắk Lắk	4260	43C-322.26	Đà Nẵng
1061	47C-408.59	Đắk Lắk	2661	47A-862.56	Đắk Lắk	4261	47A-819.09	Đắk Lắk
1062	47C-411.98	Đắk Lắk	2662	47A-863.19	Đắk Lắk	4262	47A-820.35	Đắk Lắk
1063	47C-413.06	Đắk Lắk	2663	47B-042.19	Đắk Lắk	4263	47A-825.18	Đắk Lắk

T.Y
I.A
N.H
A.M
- T.P.H.A

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1064	47C-418.09	Đắk Lắk	2664	47B-045.59	Đắk Lắk	4264	47A-826.83	Đắk Lắk
1065	47D-021.25	Đắk Lắk	2665	47C-403.18	Đắk Lắk	4265	47A-838.36	Đắk Lắk
1066	47D-022.18	Đắk Lắk	2666	47C-413.36	Đắk Lắk	4266	47A-847.83	Đắk Lắk
1067	48B-013.19	Đắk Nông	2667	48A-255.09	Đắk Nông	4267	47A-850.26	Đắk Lắk
1068	48B-015.96	Đắk Nông	2668	48A-255.38	Đắk Nông	4268	47A-852.06	Đắk Lắk
1069	48C-116.29	Đắk Nông	2669	48A-256.96	Đắk Nông	4269	47A-853.38	Đắk Lắk
1070	48C-116.65	Đắk Nông	2670	48A-258.38	Đắk Nông	4270	47A-854.35	Đắk Lắk
1071	48C-122.98	Đắk Nông	2671	48A-260.83	Đắk Nông	4271	47C-397.63	Đắk Lắk
1072	48C-123.09	Đắk Nông	2672	48C-116.15	Đắk Nông	4272	47C-400.25	Đắk Lắk
1073	49A-747.56	Lâm Đồng	2673	48C-116.36	Đắk Nông	4273	47C-402.56	Đắk Lắk
1074	49A-752.83	Lâm Đồng	2674	48C-117.98	Đắk Nông	4274	47C-415.08	Đắk Lắk
1075	49A-755.58	Lâm Đồng	2675	48C-119.18	Đắk Nông	4275	47C-419.06	Đắk Lắk
1076	49A-759.98	Lâm Đồng	2676	48C-119.56	Đắk Nông	4276	47C-422.19	Đắk Lắk
1077	49A-762.09	Lâm Đồng	2677	48C-123.19	Đắk Nông	4277	47C-423.29	Đắk Lắk
1078	49A-763.06	Lâm Đồng	2678	48C-123.38	Đắk Nông	4278	48A-252.09	Đắk Nông
1079	49A-774.26	Lâm Đồng	2679	49A-746.28	Lâm Đồng	4279	48A-253.59	Đắk Nông
1080	49A-776.83	Lâm Đồng	2680	49A-747.19	Lâm Đồng	4280	48A-259.19	Đắk Nông
1081	49A-778.59	Lâm Đồng	2681	49A-748.08	Lâm Đồng	4281	48A-260.59	Đắk Nông
1082	49B-032.06	Lâm Đồng	2682	49A-750.29	Lâm Đồng	4282	48C-116.59	Đắk Nông
1083	49C-391.56	Lâm Đồng	2683	49A-755.26	Lâm Đồng	4283	48C-122.38	Đắk Nông
1084	49C-391.63	Lâm Đồng	2684	49A-767.26	Lâm Đồng	4284	49A-754.15	Lâm Đồng
1085	49C-393.63	Lâm Đồng	2685	49A-768.16	Lâm Đồng	4285	49A-758.26	Lâm Đồng
1086	49C-395.18	Lâm Đồng	2686	49A-771.19	Lâm Đồng	4286	49A-776.96	Lâm Đồng
1087	49C-396.58	Lâm Đồng	2687	49A-772.18	Lâm Đồng	4287	49A-779.95	Lâm Đồng
1088	49C-397.08	Lâm Đồng	2688	49A-775.28	Lâm Đồng	4288	49A-781.58	Lâm Đồng
1089	49D-016.09	Lâm Đồng	2689	49A-775.95	Lâm Đồng	4289	49C-386.25	Lâm Đồng
1090	51B-716.19	Hồ Chí Minh	2690	49A-781.08	Lâm Đồng	4290	49C-387.26	Lâm Đồng
1091	51E-341.98	Hồ Chí Minh	2691	49A-781.29	Lâm Đồng	4291	49C-397.25	Lâm Đồng
1092	51E-343.28	Hồ Chí Minh	2692	49B-035.06	Lâm Đồng	4292	49D-018.38	Lâm Đồng
1093	51E-348.59	Hồ Chí Minh	2693	49C-391.29	Lâm Đồng	4293	51E-342.83	Hồ Chí Minh
1094	51E-349.25	Hồ Chí Minh	2694	49D-017.06	Lâm Đồng	4294	51E-348.83	Hồ Chí Minh
1095	51L-897.09	Hồ Chí Minh	2695	49D-017.63	Lâm Đồng	4295	51E-349.29	Hồ Chí Minh
1096	51L-897.83	Hồ Chí Minh	2696	49D-017.85	Lâm Đồng	4296	51E-351.98	Hồ Chí Minh
1097	51L-907.35	Hồ Chí Minh	2697	51B-715.38	Hồ Chí Minh	4297	51E-353.08	Hồ Chí Minh
1098	51L-910.35	Hồ Chí Minh	2698	51E-340.96	Hồ Chí Minh	4298	51E-354.09	Hồ Chí Minh
1099	51L-912.16	Hồ Chí Minh	2699	51E-342.16	Hồ Chí Minh	4299	51L-898.09	Hồ Chí Minh
1100	51L-921.08	Hồ Chí Minh	2700	51E-348.15	Hồ Chí Minh	4300	51L-898.95	Hồ Chí Minh
1101	51L-923.26	Hồ Chí Minh	2701	51E-351.59	Hồ Chí Minh	4301	51L-905.83	Hồ Chí Minh
1102	51L-928.98	Hồ Chí Minh	2702	51E-354.83	Hồ Chí Minh	4302	51L-908.95	Hồ Chí Minh
1103	51L-930.96	Hồ Chí Minh	2703	51E-354.98	Hồ Chí Minh	4303	51L-914.18	Hồ Chí Minh
1104	51L-932.18	Hồ Chí Minh	2704	51L-903.08	Hồ Chí Minh	4304	51L-918.25	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1105	51L-934.28	Hồ Chí Minh	2705	51L-904.25	Hồ Chí Minh	4305	51L-924.58	Hồ Chí Minh
1106	51L-942.06	Hồ Chí Minh	2706	51L-904.63	Hồ Chí Minh	4306	51L-932.95	Hồ Chí Minh
1107	51L-947.25	Hồ Chí Minh	2707	51L-911.63	Hồ Chí Minh	4307	51L-935.95	Hồ Chí Minh
1108	51L-948.95	Hồ Chí Minh	2708	51L-913.85	Hồ Chí Minh	4308	51L-946.08	Hồ Chí Minh
1109	51L-951.06	Hồ Chí Minh	2709	51L-914.38	Hồ Chí Minh	4309	51L-948.85	Hồ Chí Minh
1110	51L-961.28	Hồ Chí Minh	2710	51L-916.06	Hồ Chí Minh	4310	51L-949.08	Hồ Chí Minh
1111	51L-969.08	Hồ Chí Minh	2711	51L-917.58	Hồ Chí Minh	4311	51L-949.56	Hồ Chí Minh
1112	51L-975.28	Hồ Chí Minh	2712	51L-921.56	Hồ Chí Minh	4312	51L-962.95	Hồ Chí Minh
1113	51L-976.56	Hồ Chí Minh	2713	51L-921.96	Hồ Chí Minh	4313	51L-964.63	Hồ Chí Minh
1114	51L-980.83	Hồ Chí Minh	2714	51L-928.58	Hồ Chí Minh	4314	51L-976.38	Hồ Chí Minh
1115	51L-982.09	Hồ Chí Minh	2715	51L-935.19	Hồ Chí Minh	4315	51L-980.36	Hồ Chí Minh
1116	51L-984.15	Hồ Chí Minh	2716	51L-935.96	Hồ Chí Minh	4316	51L-981.15	Hồ Chí Minh
1117	51L-990.56	Hồ Chí Minh	2717	51L-939.06	Hồ Chí Minh	4317	51L-984.28	Hồ Chí Minh
1118	51L-996.56	Hồ Chí Minh	2718	51L-939.95	Hồ Chí Minh	4318	51L-987.26	Hồ Chí Minh
1119	51M-065.28	Hồ Chí Minh	2719	51L-945.96	Hồ Chí Minh	4319	51L-989.18	Hồ Chí Minh
1120	51M-069.63	Hồ Chí Minh	2720	51L-947.36	Hồ Chí Minh	4320	51L-989.65	Hồ Chí Minh
1121	51M-081.36	Hồ Chí Minh	2721	51L-948.19	Hồ Chí Minh	4321	51L-990.35	Hồ Chí Minh
1122	51M-082.06	Hồ Chí Minh	2722	51L-962.15	Hồ Chí Minh	4322	51L-990.58	Hồ Chí Minh
1123	51M-096.58	Hồ Chí Minh	2723	51L-963.58	Hồ Chí Minh	4323	51L-994.56	Hồ Chí Minh
1124	51M-097.26	Hồ Chí Minh	2724	51L-972.95	Hồ Chí Minh	4324	51M-058.26	Hồ Chí Minh
1125	51M-106.25	Hồ Chí Minh	2725	51L-976.59	Hồ Chí Minh	4325	51M-064.29	Hồ Chí Minh
1126	51M-110.63	Hồ Chí Minh	2726	51L-978.25	Hồ Chí Minh	4326	51M-070.65	Hồ Chí Minh
1127	51M-113.16	Hồ Chí Minh	2727	51L-978.65	Hồ Chí Minh	4327	51M-084.38	Hồ Chí Minh
1128	51M-116.09	Hồ Chí Minh	2728	51L-983.18	Hồ Chí Minh	4328	51M-093.06	Hồ Chí Minh
1129	51M-116.18	Hồ Chí Minh	2729	51L-989.08	Hồ Chí Minh	4329	51M-093.98	Hồ Chí Minh
1130	51M-121.59	Hồ Chí Minh	2730	51L-995.08	Hồ Chí Minh	4330	51M-094.16	Hồ Chí Minh
1131	51M-130.25	Hồ Chí Minh	2731	51L-996.29	Hồ Chí Minh	4331	51M-094.26	Hồ Chí Minh
1132	51M-132.59	Hồ Chí Minh	2732	51M-058.06	Hồ Chí Minh	4332	51M-094.28	Hồ Chí Minh
1133	51M-133.18	Hồ Chí Minh	2733	51M-058.95	Hồ Chí Minh	4333	51M-095.15	Hồ Chí Minh
1134	51M-134.18	Hồ Chí Minh	2734	51M-063.26	Hồ Chí Minh	4334	51M-103.95	Hồ Chí Minh
1135	51M-137.18	Hồ Chí Minh	2735	51M-074.35	Hồ Chí Minh	4335	51M-104.19	Hồ Chí Minh
1136	51M-139.29	Hồ Chí Minh	2736	51M-084.36	Hồ Chí Minh	4336	51M-104.36	Hồ Chí Minh
1137	51M-141.56	Hồ Chí Minh	2737	51M-085.36	Hồ Chí Minh	4337	51M-110.56	Hồ Chí Minh
1138	51M-144.06	Hồ Chí Minh	2738	51M-087.35	Hồ Chí Minh	4338	51M-115.28	Hồ Chí Minh
1139	51M-144.09	Hồ Chí Minh	2739	51M-089.95	Hồ Chí Minh	4339	51M-117.28	Hồ Chí Minh
1140	51M-160.26	Hồ Chí Minh	2740	51M-090.08	Hồ Chí Minh	4340	51M-121.15	Hồ Chí Minh
1141	51M-160.95	Hồ Chí Minh	2741	51M-091.06	Hồ Chí Minh	4341	51M-121.96	Hồ Chí Minh
1142	51M-163.06	Hồ Chí Minh	2742	51M-093.25	Hồ Chí Minh	4342	51M-125.18	Hồ Chí Minh
1143	51M-168.25	Hồ Chí Minh	2743	51M-097.25	Hồ Chí Minh	4343	51M-126.96	Hồ Chí Minh
1144	51M-172.63	Hồ Chí Minh	2744	51M-101.59	Hồ Chí Minh	4344	51M-127.65	Hồ Chí Minh
1145	51M-173.08	Hồ Chí Minh	2745	51M-113.58	Hồ Chí Minh	4345	51M-132.26	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1146	51M-178.38	Hồ Chí Minh	2746	51M-115.96	Hồ Chí Minh	4346	51M-136.35	Hồ Chí Minh
1147	51M-183.25	Hồ Chí Minh	2747	51M-126.38	Hồ Chí Minh	4347	51M-137.56	Hồ Chí Minh
1148	51M-188.06	Hồ Chí Minh	2748	51M-140.06	Hồ Chí Minh	4348	51M-138.56	Hồ Chí Minh
1149	51M-207.85	Hồ Chí Minh	2749	51M-152.63	Hồ Chí Minh	4349	51M-150.29	Hồ Chí Minh
1150	51M-208.58	Hồ Chí Minh	2750	51M-153.06	Hồ Chí Minh	4350	51M-159.29	Hồ Chí Minh
1151	51M-208.65	Hồ Chí Minh	2751	51M-153.85	Hồ Chí Minh	4351	51M-161.96	Hồ Chí Minh
1152	51M-208.96	Hồ Chí Minh	2752	51M-154.09	Hồ Chí Minh	4352	51M-165.58	Hồ Chí Minh
1153	51M-209.06	Hồ Chí Minh	2753	51M-156.38	Hồ Chí Minh	4353	51M-177.29	Hồ Chí Minh
1154	51M-211.98	Hồ Chí Minh	2754	51M-161.36	Hồ Chí Minh	4354	51M-185.16	Hồ Chí Minh
1155	51M-213.09	Hồ Chí Minh	2755	51M-161.38	Hồ Chí Minh	4355	51M-197.16	Hồ Chí Minh
1156	51M-214.36	Hồ Chí Minh	2756	51M-164.09	Hồ Chí Minh	4356	51M-206.15	Hồ Chí Minh
1157	51M-218.08	Hồ Chí Minh	2757	51M-165.35	Hồ Chí Minh	4357	51M-208.56	Hồ Chí Minh
1158	51M-227.36	Hồ Chí Minh	2758	51M-167.29	Hồ Chí Minh	4358	51M-208.95	Hồ Chí Minh
1159	51M-228.56	Hồ Chí Minh	2759	51M-171.59	Hồ Chí Minh	4359	51M-209.19	Hồ Chí Minh
1160	51M-237.19	Hồ Chí Minh	2760	51M-175.85	Hồ Chí Minh	4360	51M-210.19	Hồ Chí Minh
1161	51M-238.65	Hồ Chí Minh	2761	51M-181.35	Hồ Chí Minh	4361	51M-213.83	Hồ Chí Minh
1162	51M-239.36	Hồ Chí Minh	2762	51M-184.08	Hồ Chí Minh	4362	51M-219.63	Hồ Chí Minh
1163	51M-250.38	Hồ Chí Minh	2763	51M-189.59	Hồ Chí Minh	4363	51M-219.85	Hồ Chí Minh
1164	51M-253.65	Hồ Chí Minh	2764	51M-199.38	Hồ Chí Minh	4364	51M-223.25	Hồ Chí Minh
1165	51M-256.29	Hồ Chí Minh	2765	51M-207.56	Hồ Chí Minh	4365	51M-226.25	Hồ Chí Minh
1166	51M-259.18	Hồ Chí Minh	2766	51M-210.85	Hồ Chí Minh	4366	51M-230.38	Hồ Chí Minh
1167	51M-266.83	Hồ Chí Minh	2767	51M-211.63	Hồ Chí Minh	4367	51M-231.18	Hồ Chí Minh
1168	51M-267.96	Hồ Chí Minh	2768	51M-212.38	Hồ Chí Minh	4368	51M-231.85	Hồ Chí Minh
1169	51M-270.28	Hồ Chí Minh	2769	51M-220.26	Hồ Chí Minh	4369	51M-236.56	Hồ Chí Minh
1170	51M-270.58	Hồ Chí Minh	2770	51M-220.83	Hồ Chí Minh	4370	51M-239.15	Hồ Chí Minh
1171	51M-276.16	Hồ Chí Minh	2771	51M-221.29	Hồ Chí Minh	4371	51M-241.58	Hồ Chí Minh
1172	51M-278.58	Hồ Chí Minh	2772	51M-226.96	Hồ Chí Minh	4372	51M-245.18	Hồ Chí Minh
1173	51M-283.25	Hồ Chí Minh	2773	51M-232.18	Hồ Chí Minh	4373	51M-259.58	Hồ Chí Minh
1174	51M-283.95	Hồ Chí Minh	2774	51M-240.83	Hồ Chí Minh	4374	51M-262.08	Hồ Chí Minh
1175	51M-283.98	Hồ Chí Minh	2775	51M-255.28	Hồ Chí Minh	4375	51M-266.96	Hồ Chí Minh
1176	51M-284.29	Hồ Chí Minh	2776	51M-257.36	Hồ Chí Minh	4376	51M-267.58	Hồ Chí Minh
1177	51M-291.15	Hồ Chí Minh	2777	51M-257.63	Hồ Chí Minh	4377	51M-267.83	Hồ Chí Minh
1178	51M-291.18	Hồ Chí Minh	2778	51M-261.18	Hồ Chí Minh	4378	51M-282.58	Hồ Chí Minh
1179	51M-295.15	Hồ Chí Minh	2779	51M-264.63	Hồ Chí Minh	4379	51M-291.58	Hồ Chí Minh
1180	51M-297.38	Hồ Chí Minh	2780	51M-266.19	Hồ Chí Minh	4380	51M-292.96	Hồ Chí Minh
1181	51M-299.58	Hồ Chí Minh	2781	51M-267.16	Hồ Chí Minh	4381	51M-293.98	Hồ Chí Minh
1182	51M-304.25	Hồ Chí Minh	2782	51M-267.29	Hồ Chí Minh	4382	51M-295.56	Hồ Chí Minh
1183	51M-311.16	Hồ Chí Minh	2783	51M-273.56	Hồ Chí Minh	4383	51M-299.28	Hồ Chí Minh
1184	51M-311.29	Hồ Chí Minh	2784	51M-276.08	Hồ Chí Minh	4384	51M-300.85	Hồ Chí Minh
1185	51N-001.28	Hồ Chí Minh	2785	51M-277.85	Hồ Chí Minh	4385	51M-302.63	Hồ Chí Minh
1186	51N-005.98	Hồ Chí Minh	2786	51M-281.19	Hồ Chí Minh	4386	51M-304.06	Hồ Chí Minh

ĐI 4
 CÔNG
 ĐẦU
 HỢP D
 VIỆT
 H XUA

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1187	51N-011.38	Hồ Chí Minh	2787	51M-281.35	Hồ Chí Minh	4387	51M-306.26	Hồ Chí Minh
1188	51N-012.08	Hồ Chí Minh	2788	51M-302.36	Hồ Chí Minh	4388	51M-307.38	Hồ Chí Minh
1189	51N-015.98	Hồ Chí Minh	2789	51M-304.98	Hồ Chí Minh	4389	51M-308.16	Hồ Chí Minh
1190	51N-019.15	Hồ Chí Minh	2790	51N-002.08	Hồ Chí Minh	4390	51N-005.25	Hồ Chí Minh
1191	51N-025.98	Hồ Chí Minh	2791	51N-002.29	Hồ Chí Minh	4391	51N-007.38	Hồ Chí Minh
1192	51N-029.83	Hồ Chí Minh	2792	51N-002.96	Hồ Chí Minh	4392	51N-015.35	Hồ Chí Minh
1193	51N-033.15	Hồ Chí Minh	2793	51N-006.19	Hồ Chí Minh	4393	51N-015.58	Hồ Chí Minh
1194	51N-033.35	Hồ Chí Minh	2794	51N-012.36	Hồ Chí Minh	4394	51N-021.85	Hồ Chí Minh
1195	51N-040.38	Hồ Chí Minh	2795	51N-013.85	Hồ Chí Minh	4395	51N-023.26	Hồ Chí Minh
1196	51N-041.18	Hồ Chí Minh	2796	51N-020.15	Hồ Chí Minh	4396	51N-024.65	Hồ Chí Minh
1197	51N-048.35	Hồ Chí Minh	2797	51N-025.36	Hồ Chí Minh	4397	51N-031.95	Hồ Chí Minh
1198	51N-049.65	Hồ Chí Minh	2798	51N-038.56	Hồ Chí Minh	4398	51N-036.38	Hồ Chí Minh
1199	51N-049.83	Hồ Chí Minh	2799	51N-041.85	Hồ Chí Minh	4399	51N-036.59	Hồ Chí Minh
1200	51N-055.95	Hồ Chí Minh	2800	51N-041.98	Hồ Chí Minh	4400	51N-051.59	Hồ Chí Minh
1201	51N-061.29	Hồ Chí Minh	2801	51N-043.83	Hồ Chí Minh	4401	51N-053.36	Hồ Chí Minh
1202	51N-065.36	Hồ Chí Minh	2802	51N-052.18	Hồ Chí Minh	4402	51N-056.16	Hồ Chí Minh
1203	51N-067.35	Hồ Chí Minh	2803	51N-054.56	Hồ Chí Minh	4403	51N-063.29	Hồ Chí Minh
1204	51N-074.16	Hồ Chí Minh	2804	51N-059.83	Hồ Chí Minh	4404	51N-067.98	Hồ Chí Minh
1205	51N-077.59	Hồ Chí Minh	2805	51N-061.38	Hồ Chí Minh	4405	51N-071.06	Hồ Chí Minh
1206	51N-078.65	Hồ Chí Minh	2806	51N-061.65	Hồ Chí Minh	4406	51N-079.28	Hồ Chí Minh
1207	51N-087.38	Hồ Chí Minh	2807	51N-066.29	Hồ Chí Minh	4407	51N-081.16	Hồ Chí Minh
1208	51N-088.85	Hồ Chí Minh	2808	51N-067.83	Hồ Chí Minh	4408	51N-084.83	Hồ Chí Minh
1209	51N-090.28	Hồ Chí Minh	2809	51N-070.83	Hồ Chí Minh	4409	51N-089.28	Hồ Chí Minh
1210	51N-091.85	Hồ Chí Minh	2810	51N-073.85	Hồ Chí Minh	4410	51N-092.15	Hồ Chí Minh
1211	51N-093.18	Hồ Chí Minh	2811	51N-084.96	Hồ Chí Minh	4411	51N-093.38	Hồ Chí Minh
1212	51N-098.56	Hồ Chí Minh	2812	51N-089.26	Hồ Chí Minh	4412	51N-094.08	Hồ Chí Minh
1213	51N-100.63	Hồ Chí Minh	2813	51N-103.18	Hồ Chí Minh	4413	51N-096.26	Hồ Chí Minh
1214	51N-102.38	Hồ Chí Minh	2814	51N-105.16	Hồ Chí Minh	4414	51N-097.56	Hồ Chí Minh
1215	51N-107.58	Hồ Chí Minh	2815	51N-108.26	Hồ Chí Minh	4415	51N-103.28	Hồ Chí Minh
1216	51N-112.56	Hồ Chí Minh	2816	51N-113.29	Hồ Chí Minh	4416	51N-106.09	Hồ Chí Minh
1217	51N-116.63	Hồ Chí Minh	2817	51N-134.28	Hồ Chí Minh	4417	51N-110.29	Hồ Chí Minh
1218	51N-118.09	Hồ Chí Minh	2818	51N-135.08	Hồ Chí Minh	4418	51N-118.08	Hồ Chí Minh
1219	51N-120.06	Hồ Chí Minh	2819	51N-138.25	Hồ Chí Minh	4419	51N-125.95	Hồ Chí Minh
1220	51N-120.15	Hồ Chí Minh	2820	51N-147.65	Hồ Chí Minh	4420	51N-143.83	Hồ Chí Minh
1221	51N-122.65	Hồ Chí Minh	2821	51N-150.36	Hồ Chí Minh	4421	51N-143.85	Hồ Chí Minh
1222	51N-125.16	Hồ Chí Minh	2822	51N-153.28	Hồ Chí Minh	4422	51N-148.56	Hồ Chí Minh
1223	51N-126.15	Hồ Chí Minh	2823	60B-077.95	Đồng Nai	4423	51N-154.09	Hồ Chí Minh
1224	51N-129.06	Hồ Chí Minh	2824	60C-756.83	Đồng Nai	4424	51N-154.28	Hồ Chí Minh
1225	51N-134.25	Hồ Chí Minh	2825	60C-757.95	Đồng Nai	4425	60C-758.83	Đồng Nai
1226	51N-138.85	Hồ Chí Minh	2826	60C-776.19	Đồng Nai	4426	60C-772.18	Đồng Nai
1227	51N-140.09	Hồ Chí Minh	2827	60C-777.65	Đồng Nai	4427	60C-781.29	Đồng Nai

T.Y.
 I.A.
 NH
 AM
 T.P.H

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1228	51N-141.63	Hồ Chí Minh	2828	60C-783.16	Đồng Nai	4428	60C-789.18	Đồng Nai
1229	51N-142.28	Hồ Chí Minh	2829	60K-620.98	Đồng Nai	4429	60K-619.36	Đồng Nai
1230	51N-145.26	Hồ Chí Minh	2830	60K-621.36	Đồng Nai	4430	60K-620.25	Đồng Nai
1231	51N-145.29	Hồ Chí Minh	2831	60K-625.28	Đồng Nai	4431	60K-620.36	Đồng Nai
1232	51N-146.85	Hồ Chí Minh	2832	60K-645.96	Đồng Nai	4432	60K-626.19	Đồng Nai
1233	51N-150.16	Hồ Chí Minh	2833	60K-649.59	Đồng Nai	4433	60K-627.85	Đồng Nai
1234	51N-152.26	Hồ Chí Minh	2834	60K-649.98	Đồng Nai	4434	60K-638.28	Đồng Nai
1235	60C-757.25	Đồng Nai	2835	60K-652.59	Đồng Nai	4435	60K-639.98	Đồng Nai
1236	60C-760.59	Đồng Nai	2836	60K-655.26	Đồng Nai	4436	60K-640.96	Đồng Nai
1237	60C-765.15	Đồng Nai	2837	60K-660.08	Đồng Nai	4437	60K-643.65	Đồng Nai
1238	60C-765.26	Đồng Nai	2838	60K-662.08	Đồng Nai	4438	60K-645.18	Đồng Nai
1239	60C-771.98	Đồng Nai	2839	60K-662.09	Đồng Nai	4439	60K-648.63	Đồng Nai
1240	60C-776.16	Đồng Nai	2840	60K-667.09	Đồng Nai	4440	60K-656.26	Đồng Nai
1241	60C-780.26	Đồng Nai	2841	60K-675.65	Đồng Nai	4441	60K-662.35	Đồng Nai
1242	60C-783.29	Đồng Nai	2842	60K-675.85	Đồng Nai	4442	60K-663.25	Đồng Nai
1243	60C-784.25	Đồng Nai	2843	60K-678.19	Đồng Nai	4443	60K-664.08	Đồng Nai
1244	60C-789.58	Đồng Nai	2844	60K-680.56	Đồng Nai	4444	60K-671.26	Đồng Nai
1245	60K-620.29	Đồng Nai	2845	60K-681.09	Đồng Nai	4445	60K-677.95	Đồng Nai
1246	60K-628.35	Đồng Nai	2846	60K-682.36	Đồng Nai	4446	60K-678.09	Đồng Nai
1247	60K-629.95	Đồng Nai	2847	60K-684.08	Đồng Nai	4447	60K-680.19	Đồng Nai
1248	60K-634.28	Đồng Nai	2848	60K-685.16	Đồng Nai	4448	60K-682.96	Đồng Nai
1249	60K-635.16	Đồng Nai	2849	60K-685.25	Đồng Nai	4449	60K-687.25	Đồng Nai
1250	60K-645.06	Đồng Nai	2850	60K-687.18	Đồng Nai	4450	60K-687.83	Đồng Nai
1251	60K-648.59	Đồng Nai	2851	60K-690.56	Đồng Nai	4451	60K-693.19	Đồng Nai
1252	60K-656.96	Đồng Nai	2852	60K-692.06	Đồng Nai	4452	60K-697.63	Đồng Nai
1253	60K-660.09	Đồng Nai	2853	60K-697.25	Đồng Nai	4453	61B-045.26	Bình Dương
1254	60K-672.38	Đồng Nai	2854	60K-700.26	Đồng Nai	4454	61B-047.16	Bình Dương
1255	60K-672.59	Đồng Nai	2855	60K-701.85	Đồng Nai	4455	61B-047.85	Bình Dương
1256	60K-678.08	Đồng Nai	2856	61C-611.26	Bình Dương	4456	61B-048.18	Bình Dương
1257	60K-680.98	Đồng Nai	2857	61C-618.36	Bình Dương	4457	61C-612.85	Bình Dương
1258	60K-685.18	Đồng Nai	2858	61C-625.36	Bình Dương	4458	61C-613.56	Bình Dương
1259	60K-699.26	Đồng Nai	2859	61C-630.38	Bình Dương	4459	61C-616.83	Bình Dương
1260	60K-700.59	Đồng Nai	2860	61C-633.85	Bình Dương	4460	61C-621.98	Bình Dương
1261	61B-048.16	Bình Dương	2861	61C-637.16	Bình Dương	4461	61C-628.15	Bình Dương
1262	61C-617.06	Bình Dương	2862	61C-639.95	Bình Dương	4462	61C-630.83	Bình Dương
1263	61C-624.06	Bình Dương	2863	61C-642.36	Bình Dương	4463	61C-633.26	Bình Dương
1264	61C-624.29	Bình Dương	2864	61K-520.35	Bình Dương	4464	61C-642.28	Bình Dương
1265	61C-624.95	Bình Dương	2865	61K-520.56	Bình Dương	4465	61D-025.96	Bình Dương
1266	61C-625.29	Bình Dương	2866	61K-522.08	Bình Dương	4466	61K-521.35	Bình Dương
1267	61C-625.63	Bình Dương	2867	61K-522.09	Bình Dương	4467	61K-538.59	Bình Dương
1268	61C-628.16	Bình Dương	2868	61K-528.16	Bình Dương	4468	61K-544.35	Bình Dương

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1269	61C-628.59	Bình Dương	2869	61K-551.96	Bình Dương	4469	61K-547.98	Bình Dương
1270	61C-630.25	Bình Dương	2870	61K-552.26	Bình Dương	4470	61K-554.09	Bình Dương
1271	61C-634.26	Bình Dương	2871	61K-555.96	Bình Dương	4471	61K-554.58	Bình Dương
1272	61C-641.06	Bình Dương	2872	61K-559.15	Bình Dương	4472	61K-556.36	Bình Dương
1273	61K-529.06	Bình Dương	2873	61K-566.98	Bình Dương	4473	61K-559.38	Bình Dương
1274	61K-540.59	Bình Dương	2874	61K-581.96	Bình Dương	4474	61K-559.63	Bình Dương
1275	61K-546.16	Bình Dương	2875	61K-582.63	Bình Dương	4475	61K-572.29	Bình Dương
1276	61K-552.15	Bình Dương	2876	61K-584.36	Bình Dương	4476	61K-578.85	Bình Dương
1277	61K-552.95	Bình Dương	2877	61K-586.06	Bình Dương	4477	61K-584.28	Bình Dương
1278	61K-553.59	Bình Dương	2878	61K-586.18	Bình Dương	4478	61K-584.38	Bình Dương
1279	61K-560.59	Bình Dương	2879	61K-589.59	Bình Dương	4479	61K-584.98	Bình Dương
1280	61K-566.63	Bình Dương	2880	61K-593.36	Bình Dương	4480	61K-592.56	Bình Dương
1281	61K-569.09	Bình Dương	2881	61K-596.26	Bình Dương	4481	62A-474.19	Long An
1282	61K-570.85	Bình Dương	2882	61K-598.18	Bình Dương	4482	62A-479.85	Long An
1283	61K-579.19	Bình Dương	2883	62A-476.59	Long An	4483	62A-484.56	Long An
1284	61K-579.83	Bình Dương	2884	62A-477.38	Long An	4484	62A-485.26	Long An
1285	61K-592.36	Bình Dương	2885	62A-482.08	Long An	4485	62A-488.95	Long An
1286	61K-597.56	Bình Dương	2886	62A-492.83	Long An	4486	62A-488.98	Long An
1287	62A-471.85	Long An	2887	62B-032.26	Long An	4487	62A-490.28	Long An
1288	62A-473.83	Long An	2888	62B-034.59	Long An	4488	62A-491.08	Long An
1289	62A-474.09	Long An	2889	62C-218.36	Long An	4489	62A-491.83	Long An
1290	62A-476.35	Long An	2890	62C-219.83	Long An	4490	62C-218.28	Long An
1291	62A-477.26	Long An	2891	62C-220.85	Long An	4491	62C-226.38	Long An
1292	62A-482.38	Long An	2892	62C-224.19	Long An	4492	62D-015.98	Long An
1293	62A-489.59	Long An	2893	63A-325.83	Tiền Giang	4493	63A-324.29	Tiền Giang
1294	62B-034.85	Long An	2894	63A-338.59	Tiền Giang	4494	63A-330.35	Tiền Giang
1295	62B-034.98	Long An	2895	63A-339.36	Tiền Giang	4495	63A-331.06	Tiền Giang
1296	62C-218.98	Long An	2896	63A-342.09	Tiền Giang	4496	63A-338.08	Tiền Giang
1297	62C-223.59	Long An	2897	63B-033.26	Tiền Giang	4497	63C-237.83	Tiền Giang
1298	63A-325.85	Tiền Giang	2898	63C-229.63	Tiền Giang	4498	63D-012.29	Tiền Giang
1299	63A-326.35	Tiền Giang	2899	63C-230.25	Tiền Giang	4499	64A-211.28	Vĩnh Long
1300	63A-329.06	Tiền Giang	2900	63C-230.28	Tiền Giang	4500	64B-019.83	Vĩnh Long
1301	63A-336.26	Tiền Giang	2901	63C-231.35	Tiền Giang	4501	64C-136.06	Vĩnh Long
1302	63A-338.29	Tiền Giang	2902	63C-234.15	Tiền Giang	4502	64C-137.58	Vĩnh Long
1303	63A-340.06	Tiền Giang	2903	63C-239.65	Tiền Giang	4503	64C-139.59	Vĩnh Long
1304	63A-341.83	Tiền Giang	2904	63D-013.63	Tiền Giang	4504	64C-140.09	Vĩnh Long
1305	63B-035.29	Tiền Giang	2905	63D-014.85	Tiền Giang	4505	64D-007.09	Vĩnh Long
1306	63C-232.28	Tiền Giang	2906	64A-205.26	Vĩnh Long	4506	65A-517.19	Cần Thơ
1307	63C-237.63	Tiền Giang	2907	64A-212.18	Vĩnh Long	4507	65A-519.85	Cần Thơ
1308	63D-014.35	Tiền Giang	2908	64A-212.85	Vĩnh Long	4508	65A-524.38	Cần Thơ
1309	64A-206.18	Vĩnh Long	2909	64C-135.16	Vĩnh Long	4509	65A-525.36	Cần Thơ

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1310	64A-209.56	Vĩnh Long	2910	64C-138.18	Vĩnh Long	4510	65A-529.58	Cần Thơ
1311	64A-212.83	Vĩnh Long	2911	64D-008.96	Vĩnh Long	4511	65A-534.09	Cần Thơ
1312	64C-136.15	Vĩnh Long	2912	65A-518.09	Cần Thơ	4512	65B-028.06	Cần Thơ
1313	65A-517.06	Cần Thơ	2913	65A-519.59	Cần Thơ	4513	65C-261.36	Cần Thơ
1314	65A-518.85	Cần Thơ	2914	65A-522.28	Cần Thơ	4514	65C-265.58	Cần Thơ
1315	65A-518.98	Cần Thơ	2915	65A-524.29	Cần Thơ	4515	65D-012.15	Cần Thơ
1316	65A-519.18	Cần Thơ	2916	65A-526.36	Cần Thơ	4516	65D-013.38	Cần Thơ
1317	65A-521.65	Cần Thơ	2917	65A-532.28	Cần Thơ	4517	66A-315.18	Đồng Tháp
1318	65A-522.65	Cần Thơ	2918	65A-534.26	Cần Thơ	4518	66A-316.96	Đồng Tháp
1319	65A-528.85	Cần Thơ	2919	65C-259.19	Cần Thơ	4519	66A-318.26	Đồng Tháp
1320	65B-026.15	Cần Thơ	2920	65C-263.59	Cần Thơ	4520	66B-023.63	Đồng Tháp
1321	65B-026.29	Cần Thơ	2921	65C-268.06	Cần Thơ	4521	66C-183.58	Đồng Tháp
1322	66A-303.58	Đồng Tháp	2922	65C-270.38	Cần Thơ	4522	66C-190.08	Đồng Tháp
1323	66A-304.38	Đồng Tháp	2923	65C-275.58	Cần Thơ	4523	66C-191.25	Đồng Tháp
1324	66A-305.35	Đồng Tháp	2924	65D-014.08	Cần Thơ	4524	67A-330.59	An Giang
1325	66A-315.98	Đồng Tháp	2925	65D-014.18	Cần Thơ	4525	67A-332.83	An Giang
1326	66C-186.15	Đồng Tháp	2926	66A-303.56	Đồng Tháp	4526	67A-339.38	An Giang
1327	66C-187.16	Đồng Tháp	2927	66A-304.25	Đồng Tháp	4527	67A-341.95	An Giang
1328	66C-191.96	Đồng Tháp	2928	66A-308.36	Đồng Tháp	4528	67B-030.26	An Giang
1329	66D-013.95	Đồng Tháp	2929	66A-309.19	Đồng Tháp	4529	67C-189.63	An Giang
1330	66D-014.06	Đồng Tháp	2930	66A-309.36	Đồng Tháp	4530	67C-193.28	An Giang
1331	67A-339.59	An Giang	2931	66A-310.28	Đồng Tháp	4531	67C-193.59	An Giang
1332	67A-340.58	An Giang	2932	66A-310.35	Đồng Tháp	4532	67C-194.36	An Giang
1333	67A-341.98	An Giang	2933	66A-310.58	Đồng Tháp	4533	67C-195.65	An Giang
1334	67A-342.38	An Giang	2934	66B-023.59	Đồng Tháp	4534	67D-009.08	An Giang
1335	67C-191.36	An Giang	2935	66B-024.36	Đồng Tháp	4535	67D-010.65	An Giang
1336	67D-009.65	An Giang	2936	66B-026.18	Đồng Tháp	4536	68A-365.26	Kiên Giang
1337	68A-371.08	Kiên Giang	2937	66C-186.26	Đồng Tháp	4537	68A-376.83	Kiên Giang
1338	68A-372.63	Kiên Giang	2938	66C-186.98	Đồng Tháp	4538	68A-381.63	Kiên Giang
1339	68A-377.38	Kiên Giang	2939	67A-329.63	An Giang	4539	68A-382.16	Kiên Giang
1340	68B-036.28	Kiên Giang	2940	67A-331.56	An Giang	4540	68C-183.96	Kiên Giang
1341	68B-037.26	Kiên Giang	2941	67A-336.98	An Giang	4541	68C-184.65	Kiên Giang
1342	69A-170.83	Cà Mau	2942	67A-339.16	An Giang	4542	68D-006.98	Kiên Giang
1343	69C-104.19	Cà Mau	2943	67A-344.96	An Giang	4543	69A-170.15	Cà Mau
1344	69C-105.18	Cà Mau	2944	67A-345.28	An Giang	4544	69A-170.98	Cà Mau
1345	69C-105.35	Cà Mau	2945	67C-196.16	An Giang	4545	69A-172.28	Cà Mau
1346	69C-107.85	Cà Mau	2946	67C-196.29	An Giang	4546	69A-175.15	Cà Mau
1347	69D-007.59	Cà Mau	2947	67C-196.98	An Giang	4547	69B-014.25	Cà Mau
1348	70A-585.36	Tây Ninh	2948	67C-197.59	An Giang	4548	69C-104.18	Cà Mau
1349	70A-589.38	Tây Ninh	2949	67D-009.19	An Giang	4549	69C-104.26	Cà Mau
1350	70A-598.06	Tây Ninh	2950	68A-367.96	Kiên Giang	4550	69C-104.28	Cà Mau

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1351	70A-603.28	Tây Ninh	2951	68A-369.28	Kiên Giang	4551	69C-105.63	Cà Mau
1352	70A-605.85	Tây Ninh	2952	68A-373.16	Kiên Giang	4552	69C-106.83	Cà Mau
1353	70A-612.09	Tây Ninh	2953	68A-376.18	Kiên Giang	4553	69C-107.83	Cà Mau
1354	70A-613.09	Tây Ninh	2954	68A-378.19	Kiên Giang	4554	69C-108.98	Cà Mau
1355	70D-015.09	Tây Ninh	2955	68B-037.25	Kiên Giang	4555	69D-006.15	Cà Mau
1356	71A-214.29	Bến Tre	2956	68B-037.59	Kiên Giang	4556	70A-600.25	Tây Ninh
1357	71A-216.98	Bến Tre	2957	68C-178.29	Kiên Giang	4557	70A-602.96	Tây Ninh
1358	71A-218.56	Bến Tre	2958	68D-008.06	Kiên Giang	4558	70A-605.58	Tây Ninh
1359	71A-219.15	Bến Tre	2959	69C-106.63	Cà Mau	4559	70A-607.85	Tây Ninh
1360	71A-223.15	Bến Tre	2960	69C-107.63	Cà Mau	4560	70A-613.18	Tây Ninh
1361	71B-024.18	Bến Tre	2961	69D-009.38	Cà Mau	4561	70A-615.08	Tây Ninh
1362	71B-025.06	Bến Tre	2962	70A-588.96	Tây Ninh	4562	70C-215.36	Tây Ninh
1363	71C-137.85	Bến Tre	2963	70A-591.35	Tây Ninh	4563	70C-217.08	Tây Ninh
1364	71C-138.35	Bến Tre	2964	70A-593.16	Tây Ninh	4564	70C-217.38	Tây Ninh
1365	71D-008.19	Bến Tre	2965	70A-594.29	Tây Ninh	4565	70C-219.38	Tây Ninh
1366	71D-008.63	Bến Tre	2966	70A-602.65	Tây Ninh	4566	70D-011.18	Tây Ninh
1367	72A-845.16	Bà Rịa - Vũng Tàu	2967	70A-603.85	Tây Ninh	4567	70D-014.29	Tây Ninh
1368	72A-847.09	Bà Rịa - Vũng Tàu	2968	70A-603.98	Tây Ninh	4568	70D-014.36	Tây Ninh
1369	72A-851.25	Bà Rịa - Vũng Tàu	2969	70A-607.15	Tây Ninh	4569	71A-216.29	Bến Tre
1370	72A-857.98	Bà Rịa - Vũng Tàu	2970	70A-612.18	Tây Ninh	4570	71D-007.25	Bến Tre
1371	72A-860.25	Bà Rịa - Vũng Tàu	2971	70A-612.96	Tây Ninh	4571	71D-007.29	Bến Tre
1372	72A-862.96	Bà Rịa - Vũng Tàu	2972	70A-613.26	Tây Ninh	4572	72A-844.29	Bà Rịa - Vũng Tàu
1373	72A-864.36	Bà Rịa - Vũng Tàu	2973	70A-614.26	Tây Ninh	4573	72A-846.35	Bà Rịa - Vũng Tàu
1374	72A-866.28	Bà Rịa - Vũng Tàu	2974	70C-214.26	Tây Ninh	4574	72A-846.65	Bà Rịa - Vũng Tàu
1375	72A-869.28	Bà Rịa - Vũng Tàu	2975	70C-218.26	Tây Ninh	4575	72A-851.06	Bà Rịa - Vũng Tàu
1376	72A-873.38	Bà Rịa - Vũng Tàu	2976	70D-011.25	Tây Ninh	4576	72A-851.36	Bà Rịa - Vũng Tàu
1377	72A-874.65	Bà Rịa - Vũng Tàu	2977	71A-216.19	Bến Tre	4577	72A-852.38	Bà Rịa - Vũng Tàu
1378	72A-876.95	Bà Rịa - Vũng Tàu	2978	71A-219.06	Bến Tre	4578	72A-853.08	Bà Rịa - Vũng Tàu
1379	72A-880.36	Bà Rịa - Vũng Tàu	2979	71A-219.16	Bến Tre	4579	72A-853.65	Bà Rịa - Vũng Tàu
1380	72A-884.56	Bà Rịa - Vũng Tàu	2980	71B-026.25	Bến Tre	4580	72A-865.96	Bà Rịa - Vũng Tàu
1381	72B-046.95	Bà Rịa - Vũng Tàu	2981	72A-848.09	Bà Rịa - Vũng Tàu	4581	72A-866.85	Bà Rịa - Vũng Tàu
1382	72B-047.36	Bà Rịa - Vũng Tàu	2982	72A-853.18	Bà Rịa - Vũng Tàu	4582	72A-875.09	Bà Rịa - Vũng Tàu
1383	72B-048.08	Bà Rịa - Vũng Tàu	2983	72A-857.06	Bà Rịa - Vũng Tàu	4583	72A-879.38	Bà Rịa - Vũng Tàu
1384	72C-274.95	Bà Rịa - Vũng Tàu	2984	72A-867.25	Bà Rịa - Vũng Tàu	4584	72A-882.59	Bà Rịa - Vũng Tàu
1385	72C-276.08	Bà Rịa - Vũng Tàu	2985	72A-868.19	Bà Rịa - Vũng Tàu	4585	72B-046.09	Bà Rịa - Vũng Tàu
1386	72C-280.16	Bà Rịa - Vũng Tàu	2986	72A-869.65	Bà Rịa - Vũng Tàu	4586	72B-047.29	Bà Rịa - Vũng Tàu
1387	72C-281.19	Bà Rịa - Vũng Tàu	2987	72A-869.98	Bà Rịa - Vũng Tàu	4587	72C-264.83	Bà Rịa - Vũng Tàu
1388	72C-282.36	Bà Rịa - Vũng Tàu	2988	72A-870.29	Bà Rịa - Vũng Tàu	4588	72C-264.96	Bà Rịa - Vũng Tàu
1389	73A-369.59	Quảng Bình	2989	72A-871.98	Bà Rịa - Vũng Tàu	4589	72C-266.63	Bà Rịa - Vũng Tàu
1390	73A-370.58	Quảng Bình	2990	72A-879.95	Bà Rịa - Vũng Tàu	4590	72C-267.16	Bà Rịa - Vũng Tàu
1391	73A-379.16	Quảng Bình	2991	72A-881.83	Bà Rịa - Vũng Tàu	4591	72C-275.98	Bà Rịa - Vũng Tàu

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1392	73A-383.59	Quảng Bình	2992	72B-048.19	Bà Rịa - Vũng Tàu	4592	73A-374.56	Quảng Bình
1393	73B-018.35	Quảng Bình	2993	72C-267.83	Bà Rịa - Vũng Tàu	4593	73A-379.29	Quảng Bình
1394	73B-020.28	Quảng Bình	2994	72C-271.96	Bà Rịa - Vũng Tàu	4594	73A-380.56	Quảng Bình
1395	73C-196.98	Quảng Bình	2995	72C-277.63	Bà Rịa - Vũng Tàu	4595	73B-017.25	Quảng Bình
1396	74A-279.65	Quảng Trị	2996	73A-370.28	Quảng Bình	4596	73B-019.16	Quảng Bình
1397	74A-280.16	Quảng Trị	2997	73A-371.38	Quảng Bình	4597	73C-192.16	Quảng Bình
1398	74A-283.36	Quảng Trị	2998	73A-371.63	Quảng Bình	4598	73C-193.18	Quảng Bình
1399	74B-019.26	Quảng Trị	2999	73A-375.18	Quảng Bình	4599	73D-012.06	Quảng Bình
1400	74B-020.08	Quảng Trị	3000	73A-375.25	Quảng Bình	4600	74A-283.58	Quảng Trị
1401	74C-146.29	Quảng Trị	3001	73A-376.15	Quảng Bình	4601	74A-287.58	Quảng Trị
1402	74C-149.09	Quảng Trị	3002	73A-379.38	Quảng Bình	4602	74C-144.08	Quảng Trị
1403	75A-390.85	Thừa Thiên Huế	3003	73A-379.83	Quảng Bình	4603	74C-145.19	Quảng Trị
1404	75A-391.96	Thừa Thiên Huế	3004	73A-382.08	Quảng Bình	4604	74C-145.36	Quảng Trị
1405	75A-395.38	Thừa Thiên Huế	3005	73A-382.85	Quảng Bình	4605	75A-387.85	Thừa Thiên Huế
1406	75A-395.98	Thừa Thiên Huế	3006	73B-017.59	Quảng Bình	4606	75A-391.15	Thừa Thiên Huế
1407	75A-398.16	Thừa Thiên Huế	3007	73B-018.25	Quảng Bình	4607	75A-393.63	Thừa Thiên Huế
1408	75A-400.65	Thừa Thiên Huế	3008	73B-019.56	Quảng Bình	4608	75A-399.28	Thừa Thiên Huế
1409	75A-402.65	Thừa Thiên Huế	3009	73D-010.63	Quảng Bình	4609	75B-029.09	Thừa Thiên Huế
1410	75B-031.83	Thừa Thiên Huế	3010	74B-018.83	Quảng Trị	4610	75B-031.63	Thừa Thiên Huế
1411	75C-157.65	Thừa Thiên Huế	3011	74C-147.95	Quảng Trị	4611	75C-164.15	Thừa Thiên Huế
1412	75C-158.08	Thừa Thiên Huế	3012	74C-148.38	Quảng Trị	4612	75D-011.25	Thừa Thiên Huế
1413	75D-010.83	Thừa Thiên Huế	3013	75A-393.16	Thừa Thiên Huế	4613	75D-012.38	Thừa Thiên Huế
1414	76A-330.09	Quảng Ngãi	3014	75A-394.06	Thừa Thiên Huế	4614	76A-326.19	Quảng Ngãi
1415	76A-335.15	Quảng Ngãi	3015	75A-394.98	Thừa Thiên Huế	4615	76A-329.16	Quảng Ngãi
1416	76C-179.26	Quảng Ngãi	3016	75A-398.83	Thừa Thiên Huế	4616	76A-329.85	Quảng Ngãi
1417	77A-356.29	Bình Định	3017	75A-399.15	Thừa Thiên Huế	4617	76A-331.63	Quảng Ngãi
1418	77A-358.06	Bình Định	3018	75A-399.36	Thừa Thiên Huế	4618	76A-332.08	Quảng Ngãi
1419	77A-361.06	Bình Định	3019	75B-030.28	Thừa Thiên Huế	4619	77A-360.26	Bình Định
1420	77A-364.29	Bình Định	3020	75B-032.35	Thừa Thiên Huế	4620	77A-362.06	Bình Định
1421	77A-368.15	Bình Định	3021	75C-160.58	Thừa Thiên Huế	4621	77A-363.16	Bình Định
1422	77B-040.26	Bình Định	3022	75C-160.65	Thừa Thiên Huế	4622	77A-364.15	Bình Định
1423	77C-263.85	Bình Định	3023	75C-160.95	Thừa Thiên Huế	4623	77A-364.25	Bình Định
1424	77C-267.18	Bình Định	3024	75C-161.56	Thừa Thiên Huế	4624	77A-369.15	Bình Định
1425	77D-010.28	Bình Định	3025	76A-327.59	Quảng Ngãi	4625	77A-370.06	Bình Định
1426	78A-221.06	Phú Yên	3026	76A-329.28	Quảng Ngãi	4626	77A-370.35	Bình Định
1427	78B-018.95	Phú Yên	3027	76A-331.38	Quảng Ngãi	4627	77A-370.98	Bình Định
1428	78B-020.58	Phú Yên	3028	76A-331.58	Quảng Ngãi	4628	77C-266.16	Bình Định
1429	78C-126.85	Phú Yên	3029	76A-332.19	Quảng Ngãi	4629	77D-007.29	Bình Định
1430	78C-127.83	Phú Yên	3030	76C-178.15	Quảng Ngãi	4630	78A-217.08	Phú Yên
1431	79A-573.15	Khánh Hòa	3031	76D-015.36	Quảng Ngãi	4631	78A-217.25	Phú Yên
1432	79A-575.29	Khánh Hòa	3032	77A-357.26	Bình Định	4632	78A-218.59	Phú Yên

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1433	79A-582.08	Khánh Hòa	3033	77A-365.35	Bình Định	4633	78A-224.38	Phú Yên
1434	79A-588.38	Khánh Hòa	3034	77A-368.26	Bình Định	4634	78A-226.18	Phú Yên
1435	79A-589.28	Khánh Hòa	3035	77A-370.15	Bình Định	4635	78B-021.35	Phú Yên
1436	79A-590.85	Khánh Hòa	3036	77A-371.26	Bình Định	4636	78D-008.38	Phú Yên
1437	79A-594.35	Khánh Hòa	3037	77A-371.95	Bình Định	4637	79A-569.08	Khánh Hòa
1438	79B-044.35	Khánh Hòa	3038	77C-262.65	Bình Định	4638	79A-571.96	Khánh Hòa
1439	79C-229.85	Khánh Hòa	3039	77D-009.38	Bình Định	4639	79A-580.35	Khánh Hòa
1440	79D-013.38	Khánh Hòa	3040	78A-219.56	Phú Yên	4640	79A-583.63	Khánh Hòa
1441	81A-453.83	Gia Lai	3041	78A-220.08	Phú Yên	4641	79A-592.85	Khánh Hòa
1442	81A-460.63	Gia Lai	3042	78A-220.56	Phú Yên	4642	79A-595.35	Khánh Hòa
1443	81A-475.29	Gia Lai	3043	78A-221.56	Phú Yên	4643	79A-595.56	Khánh Hòa
1444	81A-476.63	Gia Lai	3044	78B-020.16	Phú Yên	4644	79B-043.85	Khánh Hòa
1445	81A-478.35	Gia Lai	3045	78B-022.35	Phú Yên	4645	79C-230.65	Khánh Hòa
1446	81C-285.06	Gia Lai	3046	78C-127.16	Phú Yên	4646	79C-231.06	Khánh Hòa
1447	81C-288.38	Gia Lai	3047	78D-010.18	Phú Yên	4647	79C-231.26	Khánh Hòa
1448	81C-292.38	Gia Lai	3048	79A-573.06	Khánh Hòa	4648	79C-231.58	Khánh Hòa
1449	81C-300.25	Gia Lai	3049	79A-578.59	Khánh Hòa	4649	79D-011.28	Khánh Hòa
1450	82A-163.83	Kon Tum	3050	79A-579.95	Khánh Hòa	4650	79D-012.28	Khánh Hòa
1451	82A-165.35	Kon Tum	3051	79A-582.25	Khánh Hòa	4651	79D-012.59	Khánh Hòa
1452	82B-021.65	Kon Tum	3052	79A-585.18	Khánh Hòa	4652	81A-453.98	Gia Lai
1453	83A-197.29	Sóc Trăng	3053	79A-586.18	Khánh Hòa	4653	81A-454.35	Gia Lai
1454	83A-200.35	Sóc Trăng	3054	79A-588.63	Khánh Hòa	4654	81A-468.59	Gia Lai
1455	83B-026.29	Sóc Trăng	3055	79A-590.38	Khánh Hòa	4655	81A-469.26	Gia Lai
1456	83C-138.98	Sóc Trăng	3056	79A-592.98	Khánh Hòa	4656	81A-470.25	Gia Lai
1457	84B-021.58	Trà Vinh	3057	79A-593.98	Khánh Hòa	4657	81A-474.15	Gia Lai
1458	84C-124.98	Trà Vinh	3058	79C-232.18	Khánh Hòa	4658	81A-474.56	Gia Lai
1459	84C-125.06	Trà Vinh	3059	79D-013.16	Khánh Hòa	4659	81A-475.56	Gia Lai
1460	84C-127.83	Trà Vinh	3060	81A-455.16	Gia Lai	4660	81A-476.59	Gia Lai
1461	84D-008.38	Trà Vinh	3061	81A-455.98	Gia Lai	4661	81A-478.36	Gia Lai
1462	85A-146.96	Ninh Thuận	3062	81A-459.38	Gia Lai	4662	81B-029.16	Gia Lai
1463	85A-147.85	Ninh Thuận	3063	81A-460.36	Gia Lai	4663	81B-030.25	Gia Lai
1464	85A-152.59	Ninh Thuận	3064	81A-470.38	Gia Lai	4664	81B-031.29	Gia Lai
1465	85B-017.38	Ninh Thuận	3065	81A-475.65	Gia Lai	4665	81C-283.35	Gia Lai
1466	85C-087.96	Ninh Thuận	3066	81B-030.19	Gia Lai	4666	81C-283.59	Gia Lai
1467	86A-322.96	Bình Thuận	3067	81B-030.63	Gia Lai	4667	81C-285.83	Gia Lai
1468	86A-323.95	Bình Thuận	3068	81C-282.98	Gia Lai	4668	81C-296.26	Gia Lai
1469	86A-326.38	Bình Thuận	3069	81C-289.95	Gia Lai	4669	81D-016.35	Gia Lai
1470	86A-332.98	Bình Thuận	3070	81C-299.56	Gia Lai	4670	82A-162.19	Kon Tum
1471	86B-027.56	Bình Thuận	3071	81D-015.65	Gia Lai	4671	82B-021.08	Kon Tum
1472	86C-209.25	Bình Thuận	3072	82A-159.65	Kon Tum	4672	82C-099.15	Kon Tum
1473	86D-008.25	Bình Thuận	3073	82A-162.25	Kon Tum	4673	82D-013.38	Kon Tum



Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1474	86D-009.15	Bình Thuận	3074	82A-163.18	Kon Tum	4674	83A-193.63	Sóc Trăng
1475	88A-788.28	Vĩnh Phúc	3075	82B-022.83	Kon Tum	4675	83A-198.08	Sóc Trăng
1476	88A-798.15	Vĩnh Phúc	3076	82C-097.06	Kon Tum	4676	83A-198.26	Sóc Trăng
1477	88A-799.19	Vĩnh Phúc	3077	82D-012.36	Kon Tum	4677	83A-200.59	Sóc Trăng
1478	88A-801.09	Vĩnh Phúc	3078	83A-197.63	Sóc Trăng	4678	83C-139.58	Sóc Trăng
1479	88A-806.36	Vĩnh Phúc	3079	83A-199.26	Sóc Trăng	4679	83D-009.06	Sóc Trăng
1480	88A-806.56	Vĩnh Phúc	3080	83B-023.96	Sóc Trăng	4680	83D-009.19	Sóc Trăng
1481	88A-806.58	Vĩnh Phúc	3081	83B-024.96	Sóc Trăng	4681	84A-147.56	Trà Vinh
1482	88A-807.15	Vĩnh Phúc	3082	83C-133.35	Sóc Trăng	4682	84A-150.63	Trà Vinh
1483	88A-808.56	Vĩnh Phúc	3083	83C-135.15	Sóc Trăng	4683	84A-154.06	Trà Vinh
1484	88A-808.83	Vĩnh Phúc	3084	84A-148.26	Trà Vinh	4684	84B-020.95	Trà Vinh
1485	88A-811.35	Vĩnh Phúc	3085	84A-151.28	Trà Vinh	4685	84C-129.06	Trà Vinh
1486	88A-818.28	Vĩnh Phúc	3086	84B-023.25	Trà Vinh	4686	84C-129.19	Trà Vinh
1487	88A-821.85	Vĩnh Phúc	3087	84C-125.65	Trà Vinh	4687	85A-147.98	Ninh Thuận
1488	88A-827.59	Vĩnh Phúc	3088	84D-006.56	Trà Vinh	4688	85A-148.28	Ninh Thuận
1489	88A-828.09	Vĩnh Phúc	3089	84D-008.26	Trà Vinh	4689	85B-014.38	Ninh Thuận
1490	88A-830.15	Vĩnh Phúc	3090	85A-149.36	Ninh Thuận	4690	85C-085.16	Ninh Thuận
1491	88C-314.63	Vĩnh Phúc	3091	85A-152.63	Ninh Thuận	4691	85C-086.18	Ninh Thuận
1492	88C-315.26	Vĩnh Phúc	3092	85B-017.83	Ninh Thuận	4692	85D-006.95	Ninh Thuận
1493	88C-320.08	Vĩnh Phúc	3093	85C-086.25	Ninh Thuận	4693	85D-009.15	Ninh Thuận
1494	88C-320.56	Vĩnh Phúc	3094	86A-320.85	Bình Thuận	4694	86A-326.59	Bình Thuận
1495	88C-321.26	Vĩnh Phúc	3095	86A-325.95	Bình Thuận	4695	86B-025.36	Bình Thuận
1496	88D-021.58	Vĩnh Phúc	3096	86A-334.38	Bình Thuận	4696	86B-025.98	Bình Thuận
1497	88D-022.36	Vĩnh Phúc	3097	86B-024.56	Bình Thuận	4697	86B-027.83	Bình Thuận
1498	89A-532.25	Hưng Yên	3098	86B-027.58	Bình Thuận	4698	86B-028.26	Bình Thuận
1499	89A-533.25	Hưng Yên	3099	86C-212.96	Bình Thuận	4699	86C-213.29	Bình Thuận
1500	89A-541.18	Hưng Yên	3100	86C-214.98	Bình Thuận	4700	88A-819.08	Vĩnh Phúc
1501	89A-552.83	Hưng Yên	3101	86D-008.18	Bình Thuận	4701	88A-820.83	Vĩnh Phúc
1502	89A-557.25	Hưng Yên	3102	88A-791.85	Vĩnh Phúc	4702	88A-821.29	Vĩnh Phúc
1503	89A-558.15	Hưng Yên	3103	88A-793.08	Vĩnh Phúc	4703	88A-830.09	Vĩnh Phúc
1504	89A-564.36	Hưng Yên	3104	88A-814.58	Vĩnh Phúc	4704	88B-022.16	Vĩnh Phúc
1505	89A-564.83	Hưng Yên	3105	88A-821.56	Vĩnh Phúc	4705	88C-311.35	Vĩnh Phúc
1506	89A-565.29	Hưng Yên	3106	88A-822.29	Vĩnh Phúc	4706	88C-315.29	Vĩnh Phúc
1507	89C-354.85	Hưng Yên	3107	88C-313.56	Vĩnh Phúc	4707	88C-324.38	Vĩnh Phúc
1508	89C-356.96	Hưng Yên	3108	88C-318.56	Vĩnh Phúc	4708	88C-325.29	Vĩnh Phúc
1509	89C-358.09	Hưng Yên	3109	88C-321.63	Vĩnh Phúc	4709	89A-537.18	Hưng Yên
1510	89C-359.85	Hưng Yên	3110	88C-326.36	Vĩnh Phúc	4710	89A-540.58	Hưng Yên
1511	90A-288.25	Hà Nam	3111	89A-534.65	Hưng Yên	4711	89A-541.19	Hưng Yên
1512	90A-293.56	Hà Nam	3112	89A-536.29	Hưng Yên	4712	89A-543.35	Hưng Yên
1513	90A-294.08	Hà Nam	3113	89A-537.26	Hưng Yên	4713	89A-544.19	Hưng Yên
1514	90A-295.16	Hà Nam	3114	89A-548.09	Hưng Yên	4714	89A-550.28	Hưng Yên

41
NG T
U GI
P DA
T N
YUAN

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1515	90A-295.19	Hà Nam	3115	89A-550.95	Hưng Yên	4715	89A-557.28	Hưng Yên
1516	90A-299.16	Hà Nam	3116	89A-558.63	Hưng Yên	4716	89A-560.95	Hưng Yên
1517	90C-157.18	Hà Nam	3117	89A-559.16	Hưng Yên	4717	89A-563.59	Hưng Yên
1518	90C-157.56	Hà Nam	3118	89A-566.35	Hưng Yên	4718	89A-566.83	Hưng Yên
1519	90C-158.65	Hà Nam	3119	89B-027.56	Hưng Yên	4719	89B-026.16	Hưng Yên
1520	90C-159.18	Hà Nam	3120	89C-346.29	Hưng Yên	4720	89C-348.56	Hưng Yên
1521	90D-009.83	Hà Nam	3121	89C-349.28	Hưng Yên	4721	89C-352.19	Hưng Yên
1522	90D-010.25	Hà Nam	3122	89C-350.15	Hưng Yên	4722	89C-359.38	Hưng Yên
1523	92A-432.95	Quảng Nam	3123	89C-359.58	Hưng Yên	4723	90A-288.59	Hà Nam
1524	92C-259.26	Quảng Nam	3124	90A-302.08	Hà Nam	4724	90A-289.09	Hà Nam
1525	92C-259.58	Quảng Nam	3125	90B-013.95	Hà Nam	4725	90A-291.56	Hà Nam
1526	92C-262.29	Quảng Nam	3126	90B-015.63	Hà Nam	4726	90A-300.59	Hà Nam
1527	92C-263.28	Quảng Nam	3127	90B-016.38	Hà Nam	4727	90B-012.98	Hà Nam
1528	92C-264.58	Quảng Nam	3128	90D-012.35	Hà Nam	4728	90C-155.35	Hà Nam
1529	92D-012.36	Quảng Nam	3129	90D-012.98	Hà Nam	4729	90C-157.59	Hà Nam
1530	92D-014.36	Quảng Nam	3130	90D-013.06	Hà Nam	4730	90D-010.83	Hà Nam
1531	93A-509.83	Bình Phước	3131	92A-436.26	Quảng Nam	4731	90D-011.19	Hà Nam
1532	93A-510.18	Bình Phước	3132	92A-436.56	Quảng Nam	4732	92A-439.28	Quảng Nam
1533	93A-510.28	Bình Phước	3133	92A-440.09	Quảng Nam	4733	92A-441.29	Quảng Nam
1534	93A-511.95	Bình Phước	3134	92A-442.98	Quảng Nam	4734	92A-441.63	Quảng Nam
1535	93A-516.56	Bình Phước	3135	92A-443.65	Quảng Nam	4735	92A-442.59	Quảng Nam
1536	93A-516.58	Bình Phước	3136	92A-444.98	Quảng Nam	4736	92A-445.36	Quảng Nam
1537	93B-021.95	Bình Phước	3137	92A-445.59	Quảng Nam	4737	92A-445.65	Quảng Nam
1538	93C-199.25	Bình Phước	3138	92D-013.26	Quảng Nam	4738	92A-447.28	Quảng Nam
1539	93C-202.18	Bình Phước	3139	93A-505.63	Bình Phước	4739	92A-448.25	Quảng Nam
1540	93C-206.63	Bình Phước	3140	93A-508.83	Bình Phước	4740	92B-039.65	Quảng Nam
1541	93D-007.36	Bình Phước	3141	93A-508.98	Bình Phước	4741	92B-040.29	Quảng Nam
1542	93D-010.96	Bình Phước	3142	93A-515.28	Bình Phước	4742	92B-040.98	Quảng Nam
1543	94C-086.65	Bạc Liêu	3143	93A-523.06	Bình Phước	4743	92B-042.38	Quảng Nam
1544	95A-137.08	Hậu Giang	3144	93B-024.19	Bình Phước	4744	92D-014.26	Quảng Nam
1545	95A-137.98	Hậu Giang	3145	94B-015.38	Bạc Liêu	4745	92D-015.56	Quảng Nam
1546	95A-138.59	Hậu Giang	3146	94B-015.58	Bạc Liêu	4746	93A-513.63	Bình Phước
1547	95A-143.85	Hậu Giang	3147	94B-016.35	Bạc Liêu	4747	93A-516.38	Bình Phước
1548	95C-092.65	Hậu Giang	3148	94D-008.16	Bạc Liêu	4748	93A-524.35	Bình Phước
1549	97A-097.83	Bắc Kạn	3149	94D-008.18	Bạc Liêu	4749	93C-201.06	Bình Phước
1550	98A-859.16	Bắc Giang	3150	95A-142.83	Hậu Giang	4750	93C-203.25	Bình Phước
1551	98A-860.28	Bắc Giang	3151	95A-142.85	Hậu Giang	4751	93C-203.63	Bình Phước
1552	98A-862.25	Bắc Giang	3152	95B-018.36	Hậu Giang	4752	93C-205.35	Bình Phước
1553	98A-863.59	Bắc Giang	3153	97A-099.08	Bắc Kạn	4753	93C-206.28	Bình Phước
1554	98A-869.38	Bắc Giang	3154	97A-099.28	Bắc Kạn	4754	93D-010.28	Bình Phước
1555	98A-870.18	Bắc Giang	3155	97A-099.36	Bắc Kạn	4755	94B-016.28	Bạc Liêu



Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1556	98A-883.85	Bắc Giang	3156	97A-100.15	Bắc Kạn	4756	95C-091.35	Hậu Giang
1557	98A-886.28	Bắc Giang	3157	97A-100.85	Bắc Kạn	4757	95C-092.96	Hậu Giang
1558	98A-887.56	Bắc Giang	3158	97B-017.08	Bắc Kạn	4758	97A-097.19	Bắc Kạn
1559	98A-889.06	Bắc Giang	3159	97C-052.58	Bắc Kạn	4759	97A-099.06	Bắc Kạn
1560	98A-890.26	Bắc Giang	3160	97D-010.26	Bắc Kạn	4760	97C-052.19	Bắc Kạn
1561	98A-890.38	Bắc Giang	3161	97D-011.15	Bắc Kạn	4761	98A-861.58	Bắc Giang
1562	98A-894.09	Bắc Giang	3162	98A-864.18	Bắc Giang	4762	98A-870.08	Bắc Giang
1563	98A-901.06	Bắc Giang	3163	98A-864.28	Bắc Giang	4763	98A-871.83	Bắc Giang
1564	98A-905.36	Bắc Giang	3164	98A-865.59	Bắc Giang	4764	98A-872.35	Bắc Giang
1565	98A-907.65	Bắc Giang	3165	98A-866.26	Bắc Giang	4765	98A-873.38	Bắc Giang
1566	98B-045.96	Bắc Giang	3166	98A-869.18	Bắc Giang	4766	98A-876.63	Bắc Giang
1567	98B-047.56	Bắc Giang	3167	98A-873.09	Bắc Giang	4767	98A-877.58	Bắc Giang
1568	98C-376.98	Bắc Giang	3168	98A-875.56	Bắc Giang	4768	98A-878.28	Bắc Giang
1569	98C-377.63	Bắc Giang	3169	98A-876.18	Bắc Giang	4769	98A-884.29	Bắc Giang
1570	98C-381.08	Bắc Giang	3170	98A-879.26	Bắc Giang	4770	98A-885.38	Bắc Giang
1571	98C-381.98	Bắc Giang	3171	98A-882.15	Bắc Giang	4771	98A-885.65	Bắc Giang
1572	98C-382.85	Bắc Giang	3172	98A-890.58	Bắc Giang	4772	98A-886.08	Bắc Giang
1573	98C-385.63	Bắc Giang	3173	98A-894.59	Bắc Giang	4773	98A-887.18	Bắc Giang
1574	98C-392.63	Bắc Giang	3174	98A-899.63	Bắc Giang	4774	98A-896.16	Bắc Giang
1575	98C-395.15	Bắc Giang	3175	98A-909.19	Bắc Giang	4775	98A-903.16	Bắc Giang
1576	98D-022.08	Bắc Giang	3176	98A-911.98	Bắc Giang	4776	98A-912.25	Bắc Giang
1577	98D-023.65	Bắc Giang	3177	98C-382.25	Bắc Giang	4777	98A-912.83	Bắc Giang
1578	99A-860.56	Bắc Ninh	3178	98C-382.95	Bắc Giang	4778	98C-378.09	Bắc Giang
1579	99A-861.15	Bắc Ninh	3179	98C-394.18	Bắc Giang	4779	98C-379.19	Bắc Giang
1580	99A-864.16	Bắc Ninh	3180	98C-394.28	Bắc Giang	4780	98C-383.08	Bắc Giang
1581	99A-865.38	Bắc Ninh	3181	99A-852.63	Bắc Ninh	4781	98C-389.58	Bắc Giang
1582	99A-865.63	Bắc Ninh	3182	99A-861.59	Bắc Ninh	4782	98C-391.06	Bắc Giang
1583	99A-872.58	Bắc Ninh	3183	99A-868.19	Bắc Ninh	4783	98C-392.36	Bắc Giang
1584	99A-875.59	Bắc Ninh	3184	99A-869.85	Bắc Ninh	4784	98C-394.19	Bắc Giang
1585	99A-877.18	Bắc Ninh	3185	99A-869.98	Bắc Ninh	4785	98D-021.59	Bắc Giang
1586	99A-879.36	Bắc Ninh	3186	99A-873.15	Bắc Ninh	4786	99A-853.83	Bắc Ninh
1587	99A-883.16	Bắc Ninh	3187	99A-878.08	Bắc Ninh	4787	99A-857.19	Bắc Ninh
1588	99A-884.08	Bắc Ninh	3188	99A-886.63	Bắc Ninh	4788	99A-860.38	Bắc Ninh
1589	99A-886.16	Bắc Ninh	3189	99A-887.15	Bắc Ninh	4789	99A-866.83	Bắc Ninh
1590	99A-891.25	Bắc Ninh	3190	99A-890.19	Bắc Ninh	4790	99A-873.56	Bắc Ninh
1591	99C-330.09	Bắc Ninh	3191	99A-895.06	Bắc Ninh	4791	99A-882.18	Bắc Ninh
1592	99C-333.83	Bắc Ninh	3192	99A-895.63	Bắc Ninh	4792	99A-890.06	Bắc Ninh
1593	99C-333.95	Bắc Ninh	3193	99B-032.56	Bắc Ninh	4793	99A-891.08	Bắc Ninh
1594	99C-334.36	Bắc Ninh	3194	99C-330.29	Bắc Ninh	4794	99B-031.98	Bắc Ninh
1595	99C-340.96	Bắc Ninh	3195	99C-341.06	Bắc Ninh	4795	99C-335.15	Bắc Ninh
1596	99C-343.36	Bắc Ninh	3196	99C-341.26	Bắc Ninh	4796	99C-337.15	Bắc Ninh

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1597	99C-343.65	Bắc Ninh	3197	99C-343.85	Bắc Ninh	4797	99C-339.19	Bắc Ninh
1598	99C-345.19	Bắc Ninh	3198	99D-025.95	Bắc Ninh	4798	99C-345.26	Bắc Ninh
1599	99D-026.35	Bắc Ninh	3199	99D-026.09	Bắc Ninh	4799	99D-025.65	Bắc Ninh
1600	99D-027.65	Bắc Ninh	3200	99D-027.98	Bắc Ninh	4800	99D-026.95	Bắc Ninh

ÔNG
ĐẦU
ỢP D
IỆT
XUẤT

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4801	12A-268.68	Lạng Sơn	6401	61K-566.88	Bình Dương			
4802	11A-139.79	Cao Bằng	6402	14K-047.77	Quảng Ninh			
4803	17A-496.66	Thái Bình	6403	20A-888.18	Thái Nguyên			
4804	19A-746.66	Phú Thọ	6404	23A-166.68	Hà Giang			
4805	20A-895.55	Thái Nguyên	6405	28C-122.22	Hòa Bình			
4806	30M-049.99	Hà Nội	6406	30M-059.99	Hà Nội			
4807	30M-196.66	Hà Nội	6407	30M-358.88	Hà Nội			
4808	30M-405.55	Hà Nội	6408	38A-689.98	Hà Tĩnh			
4809	34D-038.88	Hải Dương	6409	51L-993.99	Hồ Chí Minh			
4810	35A-468.68	Ninh Bình	6410	51M-167.77	Hồ Chí Minh			
4811	51M-198.98	Hồ Chí Minh	6411	51M-288.82	Hồ Chí Minh			
4812	60C-788.89	Đồng Nai	6412	51N-029.99	Hồ Chí Minh			
4813	61K-555.95	Bình Dương	6413	51N-067.89	Hồ Chí Minh			
4814	74A-286.88	Quảng Trị	6414	51N-075.55	Hồ Chí Minh			
4815	97A-097.97	Bắc Kạn	6415	81A-466.86	Gia Lai			
4816	97A-099.79	Bắc Kạn	6416	88A-817.77	Vĩnh Phúc			
4817	15K-276.68	Hải Phòng	6417	15K-391.88	Hải Phòng			
4818	18A-505.55	Nam Định	6418	19A-666.22	Phú Thọ			
4819	18A-512.99	Nam Định	6419	29D-567.77	Hà Nội			
4820	23A-162.58	Hà Giang	6420	29K-387.77	Hà Nội			
4821	23A-168.98	Hà Giang	6421	30L-990.66	Hà Nội			
4822	27A-133.99	Điện Biên	6422	30M-111.63	Hà Nội			
4823	29K-334.56	Hà Nội	6423	30M-112.12	Hà Nội			
4824	30L-245.88	Hà Nội	6424	30M-112.68	Hà Nội			
4825	30L-914.68	Hà Nội	6425	30M-115.79	Hà Nội			
4826	30L-929.26	Hà Nội	6426	30M-181.81	Hà Nội			
4827	30M-199.39	Hà Nội	6427	30M-186.81	Hà Nội			
4828	30M-235.58	Hà Nội	6428	30M-259.09	Hà Nội			
4829	38A-666.93	Hà Tĩnh	6429	49A-652.52	Lâm Đồng			
4830	47A-607.79	Đắk Lắk	6430	51L-488.79	Hồ Chí Minh			
4831	49A-777.47	Lâm Đồng	6431	51L-922.11	Hồ Chí Minh			
4832	51L-967.77	Hồ Chí Minh	6432	51L-947.77	Hồ Chí Minh			
4833	60C-779.86	Đồng Nai	6433	51N-133.66	Hồ Chí Minh			
4834	62A-456.65	Long An	6434	61K-598.69	Bình Dương			
4835	62B-034.56	Long An	6435	64A-197.79	Vĩnh Long			
4836	71A-202.02	Bến Tre	6436	66C-186.66	Đồng Tháp			
4837	72C-277.79	Bà Rịa - Vũng Tàu	6437	69C-108.88	Cà Mau			
4838	78A-194.94	Phú Yên	6438	72C-266.62	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4839	85A-122.79	Ninh Thuận	6439	79C-227.77	Khánh Hòa			
4840	89A-555.86	Hung Yên	6440	82C-097.77	Kon Tum			
4841	89A-565.68	Hung Yên	6441	83A-199.88	Sóc Trăng			



Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4842	90A-289.88	Hà Nam	6442	88A-827.77	Vĩnh Phúc			
4843	97A-097.99	Bắc Kạn	6443	89A-555.88	Hưng Yên			
4844	99A-883.86	Bắc Ninh	6444	98A-816.68	Bắc Giang			
4845	30M-033.22	Hà Nội	6445	30M-041.33	Hà Nội			
4846	30M-053.77	Hà Nội	6446	30M-051.88	Hà Nội			
4847	30M-061.06	Hà Nội	6447	30M-054.45	Hà Nội			
4848	30M-066.00	Hà Nội	6448	30M-056.22	Hà Nội			
4849	30M-072.22	Hà Nội	6449	30M-057.75	Hà Nội			
4850	30M-074.70	Hà Nội	6450	30M-063.89	Hà Nội			
4851	30M-088.39	Hà Nội	6451	30M-064.68	Hà Nội			
4852	30M-089.86	Hà Nội	6452	30M-064.86	Hà Nội			
4853	30M-090.39	Hà Nội	6453	30M-076.79	Hà Nội			
4854	30M-093.00	Hà Nội	6454	30M-085.79	Hà Nội			
4855	30M-096.79	Hà Nội	6455	30M-088.22	Hà Nội			
4856	30M-100.33	Hà Nội	6456	30M-090.11	Hà Nội			
4857	30M-111.57	Hà Nội	6457	30M-091.77	Hà Nội			
4858	30M-123.22	Hà Nội	6458	30M-093.68	Hà Nội			
4859	30M-125.44	Hà Nội	6459	30M-101.44	Hà Nội			
4860	30M-126.21	Hà Nội	6460	30M-114.15	Hà Nội			
4861	30M-139.77	Hà Nội	6461	30M-114.77	Hà Nội			
4862	30M-144.68	Hà Nội	6462	30M-117.00	Hà Nội			
4863	30M-145.69	Hà Nội	6463	30M-124.77	Hà Nội			
4864	30M-145.77	Hà Nội	6464	30M-137.55	Hà Nội			
4865	30M-146.79	Hà Nội	6465	30M-152.69	Hà Nội			
4866	30M-148.55	Hà Nội	6466	30M-163.64	Hà Nội			
4867	30M-149.55	Hà Nội	6467	30M-176.68	Hà Nội			
4868	30M-166.77	Hà Nội	6468	30M-187.00	Hà Nội			
4869	30M-167.61	Hà Nội	6469	30M-189.33	Hà Nội			
4870	30M-167.68	Hà Nội	6470	30M-219.66	Hà Nội			
4871	30M-196.79	Hà Nội	6471	30M-229.66	Hà Nội			
4872	30M-197.98	Hà Nội	6472	30M-234.33	Hà Nội			
4873	30M-216.68	Hà Nội	6473	30M-234.35	Hà Nội			
4874	30M-222.17	Hà Nội	6474	30M-241.42	Hà Nội			
4875	30M-237.11	Hà Nội	6475	30M-246.42	Hà Nội			
4876	30M-239.11	Hà Nội	6476	30M-263.26	Hà Nội			
4877	30M-242.24	Hà Nội	6477	30M-270.44	Hà Nội			
4878	30M-242.66	Hà Nội	6478	30M-272.69	Hà Nội			
4879	30M-243.68	Hà Nội	6479	30M-274.77	Hà Nội			
4880	30M-252.88	Hà Nội	6480	30M-286.82	Hà Nội			
4881	30M-256.86	Hà Nội	6481	30M-291.22	Hà Nội			
4882	30M-270.79	Hà Nội	6482	30M-293.00	Hà Nội			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4883	30M-276.33	Hà Nội	6483	30M-304.88	Hà Nội			
4884	30M-289.33	Hà Nội	6484	30M-312.55	Hà Nội			
4885	30M-307.79	Hà Nội	6485	30M-331.11	Hà Nội			
4886	30M-321.77	Hà Nội	6486	30M-334.86	Hà Nội			
4887	30M-326.68	Hà Nội	6487	30M-335.00	Hà Nội			
4888	30M-335.69	Hà Nội	6488	30M-343.00	Hà Nội			
4889	30M-347.88	Hà Nội	6489	30M-343.43	Hà Nội			
4890	30M-350.11	Hà Nội	6490	30M-352.11	Hà Nội			
4891	30M-353.68	Hà Nội	6491	30M-372.66	Hà Nội			
4892	30M-353.99	Hà Nội	6492	30M-387.44	Hà Nội			
4893	30M-372.11	Hà Nội	6493	30M-407.00	Hà Nội			
4894	30M-372.72	Hà Nội	6494	30M-409.33	Hà Nội			
4895	30M-386.22	Hà Nội	6495	30M-409.88	Hà Nội			
4896	30M-390.55	Hà Nội	6496	30M-410.22	Hà Nội			
4897	30M-393.69	Hà Nội	6497	30M-414.55	Hà Nội			
4898	30M-407.68	Hà Nội	6498	30M-415.44	Hà Nội			
4899	30M-413.39	Hà Nội	6499	30M-416.39	Hà Nội			
4900	30M-418.44	Hà Nội	6500	30M-416.99	Hà Nội			
4901	51L-903.04	Hồ Chí Minh	6501	30M-417.79	Hà Nội			
4902	51L-903.33	Hồ Chí Minh	6502	51L-919.00	Hồ Chí Minh			
4903	51L-904.77	Hồ Chí Minh	6503	51L-928.55	Hồ Chí Minh			
4904	51L-905.00	Hồ Chí Minh	6504	51L-928.99	Hồ Chí Minh			
4905	51L-907.89	Hồ Chí Minh	6505	51L-940.55	Hồ Chí Minh			
4906	51L-908.11	Hồ Chí Minh	6506	51L-950.99	Hồ Chí Minh			
4907	51L-917.86	Hồ Chí Minh	6507	51L-951.39	Hồ Chí Minh			
4908	51L-973.73	Hồ Chí Minh	6508	51L-972.89	Hồ Chí Minh			
4909	51L-980.86	Hồ Chí Minh	6509	51L-978.69	Hồ Chí Minh			
4910	51L-998.68	Hồ Chí Minh	6510	51L-978.86	Hồ Chí Minh			
4911	51M-053.55	Hồ Chí Minh	6511	51L-981.33	Hồ Chí Minh			
4912	51M-056.05	Hồ Chí Minh	6512	51L-998.39	Hồ Chí Minh			
4913	51M-057.86	Hồ Chí Minh	6513	51M-063.88	Hồ Chí Minh			
4914	51M-059.96	Hồ Chí Minh	6514	51M-071.77	Hồ Chí Minh			
4915	51M-064.33	Hồ Chí Minh	6515	51M-074.75	Hồ Chí Minh			
4916	51M-069.86	Hồ Chí Minh	6516	51M-092.22	Hồ Chí Minh			
4917	51M-070.71	Hồ Chí Minh	6517	51M-104.39	Hồ Chí Minh			
4918	51M-079.39	Hồ Chí Minh	6518	51M-108.39	Hồ Chí Minh			
4919	51M-082.33	Hồ Chí Minh	6519	51M-111.12	Hồ Chí Minh			
4920	51M-086.79	Hồ Chí Minh	6520	51M-113.86	Hồ Chí Minh			
4921	51M-101.11	Hồ Chí Minh	6521	51M-114.00	Hồ Chí Minh			
4922	51M-104.01	Hồ Chí Minh	6522	51M-115.79	Hồ Chí Minh			
4923	51M-104.33	Hồ Chí Minh	6523	51M-117.00	Hồ Chí Minh			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4924	51M-108.33	Hồ Chí Minh	6524	51M-123.66	Hồ Chí Minh			
4925	51M-108.69	Hồ Chí Minh	6525	51M-130.68	Hồ Chí Minh			
4926	51M-109.89	Hồ Chí Minh	6526	51M-132.11	Hồ Chí Minh			
4927	51M-112.86	Hồ Chí Minh	6527	51M-132.66	Hồ Chí Minh			
4928	51M-112.99	Hồ Chí Minh	6528	51M-136.79	Hồ Chí Minh			
4929	51M-116.44	Hồ Chí Minh	6529	51M-145.22	Hồ Chí Minh			
4930	51M-118.55	Hồ Chí Minh	6530	51M-153.53	Hồ Chí Minh			
4931	51M-126.69	Hồ Chí Minh	6531	51M-157.44	Hồ Chí Minh			
4932	51M-130.89	Hồ Chí Minh	6532	51M-164.65	Hồ Chí Minh			
4933	51M-138.89	Hồ Chí Minh	6533	51M-166.55	Hồ Chí Minh			
4934	51M-153.11	Hồ Chí Minh	6534	51M-168.99	Hồ Chí Minh			
4935	51M-154.79	Hồ Chí Minh	6535	51M-173.55	Hồ Chí Minh			
4936	51M-160.60	Hồ Chí Minh	6536	51M-187.79	Hồ Chí Minh			
4937	51M-173.00	Hồ Chí Minh	6537	51M-189.96	Hồ Chí Minh			
4938	51M-176.22	Hồ Chí Minh	6538	51M-210.68	Hồ Chí Minh			
4939	51M-204.89	Hồ Chí Minh	6539	51M-225.69	Hồ Chí Minh			
4940	51M-205.99	Hồ Chí Minh	6540	51M-225.89	Hồ Chí Minh			
4941	51M-208.89	Hồ Chí Minh	6541	51M-234.86	Hồ Chí Minh			
4942	51M-219.68	Hồ Chí Minh	6542	51M-245.88	Hồ Chí Minh			
4943	51M-222.07	Hồ Chí Minh	6543	51M-258.77	Hồ Chí Minh			
4944	51M-231.13	Hồ Chí Minh	6544	51M-268.89	Hồ Chí Minh			
4945	51M-232.11	Hồ Chí Minh	6545	51M-271.79	Hồ Chí Minh			
4946	51M-236.22	Hồ Chí Minh	6546	51M-280.11	Hồ Chí Minh			
4947	51M-236.23	Hồ Chí Minh	6547	51M-281.99	Hồ Chí Minh			
4948	51M-238.69	Hồ Chí Minh	6548	51M-282.83	Hồ Chí Minh			
4949	51M-239.89	Hồ Chí Minh	6549	51M-288.39	Hồ Chí Minh			
4950	51M-261.99	Hồ Chí Minh	6550	51M-297.86	Hồ Chí Minh			
4951	51M-271.71	Hồ Chí Minh	6551	51M-306.11	Hồ Chí Minh			
4952	51M-276.99	Hồ Chí Minh	6552	51M-307.03	Hồ Chí Minh			
4953	51M-277.99	Hồ Chí Minh	6553	51N-026.26	Hồ Chí Minh			
4954	51M-279.72	Hồ Chí Minh	6554	51N-030.88	Hồ Chí Minh			
4955	51M-283.66	Hồ Chí Minh	6555	51N-033.00	Hồ Chí Minh			
4956	51M-287.28	Hồ Chí Minh	6556	51N-042.33	Hồ Chí Minh			
4957	51M-289.28	Hồ Chí Minh	6557	51N-048.44	Hồ Chí Minh			
4958	51M-295.44	Hồ Chí Minh	6558	51N-050.39	Hồ Chí Minh			
4959	51M-301.02	Hồ Chí Minh	6559	51N-051.39	Hồ Chí Minh			
4960	51M-302.03	Hồ Chí Minh	6560	51N-053.50	Hồ Chí Minh			
4961	51M-304.99	Hồ Chí Minh	6561	51N-069.89	Hồ Chí Minh			
4962	51M-305.99	Hồ Chí Minh	6562	51N-070.44	Hồ Chí Minh			
4963	51N-007.22	Hồ Chí Minh	6563	51N-070.86	Hồ Chí Minh			
4964	51N-011.99	Hồ Chí Minh	6564	51N-077.68	Hồ Chí Minh			

41
IG 7
J G
DA
T N
JÂN

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4965	51N-012.13	Hồ Chí Minh	6565	51N-111.26	Hồ Chí Minh			
4966	51N-020.22	Hồ Chí Minh	6566	51N-123.24	Hồ Chí Minh			
4967	51N-037.99	Hồ Chí Minh	6567	51N-129.21	Hồ Chí Minh			
4968	51N-038.99	Hồ Chí Minh	6568	51N-132.77	Hồ Chí Minh			
4969	51N-044.40	Hồ Chí Minh	6569	51N-144.88	Hồ Chí Minh			
4970	51N-051.22	Hồ Chí Minh	6570	51N-145.00	Hồ Chí Minh			
4971	51N-055.89	Hồ Chí Minh	6571	11B-015.00	Cao Bằng			
4972	51N-057.99	Hồ Chí Minh	6572	12A-267.76	Lạng Sơn			
4973	51N-067.22	Hồ Chí Minh	6573	12A-270.88	Lạng Sơn			
4974	51N-072.39	Hồ Chí Minh	6574	12A-271.77	Lạng Sơn			
4975	51N-075.77	Hồ Chí Minh	6575	12C-140.04	Lạng Sơn			
4976	51N-083.80	Hồ Chí Minh	6576	12C-144.66	Lạng Sơn			
4977	51N-088.44	Hồ Chí Minh	6577	12D-009.00	Lạng Sơn			
4978	51N-090.11	Hồ Chí Minh	6578	14A-994.86	Quảng Ninh			
4979	51N-092.99	Hồ Chí Minh	6579	14A-998.11	Quảng Ninh			
4980	51N-093.68	Hồ Chí Minh	6580	14A-999.14	Quảng Ninh			
4981	51N-094.89	Hồ Chí Minh	6581	14B-054.00	Quảng Ninh			
4982	51N-109.11	Hồ Chí Minh	6582	14C-451.44	Quảng Ninh			
4983	51N-110.00	Hồ Chí Minh	6583	14C-453.88	Quảng Ninh			
4984	51N-114.77	Hồ Chí Minh	6584	14C-457.75	Quảng Ninh			
4985	51N-123.44	Hồ Chí Minh	6585	14C-458.22	Quảng Ninh			
4986	51N-127.99	Hồ Chí Minh	6586	14C-465.77	Quảng Ninh			
4987	51N-142.42	Hồ Chí Minh	6587	14D-029.29	Quảng Ninh			
4988	11C-089.39	Cao Bằng	6588	14D-032.69	Quảng Ninh			
4989	11D-012.55	Cao Bằng	6589	14K-000.26	Quảng Ninh			
4990	12A-271.69	Lạng Sơn	6590	14K-001.89	Quảng Ninh			
4991	14A-993.22	Quảng Ninh	6591	14K-007.69	Quảng Ninh			
4992	14A-998.00	Quảng Ninh	6592	14K-028.29	Quảng Ninh			
4993	14C-457.88	Quảng Ninh	6593	14K-034.77	Quảng Ninh			
4994	14C-463.99	Quảng Ninh	6594	14K-039.22	Quảng Ninh			
4995	14C-464.77	Quảng Ninh	6595	14K-045.11	Quảng Ninh			
4996	14C-469.00	Quảng Ninh	6596	14K-045.22	Quảng Ninh			
4997	14K-008.33	Quảng Ninh	6597	14K-048.68	Quảng Ninh			
4998	14K-015.33	Quảng Ninh	6598	15C-483.00	Hải Phòng			
4999	14K-021.66	Quảng Ninh	6599	15C-486.11	Hải Phòng			
5000	14K-021.69	Quảng Ninh	6600	15C-490.39	Hải Phòng			
5001	14K-024.89	Quảng Ninh	6601	15D-056.39	Hải Phòng			
5002	14K-035.99	Quảng Ninh	6602	15K-425.89	Hải Phòng			
5003	14K-039.30	Quảng Ninh	6603	15K-437.22	Hải Phòng			
5004	14K-041.41	Quảng Ninh	6604	15K-451.54	Hải Phòng			
5005	14K-043.89	Quảng Ninh	6605	15K-452.68	Hải Phòng			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5006	14K-047.68	Quảng Ninh	6606	15K-460.06	Hải Phòng			
5007	15C-481.86	Hải Phòng	6607	15K-461.46	Hải Phòng			
5008	15C-482.83	Hải Phòng	6608	15K-462.66	Hải Phòng			
5009	15C-486.44	Hải Phòng	6609	15K-467.68	Hải Phòng			
5010	15C-497.39	Hải Phòng	6610	15K-484.39	Hải Phòng			
5011	15D-053.44	Hải Phòng	6611	15K-484.69	Hải Phòng			
5012	15D-055.77	Hải Phòng	6612	15K-498.55	Hải Phòng			
5013	15K-432.99	Hải Phòng	6613	15K-501.77	Hải Phòng			
5014	15K-434.66	Hải Phòng	6614	15K-503.00	Hải Phòng			
5015	15K-446.77	Hải Phòng	6615	17A-502.03	Thái Bình			
5016	15K-446.79	Hải Phòng	6616	17A-505.77	Thái Bình			
5017	15K-447.11	Hải Phòng	6617	17A-506.11	Thái Bình			
5018	15K-449.55	Hải Phòng	6618	17C-219.22	Thái Bình			
5019	15K-470.77	Hải Phòng	6619	17C-222.47	Thái Bình			
5020	15K-479.74	Hải Phòng	6620	17D-014.22	Thái Bình			
5021	15K-491.94	Hải Phòng	6621	17D-016.86	Thái Bình			
5022	15K-496.49	Hải Phòng	6622	18A-491.55	Nam Định			
5023	15K-496.99	Hải Phòng	6623	18A-496.22	Nam Định			
5024	15K-509.11	Hải Phòng	6624	18A-496.99	Nam Định			
5025	17A-509.22	Thái Bình	6625	18A-497.97	Nam Định			
5026	17A-513.69	Thái Bình	6626	18A-502.66	Nam Định			
5027	17B-029.69	Thái Bình	6627	18A-508.39	Nam Định			
5028	17B-029.86	Thái Bình	6628	19A-716.33	Phú Thọ			
5029	18A-497.33	Nam Định	6629	19A-719.66	Phú Thọ			
5030	18C-179.00	Nam Định	6630	19A-738.99	Phú Thọ			
5031	19A-717.86	Phú Thọ	6631	19A-745.45	Phú Thọ			
5032	19A-719.44	Phú Thọ	6632	19A-752.77	Phú Thọ			
5033	19A-722.77	Phú Thọ	6633	19A-755.11	Phú Thọ			
5034	19A-724.89	Phú Thọ	6634	19B-027.77	Phú Thọ			
5035	19A-725.11	Phú Thọ	6635	19C-270.69	Phú Thọ			
5036	19A-725.72	Phú Thọ	6636	19C-279.33	Phú Thọ			
5037	19A-726.79	Phú Thọ	6637	20A-863.68	Thái Nguyên			
5038	19A-734.00	Phú Thọ	6638	20A-870.77	Thái Nguyên			
5039	19A-746.55	Phú Thọ	6639	20A-876.77	Thái Nguyên			
5040	19A-747.39	Phú Thọ	6640	20A-887.00	Thái Nguyên			
5041	19A-755.75	Phú Thọ	6641	20A-903.33	Thái Nguyên			
5042	19C-263.89	Phú Thọ	6642	20A-905.69	Thái Nguyên			
5043	19C-267.79	Phú Thọ	6643	20C-315.22	Thái Nguyên			
5044	19C-275.57	Phú Thọ	6644	20C-322.69	Thái Nguyên			
5045	19C-279.88	Phú Thọ	6645	21A-225.00	Yên Bái			
5046	20A-868.00	Thái Nguyên	6646	21C-111.86	Yên Bái			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5047	20A-868.77	Thái Nguyên	6647	21C-114.22	Yên Bái			
5048	20A-869.33	Thái Nguyên	6648	22A-271.33	Tuyên Quang			
5049	20A-874.00	Thái Nguyên	6649	22B-018.79	Tuyên Quang			
5050	20A-883.44	Thái Nguyên	6650	22C-114.39	Tuyên Quang			
5051	20B-036.55	Thái Nguyên	6651	22D-009.96	Tuyên Quang			
5052	20B-038.39	Thái Nguyên	6652	23A-165.77	Hà Giang			
5053	20B-038.79	Thái Nguyên	6653	23B-011.77	Hà Giang			
5054	20C-313.11	Thái Nguyên	6654	24A-316.39	Lào Cai			
5055	20C-320.69	Thái Nguyên	6655	24A-317.68	Lào Cai			
5056	21A-225.66	Yên Bái	6656	24A-322.68	Lào Cai			
5057	21A-232.22	Yên Bái	6657	24A-323.39	Lào Cai			
5058	21B-014.68	Yên Bái	6658	24A-325.44	Lào Cai			
5059	21B-015.11	Yên Bái	6659	24A-326.26	Lào Cai			
5060	21C-113.44	Yên Bái	6660	24C-168.00	Lào Cai			
5061	21D-008.22	Yên Bái	6661	26A-239.66	Sơn La			
5062	21D-008.55	Yên Bái	6662	26A-240.66	Sơn La			
5063	21D-009.96	Yên Bái	6663	26A-245.45	Sơn La			
5064	21D-010.66	Yên Bái	6664	26B-021.68	Sơn La			
5065	22A-270.55	Tuyên Quang	6665	26D-015.16	Sơn La			
5066	22A-273.37	Tuyên Quang	6666	27A-130.79	Điện Biên			
5067	22A-275.76	Tuyên Quang	6667	27B-015.86	Điện Biên			
5068	22B-016.88	Tuyên Quang	6668	28A-270.44	Hòa Bình			
5069	22C-115.69	Tuyên Quang	6669	28A-270.55	Hòa Bình			
5070	23A-169.79	Hà Giang	6670	28B-018.44	Hòa Bình			
5071	23B-013.33	Hà Giang	6671	28C-125.21	Hòa Bình			
5072	23C-093.44	Hà Giang	6672	29B-658.58	Hà Nội			
5073	23D-011.01	Hà Giang	6673	29B-660.60	Hà Nội			
5074	24A-321.23	Lào Cai	6674	29D-627.00	Hà Nội			
5075	24A-321.77	Lào Cai	6675	29D-628.39	Hà Nội			
5076	24B-021.86	Lào Cai	6676	29D-630.55	Hà Nội			
5077	24C-166.00	Lào Cai	6677	29K-328.55	Hà Nội			
5078	24C-166.67	Lào Cai	6678	29K-328.66	Hà Nội			
5079	25D-007.08	Lai Châu	6679	29K-332.00	Hà Nội			
5080	26A-243.77	Sơn La	6680	29K-333.28	Hà Nội			
5081	26C-169.16	Sơn La	6681	29K-333.56	Hà Nội			
5082	27A-133.00	Điện Biên	6682	29K-336.22	Hà Nội			
5083	27A-135.22	Điện Biên	6683	29K-346.69	Hà Nội			
5084	28A-258.77	Hòa Bình	6684	29K-348.33	Hà Nội			
5085	28A-262.66	Hòa Bình	6685	29K-348.43	Hà Nội			
5086	28C-123.22	Hòa Bình	6686	29K-353.53	Hà Nội			
5087	28D-011.89	Hòa Bình	6687	29K-359.66	Hà Nội			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5088	29B-660.61	Hà Nội	6688	29K-362.44	Hà Nội			
5089	29D-628.86	Hà Nội	6689	29K-365.00	Hà Nội			
5090	29D-637.11	Hà Nội	6690	29K-383.66	Hà Nội			
5091	29K-330.44	Hà Nội	6691	29K-401.33	Hà Nội			
5092	29K-336.37	Hà Nội	6692	29K-401.55	Hà Nội			
5093	29K-342.43	Hà Nội	6693	29K-403.99	Hà Nội			
5094	29K-351.55	Hà Nội	6694	29K-423.89	Hà Nội			
5095	29K-359.39	Hà Nội	6695	29K-430.66	Hà Nội			
5096	29K-367.76	Hà Nội	6696	29K-438.38	Hà Nội			
5097	29K-386.00	Hà Nội	6697	29K-445.86	Hà Nội			
5098	29K-389.38	Hà Nội	6698	29K-446.22	Hà Nội			
5099	29K-393.79	Hà Nội	6699	29K-451.33	Hà Nội			
5100	29K-402.69	Hà Nội	6700	29K-464.65	Hà Nội			
5101	29K-407.44	Hà Nội	6701	34A-922.79	Hải Dương			
5102	29K-409.04	Hà Nội	6702	34A-934.99	Hải Dương			
5103	29K-418.11	Hà Nội	6703	34A-967.76	Hải Dương			
5104	29K-427.33	Hà Nội	6704	34B-044.04	Hải Dương			
5105	29K-432.22	Hà Nội	6705	34B-046.11	Hải Dương			
5106	29K-440.86	Hà Nội	6706	34C-442.55	Hải Dương			
5107	29K-448.84	Hà Nội	6707	34C-445.88	Hải Dương			
5108	29K-460.22	Hà Nội	6708	34D-040.88	Hải Dương			
5109	29K-477.68	Hà Nội	6709	35A-467.64	Ninh Bình			
5110	34A-953.95	Hải Dương	6710	35A-470.69	Ninh Bình			
5111	34A-967.88	Hải Dương	6711	35A-480.81	Ninh Bình			
5112	34A-975.33	Hải Dương	6712	35A-482.86	Ninh Bình			
5113	34C-436.86	Hải Dương	6713	36B-048.49	Thanh Hóa			
5114	34C-436.99	Hải Dương	6714	36B-049.22	Thanh Hóa			
5115	35A-467.00	Ninh Bình	6715	36C-550.51	Thanh Hóa			
5116	35A-469.00	Ninh Bình	6716	36C-566.89	Thanh Hóa			
5117	35A-476.86	Ninh Bình	6717	36C-572.99	Thanh Hóa			
5118	35A-480.33	Ninh Bình	6718	36C-574.66	Thanh Hóa			
5119	35D-016.68	Ninh Bình	6719	36C-576.11	Thanh Hóa			
5120	35D-017.22	Ninh Bình	6720	36D-029.68	Thanh Hóa			
5121	36C-548.22	Thanh Hóa	6721	36K-231.79	Thanh Hóa			
5122	36C-565.89	Thanh Hóa	6722	36K-236.44	Thanh Hóa			
5123	36C-571.22	Thanh Hóa	6723	36K-238.44	Thanh Hóa			
5124	36C-572.88	Thanh Hóa	6724	36K-251.79	Thanh Hóa			
5125	36C-577.88	Thanh Hóa	6725	36K-258.22	Thanh Hóa			
5126	36K-230.39	Thanh Hóa	6726	36K-258.25	Thanh Hóa			
5127	36K-251.25	Thanh Hóa	6727	36K-261.69	Thanh Hóa			
5128	36K-256.79	Thanh Hóa	6728	36K-263.77	Thanh Hóa			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5129	36K-303.99	Thanh Hóa	6729	36K-268.44	Thanh Hóa			
5130	36K-304.99	Thanh Hóa	6730	36K-285.79	Thanh Hóa			
5131	36K-306.68	Thanh Hóa	6731	36K-289.79	Thanh Hóa			
5132	36K-306.77	Thanh Hóa	6732	36K-291.39	Thanh Hóa			
5133	37B-047.47	Nghệ An	6733	36K-291.86	Thanh Hóa			
5134	37B-048.22	Nghệ An	6734	37B-047.33	Nghệ An			
5135	37C-567.65	Nghệ An	6735	37C-586.89	Nghệ An			
5136	37C-572.99	Nghệ An	6736	37C-589.86	Nghệ An			
5137	37C-584.85	Nghệ An	6737	37C-590.99	Nghệ An			
5138	37C-585.77	Nghệ An	6738	37D-050.44	Nghệ An			
5139	37C-585.89	Nghệ An	6739	37K-490.69	Nghệ An			
5140	37C-586.58	Nghệ An	6740	37K-493.94	Nghệ An			
5141	37C-586.85	Nghệ An	6741	37K-512.39	Nghệ An			
5142	37C-586.87	Nghệ An	6742	37K-519.69	Nghệ An			
5143	37D-047.39	Nghệ An	6743	37K-521.86	Nghệ An			
5144	37K-483.83	Nghệ An	6744	37K-524.99	Nghệ An			
5145	37K-485.84	Nghệ An	6745	37K-528.11	Nghệ An			
5146	37K-485.99	Nghệ An	6746	37K-532.99	Nghệ An			
5147	37K-490.91	Nghệ An	6747	37K-535.39	Nghệ An			
5148	37K-502.79	Nghệ An	6748	37K-543.22	Nghệ An			
5149	37K-516.16	Nghệ An	6749	37K-546.47	Nghệ An			
5150	37K-522.25	Nghệ An	6750	37K-551.11	Nghệ An			
5151	37K-524.11	Nghệ An	6751	37K-569.88	Nghệ An			
5152	37K-543.89	Nghệ An	6752	38A-680.77	Hà Tĩnh			
5153	37K-545.46	Nghệ An	6753	38A-686.00	Hà Tĩnh			
5154	37K-545.86	Nghệ An	6754	38A-694.11	Hà Tĩnh			
5155	37K-548.66	Nghệ An	6755	38A-696.79	Hà Tĩnh			
5156	37K-559.66	Nghệ An	6756	38C-245.00	Hà Tĩnh			
5157	37K-561.65	Nghệ An	6757	38C-245.79	Hà Tĩnh			
5158	37K-569.39	Nghệ An	6758	38C-245.99	Hà Tĩnh			
5159	38A-690.77	Hà Tĩnh	6759	38C-246.86	Hà Tĩnh			
5160	38A-702.88	Hà Tĩnh	6760	38D-020.21	Hà Tĩnh			
5161	38A-707.99	Hà Tĩnh	6761	38D-022.33	Hà Tĩnh			
5162	38B-025.11	Hà Tĩnh	6762	43A-950.66	Đà Nẵng			
5163	38C-249.22	Hà Tĩnh	6763	43A-951.51	Đà Nẵng			
5164	43A-947.88	Đà Nẵng	6764	43A-961.77	Đà Nẵng			
5165	43A-963.33	Đà Nẵng	6765	43A-962.99	Đà Nẵng			
5166	43A-974.88	Đà Nẵng	6766	43A-970.88	Đà Nẵng			
5167	43B-065.22	Đà Nẵng	6767	43A-977.89	Đà Nẵng			
5168	43D-015.86	Đà Nẵng	6768	43B-067.00	Đà Nẵng			
5169	47A-829.22	Đắk Lắk	6769	43C-316.88	Đà Nẵng			

TỶ
 GIÁ
 NH
 IAM
 - T.P

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5170	47A-832.83	Đắk Lắk	6770	43C-323.39	Đà Nẵng			
5171	47A-834.69	Đắk Lắk	6771	43C-323.77	Đà Nẵng			
5172	47A-849.00	Đắk Lắk	6772	47A-814.00	Đắk Lắk			
5173	47C-397.55	Đắk Lắk	6773	47A-820.21	Đắk Lắk			
5174	47C-401.88	Đắk Lắk	6774	47A-826.33	Đắk Lắk			
5175	47C-404.44	Đắk Lắk	6775	47A-829.39	Đắk Lắk			
5176	47C-408.55	Đắk Lắk	6776	47A-830.22	Đắk Lắk			
5177	47C-415.88	Đắk Lắk	6777	47A-831.31	Đắk Lắk			
5178	47C-415.99	Đắk Lắk	6778	47A-832.44	Đắk Lắk			
5179	47C-418.41	Đắk Lắk	6779	47A-839.66	Đắk Lắk			
5180	47C-420.11	Đắk Lắk	6780	47A-850.44	Đắk Lắk			
5181	47D-020.88	Đắk Lắk	6781	47A-857.11	Đắk Lắk			
5182	48D-010.10	Đắk Nông	6782	47A-864.79	Đắk Lắk			
5183	49A-746.22	Lâm Đồng	6783	47C-397.69	Đắk Lắk			
5184	49A-749.69	Lâm Đồng	6784	47C-400.44	Đắk Lắk			
5185	49A-751.66	Lâm Đồng	6785	47C-402.66	Đắk Lắk			
5186	49A-753.53	Lâm Đồng	6786	48B-016.11	Đắk Nông			
5187	49A-755.75	Lâm Đồng	6787	49A-749.11	Lâm Đồng			
5188	49A-762.44	Lâm Đồng	6788	49A-749.44	Lâm Đồng			
5189	49A-773.00	Lâm Đồng	6789	49A-757.55	Lâm Đồng			
5190	49A-779.11	Lâm Đồng	6790	49A-760.77	Lâm Đồng			
5191	49B-035.39	Lâm Đồng	6791	49A-766.33	Lâm Đồng			
5192	49C-384.88	Lâm Đồng	6792	49A-773.22	Lâm Đồng			
5193	49C-397.77	Lâm Đồng	6793	49A-778.89	Lâm Đồng			
5194	49C-398.66	Lâm Đồng	6794	49B-033.30	Lâm Đồng			
5195	49D-017.44	Lâm Đồng	6795	49C-392.33	Lâm Đồng			
5196	51B-715.51	Hồ Chí Minh	6796	51B-715.33	Hồ Chí Minh			
5197	51E-341.39	Hồ Chí Minh	6797	51E-345.44	Hồ Chí Minh			
5198	51E-352.99	Hồ Chí Minh	6798	51E-346.88	Hồ Chí Minh			
5199	51E-354.45	Hồ Chí Minh	6799	51E-350.22	Hồ Chí Minh			
5200	60B-079.99	Đồng Nai	6800	51E-354.00	Hồ Chí Minh			
5201	60C-756.75	Đồng Nai	6801	60C-762.77	Đồng Nai			
5202	60C-756.77	Đồng Nai	6802	60C-766.33	Đồng Nai			
5203	60C-758.69	Đồng Nai	6803	60C-769.67	Đồng Nai			
5204	60C-767.79	Đồng Nai	6804	60C-772.68	Đồng Nai			
5205	60C-777.29	Đồng Nai	6805	60C-780.33	Đồng Nai			
5206	60C-790.22	Đồng Nai	6806	60C-783.86	Đồng Nai			
5207	60K-624.33	Đồng Nai	6807	60C-785.00	Đồng Nai			
5208	60K-630.33	Đồng Nai	6808	60D-024.39	Đồng Nai			
5209	60K-650.00	Đồng Nai	6809	60K-627.11	Đồng Nai			
5210	60K-652.11	Đồng Nai	6810	60K-627.39	Đồng Nai			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5211	60K-660.33	Đồng Nai	6811	60K-629.33	Đồng Nai			
5212	60K-663.39	Đồng Nai	6812	60K-630.03	Đồng Nai			
5213	60K-672.67	Đồng Nai	6813	60K-630.44	Đồng Nai			
5214	60K-688.55	Đồng Nai	6814	60K-630.63	Đồng Nai			
5215	60K-695.86	Đồng Nai	6815	60K-637.89	Đồng Nai			
5216	60K-695.89	Đồng Nai	6816	60K-639.22	Đồng Nai			
5217	60K-698.86	Đồng Nai	6817	60K-653.33	Đồng Nai			
5218	60K-700.33	Đồng Nai	6818	60K-655.22	Đồng Nai			
5219	61C-612.33	Bình Dương	6819	60K-670.39	Đồng Nai			
5220	61C-632.79	Bình Dương	6820	60K-671.88	Đồng Nai			
5221	61C-637.11	Bình Dương	6821	60K-685.22	Đồng Nai			
5222	61C-639.89	Bình Dương	6822	60K-688.77	Đồng Nai			
5223	61D-023.66	Bình Dương	6823	61C-616.22	Bình Dương			
5224	61D-023.86	Bình Dương	6824	61C-619.77	Bình Dương			
5225	61D-025.89	Bình Dương	6825	61C-622.11	Bình Dương			
5226	61K-519.91	Bình Dương	6826	61C-631.36	Bình Dương			
5227	61K-521.68	Bình Dương	6827	61K-531.11	Bình Dương			
5228	61K-526.44	Bình Dương	6828	61K-539.33	Bình Dương			
5229	61K-537.53	Bình Dương	6829	61K-540.40	Bình Dương			
5230	61K-545.69	Bình Dương	6830	61K-546.88	Bình Dương			
5231	61K-548.33	Bình Dương	6831	61K-548.77	Bình Dương			
5232	61K-550.68	Bình Dương	6832	61K-551.99	Bình Dương			
5233	61K-551.77	Bình Dương	6833	61K-560.60	Bình Dương			
5234	61K-556.79	Bình Dương	6834	61K-561.33	Bình Dương			
5235	61K-557.86	Bình Dương	6835	61K-569.88	Bình Dương			
5236	61K-573.79	Bình Dương	6836	61K-570.68	Bình Dương			
5237	61K-581.33	Bình Dương	6837	61K-580.39	Bình Dương			
5238	61K-585.86	Bình Dương	6838	61K-582.85	Bình Dương			
5239	61K-586.89	Bình Dương	6839	61K-582.89	Bình Dương			
5240	61K-589.39	Bình Dương	6840	61K-590.69	Bình Dương			
5241	61K-597.00	Bình Dương	6841	62A-474.99	Long An			
5242	61K-598.79	Bình Dương	6842	62A-478.89	Long An			
5243	62A-472.73	Long An	6843	62A-486.22	Long An			
5244	62A-476.86	Long An	6844	62A-488.39	Long An			
5245	62A-490.90	Long An	6845	62A-489.39	Long An			
5246	62B-032.66	Long An	6846	62A-491.00	Long An			
5247	62C-221.44	Long An	6847	62C-217.77	Long An			
5248	62C-222.77	Long An	6848	62C-218.89	Long An			
5249	62C-222.99	Long An	6849	62C-223.33	Long An			
5250	62C-226.11	Long An	6850	62C-226.33	Long An			
5251	62D-015.68	Long An	6851	62D-016.01	Long An			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5252	63A-326.00	Tiền Giang	6852	63A-333.34	Tiền Giang			
5253	63A-337.69	Tiền Giang	6853	63A-335.35	Tiền Giang			
5254	63A-340.34	Tiền Giang	6854	63A-340.77	Tiền Giang			
5255	63A-340.41	Tiền Giang	6855	63A-340.89	Tiền Giang			
5256	63B-033.99	Tiền Giang	6856	63B-034.34	Tiền Giang			
5257	63B-035.86	Tiền Giang	6857	63B-035.89	Tiền Giang			
5258	63C-234.99	Tiền Giang	6858	63C-229.86	Tiền Giang			
5259	63C-237.11	Tiền Giang	6859	64A-204.68	Vĩnh Long			
5260	64A-209.11	Vĩnh Long	6860	64A-212.66	Vĩnh Long			
5261	64B-019.22	Vĩnh Long	6861	64C-134.35	Vĩnh Long			
5262	64B-019.98	Vĩnh Long	6862	64D-007.39	Vĩnh Long			
5263	65A-529.55	Cần Thơ	6863	65A-519.15	Cần Thơ			
5264	65A-532.00	Cần Thơ	6864	65A-535.22	Cần Thơ			
5265	65A-534.88	Cần Thơ	6865	65B-026.26	Cần Thơ			
5266	65C-253.00	Cần Thơ	6866	65C-268.22	Cần Thơ			
5267	65C-260.68	Cần Thơ	6867	65C-278.69	Cần Thơ			
5268	65C-264.79	Cần Thơ	6868	65D-014.39	Cần Thơ			
5269	65C-270.00	Cần Thơ	6869	66A-306.99	Đồng Tháp			
5270	65C-270.86	Cần Thơ	6870	66A-315.15	Đồng Tháp			
5271	65C-273.79	Cần Thơ	6871	66B-025.89	Đồng Tháp			
5272	65D-012.11	Cần Thơ	6872	66C-191.22	Đồng Tháp			
5273	65D-013.88	Cần Thơ	6873	66D-013.99	Đồng Tháp			
5274	66A-306.88	Đồng Tháp	6874	67C-197.98	An Giang			
5275	66A-308.30	Đồng Tháp	6875	68A-366.36	Kiên Giang			
5276	66A-311.77	Đồng Tháp	6876	68A-369.33	Kiên Giang			
5277	66C-185.11	Đồng Tháp	6877	68B-034.99	Kiên Giang			
5278	66C-185.58	Đồng Tháp	6878	69A-168.99	Cà Mau			
5279	66C-188.79	Đồng Tháp	6879	69C-104.40	Cà Mau			
5280	66C-189.33	Đồng Tháp	6880	70A-585.89	Tây Ninh			
5281	66C-190.39	Đồng Tháp	6881	70A-587.78	Tây Ninh			
5282	66C-191.33	Đồng Tháp	6882	70A-590.44	Tây Ninh			
5283	66D-014.22	Đồng Tháp	6883	70A-590.95	Tây Ninh			
5284	67A-333.14	An Giang	6884	70A-598.95	Tây Ninh			
5285	67A-335.53	An Giang	6885	70A-599.69	Tây Ninh			
5286	67B-032.11	An Giang	6886	70A-606.86	Tây Ninh			
5287	67B-032.23	An Giang	6887	70A-607.08	Tây Ninh			
5288	68A-369.44	Kiên Giang	6888	70B-035.35	Tây Ninh			
5289	68A-374.89	Kiên Giang	6889	70C-213.44	Tây Ninh			
5290	68A-379.37	Kiên Giang	6890	70C-219.21	Tây Ninh			
5291	68B-036.22	Kiên Giang	6891	71A-215.16	Bến Tre			
5292	68B-037.66	Kiên Giang	6892	71A-220.88	Bến Tre			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5293	69A-169.00	Cà Mau	6893	71A-222.58	Bến Tre			
5294	69A-169.39	Cà Mau	6894	71B-025.99	Bến Tre			
5295	69A-172.44	Cà Mau	6895	71C-133.77	Bến Tre			
5296	69A-174.69	Cà Mau	6896	72A-848.66	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5297	69C-105.88	Cà Mau	6897	72A-851.15	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5298	70A-592.44	Tây Ninh	6898	72A-854.22	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5299	70A-593.94	Tây Ninh	6899	72A-854.99	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5300	70A-594.99	Tây Ninh	6900	72A-857.86	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5301	70C-214.11	Tây Ninh	6901	72A-860.69	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5302	70C-216.44	Tây Ninh	6902	72A-863.00	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5303	70C-218.22	Tây Ninh	6903	72A-865.00	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5304	71A-213.21	Bến Tre	6904	72A-866.55	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5305	71C-134.44	Bến Tre	6905	72A-871.55	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5306	71C-136.37	Bến Tre	6906	72A-875.76	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5307	71C-137.44	Bến Tre	6907	72C-267.26	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5308	71D-005.88	Bến Tre	6908	72C-270.39	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5309	72A-849.77	Bà Rịa - Vũng Tàu	6909	72C-275.57	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5310	72A-859.95	Bà Rịa - Vũng Tàu	6910	72C-278.78	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5311	72A-862.44	Bà Rịa - Vũng Tàu	6911	72C-282.00	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5312	72A-862.66	Bà Rịa - Vũng Tàu	6912	72D-014.88	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5313	72A-881.77	Bà Rịa - Vũng Tàu	6913	72D-015.01	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5314	72B-047.00	Bà Rịa - Vũng Tàu	6914	73A-373.89	Quảng Bình			
5315	72C-267.39	Bà Rịa - Vũng Tàu	6915	73C-192.29	Quảng Bình			
5316	72C-273.77	Bà Rịa - Vũng Tàu	6916	74A-278.89	Quảng Trị			
5317	72D-014.15	Bà Rịa - Vũng Tàu	6917	74B-018.10	Quảng Trị			
5318	73A-371.79	Quảng Bình	6918	74C-144.66	Quảng Trị			
5319	73A-375.88	Quảng Bình	6919	74C-147.66	Quảng Trị			
5320	73A-378.79	Quảng Bình	6920	75B-029.22	Thừa Thiên Huế			
5321	73B-018.00	Quảng Bình	6921	75B-031.32	Thừa Thiên Huế			
5322	73C-197.66	Quảng Bình	6922	75C-164.66	Thừa Thiên Huế			
5323	73D-011.01	Quảng Bình	6923	76A-326.79	Quảng Ngãi			
5324	74B-019.44	Quảng Trị	6924	76A-328.69	Quảng Ngãi			
5325	74B-019.55	Quảng Trị	6925	77A-359.95	Bình Định			
5326	74C-148.41	Quảng Trị	6926	77A-365.56	Bình Định			
5327	75A-393.68	Thừa Thiên Huế	6927	77B-039.55	Bình Định			
5328	75A-402.22	Thừa Thiên Huế	6928	77C-263.26	Bình Định			
5329	76D-015.16	Quảng Ngãi	6929	78A-226.22	Phú Yên			
5330	76D-015.89	Quảng Ngãi	6930	78B-020.79	Phú Yên			
5331	77A-362.22	Bình Định	6931	78B-022.20	Phú Yên			
5332	77A-364.77	Bình Định	6932	79A-573.44	Khánh Hòa			
5333	77C-261.33	Bình Định	6933	79A-580.11	Khánh Hòa			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5334	77C-267.67	Bình Định	6934	79A-590.55	Khánh Hòa			
5335	77D-009.09	Bình Định	6935	79B-046.11	Khánh Hòa			
5336	78A-221.33	Phú Yên	6936	79B-046.55	Khánh Hòa			
5337	78C-126.27	Phú Yên	6937	79C-233.79	Khánh Hòa			
5338	79A-575.77	Khánh Hòa	6938	79D-010.86	Khánh Hòa			
5339	79A-583.66	Khánh Hòa	6939	79D-011.86	Khánh Hòa			
5340	79A-591.55	Khánh Hòa	6940	81A-458.22	Gia Lai			
5341	79C-230.39	Khánh Hòa	6941	81A-463.39	Gia Lai			
5342	81A-455.11	Gia Lai	6942	81A-464.99	Gia Lai			
5343	81A-456.22	Gia Lai	6943	81A-476.89	Gia Lai			
5344	81A-457.22	Gia Lai	6944	81C-285.77	Gia Lai			
5345	81B-030.86	Gia Lai	6945	81C-293.86	Gia Lai			
5346	81C-285.33	Gia Lai	6946	83C-139.31	Sóc Trăng			
5347	81D-016.66	Gia Lai	6947	83D-008.99	Sóc Trăng			
5348	81D-017.17	Gia Lai	6948	84A-147.22	Trà Vinh			
5349	82A-159.22	Kon Tum	6949	84A-149.55	Trà Vinh			
5350	82A-161.66	Kon Tum	6950	84C-127.12	Trà Vinh			
5351	82C-096.33	Kon Tum	6951	84C-127.22	Trà Vinh			
5352	82C-096.55	Kon Tum	6952	86A-327.39	Bình Thuận			
5353	82C-096.90	Kon Tum	6953	86A-331.89	Bình Thuận			
5354	82C-098.11	Kon Tum	6954	86B-026.99	Bình Thuận			
5355	82D-012.33	Kon Tum	6955	86C-214.88	Bình Thuận			
5356	83A-196.99	Sóc Trăng	6956	88A-791.66	Vĩnh Phúc			
5357	83C-134.43	Sóc Trăng	6957	88A-792.69	Vĩnh Phúc			
5358	83C-136.31	Sóc Trăng	6958	88A-797.88	Vĩnh Phúc			
5359	84A-153.54	Trà Vinh	6959	88A-801.55	Vĩnh Phúc			
5360	86A-321.89	Bình Thuận	6960	88A-805.06	Vĩnh Phúc			
5361	86A-326.32	Bình Thuận	6961	88A-805.69	Vĩnh Phúc			
5362	86A-327.23	Bình Thuận	6962	88A-806.80	Vĩnh Phúc			
5363	86A-333.13	Bình Thuận	6963	88A-811.99	Vĩnh Phúc			
5364	86C-211.88	Bình Thuận	6964	88A-826.99	Vĩnh Phúc			
5365	86D-007.77	Bình Thuận	6965	88C-313.77	Vĩnh Phúc			
5366	88A-792.97	Vĩnh Phúc	6966	88C-314.00	Vĩnh Phúc			
5367	88A-821.28	Vĩnh Phúc	6967	88C-315.39	Vĩnh Phúc			
5368	88B-022.89	Vĩnh Phúc	6968	88C-318.31	Vĩnh Phúc			
5369	88B-025.20	Vĩnh Phúc	6969	88C-320.99	Vĩnh Phúc			
5370	88C-311.33	Vĩnh Phúc	6970	88C-322.69	Vĩnh Phúc			
5371	88C-313.79	Vĩnh Phúc	6971	89A-538.35	Hưng Yên			
5372	88C-321.12	Vĩnh Phúc	6972	89A-551.00	Hưng Yên			
5373	89A-541.69	Hưng Yên	6973	89A-556.33	Hưng Yên			
5374	89A-553.68	Hưng Yên	6974	89A-558.33	Hưng Yên			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5375	89A-559.11	Hưng Yên	6975	90A-295.89	Hà Nam			
5376	89C-354.86	Hưng Yên	6976	90A-297.69	Hà Nam			
5377	89C-358.79	Hưng Yên	6977	90A-300.77	Hà Nam			
5378	89C-360.66	Hưng Yên	6978	90C-157.22	Hà Nam			
5379	90A-294.55	Hà Nam	6979	90C-157.57	Hà Nam			
5380	90A-295.95	Hà Nam	6980	90D-010.10	Hà Nam			
5381	90B-014.66	Hà Nam	6981	90D-010.79	Hà Nam			
5382	92A-441.44	Quảng Nam	6982	92A-436.55	Quảng Nam			
5383	92A-442.99	Quảng Nam	6983	92A-439.88	Quảng Nam			
5384	92A-444.00	Quảng Nam	6984	92A-443.00	Quảng Nam			
5385	92B-039.88	Quảng Nam	6985	92D-014.11	Quảng Nam			
5386	92D-012.86	Quảng Nam	6986	93A-509.69	Bình Phước			
5387	93A-508.39	Bình Phước	6987	93B-021.86	Bình Phước			
5388	93A-511.12	Bình Phước	6988	93C-199.55	Bình Phước			
5389	93B-021.77	Bình Phước	6989	94B-015.11	Bạc Liêu			
5390	93C-201.39	Bình Phước	6990	94B-017.18	Bạc Liêu			
5391	93C-208.22	Bình Phước	6991	94C-085.80	Bạc Liêu			
5392	94A-114.55	Bạc Liêu	6992	95A-136.37	Hậu Giang			
5393	94B-015.01	Bạc Liêu	6993	95B-018.86	Hậu Giang			
5394	94C-083.86	Bạc Liêu	6994	95B-019.33	Hậu Giang			
5395	95A-138.13	Hậu Giang	6995	95C-091.91	Hậu Giang			
5396	95A-142.11	Hậu Giang	6996	97A-097.69	Bắc Kạn			
5397	95C-089.79	Hậu Giang	6997	97D-011.22	Bắc Kạn			
5398	97A-098.77	Bắc Kạn	6998	98A-874.87	Bắc Giang			
5399	97A-099.00	Bắc Kạn	6999	98A-879.22	Bắc Giang			
5400	97B-015.77	Bắc Kạn	7000	98A-881.81	Bắc Giang			
5401	97B-018.00	Bắc Kạn	7001	98A-888.12	Bắc Giang			
5402	98A-858.89	Bắc Giang	7002	98A-891.89	Bắc Giang			
5403	98A-859.69	Bắc Giang	7003	98A-894.55	Bắc Giang			
5404	98A-863.55	Bắc Giang	7004	98A-894.69	Bắc Giang			
5405	98A-873.39	Bắc Giang	7005	98A-895.98	Bắc Giang			
5406	98A-874.55	Bắc Giang	7006	98A-901.90	Bắc Giang			
5407	98A-878.69	Bắc Giang	7007	98A-902.68	Bắc Giang			
5408	98A-883.88	Bắc Giang	7008	98A-903.00	Bắc Giang			
5409	98A-900.01	Bắc Giang	7009	98A-905.05	Bắc Giang			
5410	98A-901.66	Bắc Giang	7010	98A-908.00	Bắc Giang			
5411	98A-907.89	Bắc Giang	7011	98A-911.79	Bắc Giang			
5412	98A-908.66	Bắc Giang	7012	98C-376.73	Bắc Giang			
5413	98B-045.11	Bắc Giang	7013	98C-379.55	Bắc Giang			
5414	98C-378.55	Bắc Giang	7014	98C-387.88	Bắc Giang			
5415	98C-383.68	Bắc Giang	7015	99A-861.77	Bắc Ninh			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5416	98C-389.22	Bắc Giang	7016	99A-864.77	Bắc Ninh			
5417	98C-391.00	Bắc Giang	7017	99A-865.00	Bắc Ninh			
5418	98C-391.11	Bắc Giang	7018	99A-882.55	Bắc Ninh			
5419	98D-023.86	Bắc Giang	7019	99A-893.99	Bắc Ninh			
5420	99A-856.69	Bắc Ninh	7020	99A-895.98	Bắc Ninh			
5421	99A-861.69	Bắc Ninh	7021	99C-334.77	Bắc Ninh			
5422	99A-862.89	Bắc Ninh	7022	99C-341.77	Bắc Ninh			
5423	99A-872.00	Bắc Ninh	7023	99C-344.68	Bắc Ninh			
5424	99A-872.86	Bắc Ninh	7024	99C-346.55	Bắc Ninh			
5425	99A-880.69	Bắc Ninh	7025	99C-346.69	Bắc Ninh			
5426	99A-891.66	Bắc Ninh	7026	11A-137.56	Cao Bằng			
5427	99C-333.07	Bắc Ninh	7027	11C-088.65	Cao Bằng			
5428	99C-345.89	Bắc Ninh	7028	11C-089.16	Cao Bằng			
5429	11A-139.28	Cao Bằng	7029	11D-011.85	Cao Bằng			
5430	11B-016.59	Cao Bằng	7030	12A-263.18	Lạng Sơn			
5431	12A-267.65	Lạng Sơn	7031	12A-263.59	Lạng Sơn			
5432	12A-270.98	Lạng Sơn	7032	12A-267.15	Lạng Sơn			
5433	12A-271.19	Lạng Sơn	7033	12A-269.56	Lạng Sơn			
5434	12B-017.06	Lạng Sơn	7034	12A-272.08	Lạng Sơn			
5435	12C-141.36	Lạng Sơn	7035	12B-015.63	Lạng Sơn			
5436	12C-145.19	Lạng Sơn	7036	12C-142.09	Lạng Sơn			
5437	12D-008.19	Lạng Sơn	7037	14A-990.38	Quảng Ninh			
5438	14A-989.59	Quảng Ninh	7038	14A-995.38	Quảng Ninh			
5439	14A-989.95	Quảng Ninh	7039	14A-997.29	Quảng Ninh			
5440	14A-991.18	Quảng Ninh	7040	14A-997.85	Quảng Ninh			
5441	14B-052.95	Quảng Ninh	7041	14B-055.65	Quảng Ninh			
5442	14C-453.95	Quảng Ninh	7042	14B-056.16	Quảng Ninh			
5443	14C-459.15	Quảng Ninh	7043	14C-450.29	Quảng Ninh			
5444	14C-471.08	Quảng Ninh	7044	14C-459.09	Quảng Ninh			
5445	14C-471.58	Quảng Ninh	7045	14C-461.09	Quảng Ninh			
5446	14K-007.16	Quảng Ninh	7046	14C-463.29	Quảng Ninh			
5447	14K-008.18	Quảng Ninh	7047	14C-466.85	Quảng Ninh			
5448	14K-009.16	Quảng Ninh	7048	14C-468.28	Quảng Ninh			
5449	14K-010.26	Quảng Ninh	7049	14C-468.59	Quảng Ninh			
5450	14K-013.25	Quảng Ninh	7050	14D-029.65	Quảng Ninh			
5451	14K-016.26	Quảng Ninh	7051	14K-004.63	Quảng Ninh			
5452	14K-016.96	Quảng Ninh	7052	14K-009.58	Quảng Ninh			
5453	14K-017.58	Quảng Ninh	7053	14K-010.95	Quảng Ninh			
5454	14K-020.98	Quảng Ninh	7054	14K-015.85	Quảng Ninh			
5455	14K-025.16	Quảng Ninh	7055	14K-019.56	Quảng Ninh			
5456	14K-029.38	Quảng Ninh	7056	14K-021.06	Quảng Ninh			

4
 ÔNG
 ĐẦU
 ỢP
 VIỆT
 4 XU

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5457	14K-029.83	Quảng Ninh	7057	14K-022.16	Quảng Ninh			
5458	14K-029.95	Quảng Ninh	7058	14K-022.96	Quảng Ninh			
5459	14K-041.65	Quảng Ninh	7059	14K-036.25	Quảng Ninh			
5460	14K-043.85	Quảng Ninh	7060	14K-040.65	Quảng Ninh			
5461	15C-482.08	Hải Phòng	7061	14K-042.63	Quảng Ninh			
5462	15C-487.08	Hải Phòng	7062	14K-042.96	Quảng Ninh			
5463	15C-490.96	Hải Phòng	7063	14K-049.36	Quảng Ninh			
5464	15C-494.19	Hải Phòng	7064	15B-057.29	Hải Phòng			
5465	15D-053.08	Hải Phòng	7065	15B-057.59	Hải Phòng			
5466	15K-425.63	Hải Phòng	7066	15C-489.08	Hải Phòng			
5467	15K-429.35	Hải Phòng	7067	15C-494.26	Hải Phòng			
5468	15K-431.98	Hải Phòng	7068	15C-496.95	Hải Phòng			
5469	15K-432.36	Hải Phòng	7069	15D-053.83	Hải Phòng			
5470	15K-435.38	Hải Phòng	7070	15D-056.29	Hải Phòng			
5471	15K-445.85	Hải Phòng	7071	15K-426.35	Hải Phòng			
5472	15K-449.95	Hải Phòng	7072	15K-426.83	Hải Phòng			
5473	15K-452.96	Hải Phòng	7073	15K-429.19	Hải Phòng			
5474	15K-455.96	Hải Phòng	7074	15K-429.38	Hải Phòng			
5475	15K-461.06	Hải Phòng	7075	15K-434.59	Hải Phòng			
5476	15K-473.06	Hải Phòng	7076	15K-435.95	Hải Phòng			
5477	15K-473.25	Hải Phòng	7077	15K-439.06	Hải Phòng			
5478	15K-476.58	Hải Phòng	7078	15K-443.38	Hải Phòng			
5479	15K-476.85	Hải Phòng	7079	15K-451.28	Hải Phòng			
5480	15K-480.59	Hải Phòng	7080	15K-451.56	Hải Phòng			
5481	15K-482.98	Hải Phòng	7081	15K-452.98	Hải Phòng			
5482	15K-488.19	Hải Phòng	7082	15K-458.06	Hải Phòng			
5483	15K-494.36	Hải Phòng	7083	15K-461.85	Hải Phòng			
5484	15K-503.59	Hải Phòng	7084	15K-472.95	Hải Phòng			
5485	15K-506.63	Hải Phòng	7085	15K-484.56	Hải Phòng			
5486	15K-507.09	Hải Phòng	7086	15K-492.16	Hải Phòng			
5487	15K-507.16	Hải Phòng	7087	15K-494.29	Hải Phòng			
5488	15K-513.58	Hải Phòng	7088	15K-494.85	Hải Phòng			
5489	15K-513.59	Hải Phòng	7089	15K-499.29	Hải Phòng			
5490	17A-492.63	Thái Bình	7090	15K-503.09	Hải Phòng			
5491	17A-496.85	Thái Bình	7091	15K-503.18	Hải Phòng			
5492	17A-504.29	Thái Bình	7092	17A-494.56	Thái Bình			
5493	17A-506.63	Thái Bình	7093	17A-494.96	Thái Bình			
5494	17A-511.25	Thái Bình	7094	17A-500.16	Thái Bình			
5495	17A-511.26	Thái Bình	7095	17A-502.28	Thái Bình			
5496	18A-495.38	Nam Định	7096	17A-505.65	Thái Bình			
5497	18A-496.19	Nam Định	7097	17A-510.35	Thái Bình			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5498	18A-499.26	Nam Định	7098	17A-510.65	Thái Bình			
5499	18A-512.65	Nam Định	7099	17A-513.16	Thái Bình			
5500	18A-512.96	Nam Định	7100	17C-216.58	Thái Bình			
5501	18B-032.08	Nam Định	7101	17D-013.16	Thái Bình			
5502	18C-179.36	Nam Định	7102	17D-015.59	Thái Bình			
5503	18C-180.15	Nam Định	7103	17D-015.96	Thái Bình			
5504	18C-183.06	Nam Định	7104	18A-493.06	Nam Định			
5505	18D-017.38	Nam Định	7105	18A-495.65	Nam Định			
5506	18D-017.59	Nam Định	7106	18A-505.56	Nam Định			
5507	18D-017.95	Nam Định	7107	18A-506.95	Nam Định			
5508	19A-716.38	Phú Thọ	7108	18B-032.63	Nam Định			
5509	19A-722.25	Phú Thọ	7109	18B-033.26	Nam Định			
5510	19A-723.16	Phú Thọ	7110	18C-175.25	Nam Định			
5511	19A-728.98	Phú Thọ	7111	18C-177.15	Nam Định			
5512	19A-733.19	Phú Thọ	7112	18C-179.08	Nam Định			
5513	19A-740.06	Phú Thọ	7113	18C-181.28	Nam Định			
5514	19A-740.96	Phú Thọ	7114	18C-181.56	Nam Định			
5515	19A-747.38	Phú Thọ	7115	19A-715.83	Phú Thọ			
5516	19A-747.59	Phú Thọ	7116	19A-718.25	Phú Thọ			
5517	19A-747.83	Phú Thọ	7117	19A-721.28	Phú Thọ			
5518	19A-749.26	Phú Thọ	7118	19A-728.96	Phú Thọ			
5519	19A-750.28	Phú Thọ	7119	19A-733.35	Phú Thọ			
5520	19A-755.83	Phú Thọ	7120	19A-735.19	Phú Thọ			
5521	19B-028.98	Phú Thọ	7121	19A-738.95	Phú Thọ			
5522	19B-029.08	Phú Thọ	7122	19A-739.08	Phú Thọ			
5523	19B-030.28	Phú Thọ	7123	19A-743.18	Phú Thọ			
5524	19B-030.96	Phú Thọ	7124	19A-753.98	Phú Thọ			
5525	19C-272.59	Phú Thọ	7125	19C-278.38	Phú Thọ			
5526	19D-020.35	Phú Thọ	7126	19D-020.09	Phú Thọ			
5527	20A-866.16	Thái Nguyên	7127	19D-020.26	Phú Thọ			
5528	20A-871.63	Thái Nguyên	7128	20A-864.15	Thái Nguyên			
5529	20A-877.85	Thái Nguyên	7129	20A-864.38	Thái Nguyên			
5530	20A-893.18	Thái Nguyên	7130	20A-868.19	Thái Nguyên			
5531	20A-893.19	Thái Nguyên	7131	20A-869.58	Thái Nguyên			
5532	20A-894.28	Thái Nguyên	7132	20A-873.15	Thái Nguyên			
5533	20A-904.06	Thái Nguyên	7133	20A-875.98	Thái Nguyên			
5534	20A-905.19	Thái Nguyên	7134	20A-877.09	Thái Nguyên			
5535	20B-038.95	Thái Nguyên	7135	20A-878.96	Thái Nguyên			
5536	20C-312.98	Thái Nguyên	7136	20A-891.06	Thái Nguyên			
5537	20C-315.29	Thái Nguyên	7137	20A-895.15	Thái Nguyên			
5538	20C-319.29	Thái Nguyên	7138	20A-897.59	Thái Nguyên			

H.Đ. H.Đ.
H.Đ. H.Đ.
H.Đ. H.Đ.

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5539	20C-321.28	Thái Nguyên	7139	20A-899.38	Thái Nguyên			
5540	20C-322.15	Thái Nguyên	7140	20A-902.19	Thái Nguyên			
5541	20C-323.19	Thái Nguyên	7141	20A-903.38	Thái Nguyên			
5542	20D-033.85	Thái Nguyên	7142	20B-036.65	Thái Nguyên			
5543	21A-223.16	Yên Bái	7143	20C-313.19	Thái Nguyên			
5544	21A-223.98	Yên Bái	7144	20C-313.98	Thái Nguyên			
5545	21D-008.83	Yên Bái	7145	20C-321.26	Thái Nguyên			
5546	22A-277.15	Tuyên Quang	7146	20C-324.26	Thái Nguyên			
5547	22C-116.19	Tuyên Quang	7147	20D-035.25	Thái Nguyên			
5548	22C-117.56	Tuyên Quang	7148	21A-223.83	Yên Bái			
5549	22D-011.25	Tuyên Quang	7149	21A-225.56	Yên Bái			
5550	23A-164.08	Hà Giang	7150	21B-015.95	Yên Bái			
5551	23A-165.08	Hà Giang	7151	22A-274.35	Tuyên Quang			
5552	23A-166.58	Hà Giang	7152	22A-275.96	Tuyên Quang			
5553	23A-171.38	Hà Giang	7153	22A-277.29	Tuyên Quang			
5554	23B-013.58	Hà Giang	7154	22B-019.28	Tuyên Quang			
5555	23B-014.08	Hà Giang	7155	22C-114.63	Tuyên Quang			
5556	23B-014.98	Hà Giang	7156	22C-115.26	Tuyên Quang			
5557	23D-009.15	Hà Giang	7157	22C-118.38	Tuyên Quang			
5558	24A-316.25	Lào Cai	7158	22D-009.95	Tuyên Quang			
5559	24A-318.08	Lào Cai	7159	23A-166.35	Hà Giang			
5560	24A-319.08	Lào Cai	7160	23A-167.96	Hà Giang			
5561	24D-012.56	Lào Cai	7161	23B-011.19	Hà Giang			
5562	25B-008.56	Lai Châu	7162	23B-012.56	Hà Giang			
5563	25B-008.83	Lai Châu	7163	23D-011.26	Hà Giang			
5564	25B-010.95	Lai Châu	7164	24A-317.26	Lào Cai			
5565	25D-006.83	Lai Châu	7165	24A-325.95	Lào Cai			
5566	26A-235.98	Sơn La	7166	24C-168.38	Lào Cai			
5567	26A-239.18	Sơn La	7167	24C-170.63	Lào Cai			
5568	26A-240.19	Sơn La	7168	25A-087.63	Lai Châu			
5569	26A-242.06	Sơn La	7169	25B-010.18	Lai Châu			
5570	26A-242.98	Sơn La	7170	25B-011.59	Lai Châu			
5571	26A-246.06	Sơn La	7171	25C-061.96	Lai Châu			
5572	26B-019.28	Sơn La	7172	25C-062.56	Lai Châu			
5573	26C-167.85	Sơn La	7173	25C-063.09	Lai Châu			
5574	26D-013.63	Sơn La	7174	25D-008.19	Lai Châu			
5575	27A-129.65	Điện Biên	7175	26A-235.19	Sơn La			
5576	27A-132.36	Điện Biên	7176	26A-236.06	Sơn La			
5577	27B-014.63	Điện Biên	7177	26A-243.58	Sơn La			
5578	27B-015.36	Điện Biên	7178	26B-020.09	Sơn La			
5579	27C-075.16	Điện Biên	7179	26B-020.29	Sơn La			

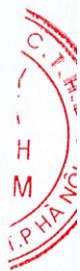
Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5580	28A-262.98	Hòa Bình	7180	26C-166.25	Sơn La			
5581	28A-268.06	Hòa Bình	7181	26D-014.63	Sơn La			
5582	28A-270.15	Hòa Bình	7182	26D-015.25	Sơn La			
5583	28C-122.65	Hòa Bình	7183	27B-016.35	Điện Biên			
5584	28D-013.83	Hòa Bình	7184	27B-017.85	Điện Biên			
5585	29D-626.56	Hà Nội	7185	27C-074.98	Điện Biên			
5586	29D-629.35	Hà Nội	7186	27C-076.98	Điện Biên			
5587	29K-326.25	Hà Nội	7187	27C-077.36	Điện Biên			
5588	29K-326.56	Hà Nội	7188	27D-010.19	Điện Biên			
5589	29K-327.18	Hà Nội	7189	28A-259.15	Hòa Bình			
5590	29K-331.16	Hà Nội	7190	28A-259.16	Hòa Bình			
5591	29K-333.65	Hà Nội	7191	28A-263.28	Hòa Bình			
5592	29K-335.58	Hà Nội	7192	28A-265.96	Hòa Bình			
5593	29K-337.59	Hà Nội	7193	28B-020.58	Hòa Bình			
5594	29K-340.96	Hà Nội	7194	28C-122.06	Hòa Bình			
5595	29K-347.18	Hà Nội	7195	28C-122.19	Hòa Bình			
5596	29K-354.08	Hà Nội	7196	28C-123.59	Hòa Bình			
5597	29K-354.65	Hà Nội	7197	28C-123.85	Hòa Bình			
5598	29K-358.15	Hà Nội	7198	28D-013.38	Hòa Bình			
5599	29K-358.83	Hà Nội	7199	29B-660.98	Hà Nội			
5600	29K-360.95	Hà Nội	7200	29D-639.35	Hà Nội			
5601	29K-364.83	Hà Nội	7201	29K-326.16	Hà Nội			
5602	29K-364.98	Hà Nội	7202	29K-327.29	Hà Nội			
5603	29K-366.15	Hà Nội	7203	29K-328.95	Hà Nội			
5604	29K-370.06	Hà Nội	7204	29K-329.18	Hà Nội			
5605	29K-372.26	Hà Nội	7205	29K-332.08	Hà Nội			
5606	29K-376.25	Hà Nội	7206	29K-335.09	Hà Nội			
5607	29K-380.56	Hà Nội	7207	29K-335.15	Hà Nội			
5608	29K-381.29	Hà Nội	7208	29K-336.96	Hà Nội			
5609	29K-385.09	Hà Nội	7209	29K-348.83	Hà Nội			
5610	29K-394.09	Hà Nội	7210	29K-352.19	Hà Nội			
5611	29K-396.95	Hà Nội	7211	29K-352.65	Hà Nội			
5612	29K-402.15	Hà Nội	7212	29K-359.36	Hà Nội			
5613	29K-403.58	Hà Nội	7213	29K-361.56	Hà Nội			
5614	29K-407.25	Hà Nội	7214	29K-361.65	Hà Nội			
5615	29K-411.98	Hà Nội	7215	29K-362.25	Hà Nội			
5616	29K-413.63	Hà Nội	7216	29K-366.06	Hà Nội			
5617	29K-417.28	Hà Nội	7217	29K-366.59	Hà Nội			
5618	29K-427.06	Hà Nội	7218	29K-370.15	Hà Nội			
5619	29K-434.29	Hà Nội	7219	29K-373.38	Hà Nội			
5620	29K-445.58	Hà Nội	7220	29K-380.65	Hà Nội			

47
NG T
U G
P DA
T N
UÂN

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5621	29K-446.98	Hà Nội	7221	29K-386.18	Hà Nội			
5622	29K-447.18	Hà Nội	7222	29K-392.26	Hà Nội			
5623	29K-449.26	Hà Nội	7223	29K-401.83	Hà Nội			
5624	29K-456.16	Hà Nội	7224	29K-403.26	Hà Nội			
5625	29K-457.98	Hà Nội	7225	29K-422.28	Hà Nội			
5626	29K-460.38	Hà Nội	7226	29K-422.63	Hà Nội			
5627	29K-462.15	Hà Nội	7227	29K-424.08	Hà Nội			
5628	29K-465.98	Hà Nội	7228	29K-424.29	Hà Nội			
5629	29K-468.09	Hà Nội	7229	29K-428.96	Hà Nội			
5630	29K-470.25	Hà Nội	7230	29K-429.08	Hà Nội			
5631	29K-470.56	Hà Nội	7231	29K-436.96	Hà Nội			
5632	30M-035.25	Hà Nội	7232	29K-438.09	Hà Nội			
5633	30M-037.28	Hà Nội	7233	29K-439.26	Hà Nội			
5634	30M-037.58	Hà Nội	7234	29K-445.35	Hà Nội			
5635	30M-039.09	Hà Nội	7235	29K-448.63	Hà Nội			
5636	30M-041.15	Hà Nội	7236	29K-449.16	Hà Nội			
5637	30M-044.96	Hà Nội	7237	29K-451.56	Hà Nội			
5638	30M-046.25	Hà Nội	7238	29K-456.98	Hà Nội			
5639	30M-051.98	Hà Nội	7239	29K-465.59	Hà Nội			
5640	30M-053.25	Hà Nội	7240	29K-470.19	Hà Nội			
5641	30M-053.63	Hà Nội	7241	29K-471.96	Hà Nội			
5642	30M-057.98	Hà Nội	7242	29K-473.08	Hà Nội			
5643	30M-064.38	Hà Nội	7243	30M-034.18	Hà Nội			
5644	30M-068.56	Hà Nội	7244	30M-034.98	Hà Nội			
5645	30M-069.36	Hà Nội	7245	30M-036.18	Hà Nội			
5646	30M-071.56	Hà Nội	7246	30M-043.65	Hà Nội			
5647	30M-075.16	Hà Nội	7247	30M-045.19	Hà Nội			
5648	30M-076.16	Hà Nội	7248	30M-047.83	Hà Nội			
5649	30M-077.35	Hà Nội	7249	30M-057.56	Hà Nội			
5650	30M-084.36	Hà Nội	7250	30M-060.19	Hà Nội			
5651	30M-091.56	Hà Nội	7251	30M-061.83	Hà Nội			
5652	30M-095.25	Hà Nội	7252	30M-063.19	Hà Nội			
5653	30M-098.83	Hà Nội	7253	30M-070.35	Hà Nội			
5654	30M-100.08	Hà Nội	7254	30M-084.58	Hà Nội			
5655	30M-119.36	Hà Nội	7255	30M-085.98	Hà Nội			
5656	30M-125.19	Hà Nội	7256	30M-091.08	Hà Nội			
5657	30M-131.95	Hà Nội	7257	30M-091.85	Hà Nội			
5658	30M-134.28	Hà Nội	7258	30M-098.08	Hà Nội			
5659	30M-162.18	Hà Nội	7259	30M-098.85	Hà Nội			
5660	30M-165.38	Hà Nội	7260	30M-100.56	Hà Nội			
5661	30M-165.98	Hà Nội	7261	30M-103.28	Hà Nội			



Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5662	30M-166.25	Hà Nội	7262	30M-104.98	Hà Nội			
5663	30M-176.58	Hà Nội	7263	30M-105.59	Hà Nội			
5664	30M-176.96	Hà Nội	7264	30M-108.56	Hà Nội			
5665	30M-182.56	Hà Nội	7265	30M-125.96	Hà Nội			
5666	30M-188.56	Hà Nội	7266	30M-137.29	Hà Nội			
5667	30M-188.83	Hà Nội	7267	30M-139.95	Hà Nội			
5668	30M-192.16	Hà Nội	7268	30M-140.18	Hà Nội			
5669	30M-199.85	Hà Nội	7269	30M-140.65	Hà Nội			
5670	30M-200.25	Hà Nội	7270	30M-150.38	Hà Nội			
5671	30M-201.15	Hà Nội	7271	30M-150.65	Hà Nội			
5672	30M-208.15	Hà Nội	7272	30M-153.56	Hà Nội			
5673	30M-208.85	Hà Nội	7273	30M-154.06	Hà Nội			
5674	30M-213.35	Hà Nội	7274	30M-156.29	Hà Nội			
5675	30M-216.28	Hà Nội	7275	30M-167.15	Hà Nội			
5676	30M-225.08	Hà Nội	7276	30M-167.26	Hà Nội			
5677	30M-230.26	Hà Nội	7277	30M-170.16	Hà Nội			
5678	30M-237.95	Hà Nội	7278	30M-181.28	Hà Nội			
5679	30M-243.36	Hà Nội	7279	30M-186.08	Hà Nội			
5680	30M-245.59	Hà Nội	7280	30M-188.38	Hà Nội			
5681	30M-248.19	Hà Nội	7281	30M-196.28	Hà Nội			
5682	30M-250.96	Hà Nội	7282	30M-198.06	Hà Nội			
5683	30M-259.26	Hà Nội	7283	30M-201.19	Hà Nội			
5684	30M-262.59	Hà Nội	7284	30M-214.56	Hà Nội			
5685	30M-264.09	Hà Nội	7285	30M-215.59	Hà Nội			
5686	30M-264.25	Hà Nội	7286	30M-215.65	Hà Nội			
5687	30M-264.98	Hà Nội	7287	30M-216.29	Hà Nội			
5688	30M-265.38	Hà Nội	7288	30M-223.09	Hà Nội			
5689	30M-267.65	Hà Nội	7289	30M-228.16	Hà Nội			
5690	30M-268.58	Hà Nội	7290	30M-243.98	Hà Nội			
5691	30M-274.16	Hà Nội	7291	30M-251.38	Hà Nội			
5692	30M-278.26	Hà Nội	7292	30M-253.65	Hà Nội			
5693	30M-292.19	Hà Nội	7293	30M-255.26	Hà Nội			
5694	30M-297.38	Hà Nội	7294	30M-258.56	Hà Nội			
5695	30M-307.83	Hà Nội	7295	30M-259.85	Hà Nội			
5696	30M-312.29	Hà Nội	7296	30M-265.85	Hà Nội			
5697	30M-320.36	Hà Nội	7297	30M-276.38	Hà Nội			
5698	30M-321.56	Hà Nội	7298	30M-279.19	Hà Nội			
5699	30M-332.18	Hà Nội	7299	30M-279.36	Hà Nội			
5700	30M-334.26	Hà Nội	7300	30M-281.58	Hà Nội			
5701	30M-336.96	Hà Nội	7301	30M-299.18	Hà Nội			
5702	30M-339.83	Hà Nội	7302	30M-301.58	Hà Nội			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5703	30M-342.08	Hà Nội	7303	30M-302.36	Hà Nội			
5704	30M-342.28	Hà Nội	7304	30M-303.08	Hà Nội			
5705	30M-344.16	Hà Nội	7305	30M-304.08	Hà Nội			
5706	30M-344.35	Hà Nội	7306	30M-305.58	Hà Nội			
5707	30M-345.38	Hà Nội	7307	30M-306.65	Hà Nội			
5708	30M-347.59	Hà Nội	7308	30M-313.08	Hà Nội			
5709	30M-352.83	Hà Nội	7309	30M-315.06	Hà Nội			
5710	30M-358.29	Hà Nội	7310	30M-315.58	Hà Nội			
5711	30M-366.18	Hà Nội	7311	30M-325.96	Hà Nội			
5712	30M-369.28	Hà Nội	7312	30M-328.35	Hà Nội			
5713	30M-370.18	Hà Nội	7313	30M-342.65	Hà Nội			
5714	30M-374.09	Hà Nội	7314	30M-346.58	Hà Nội			
5715	30M-376.38	Hà Nội	7315	30M-348.16	Hà Nội			
5716	30M-377.95	Hà Nội	7316	30M-352.19	Hà Nội			
5717	30M-395.29	Hà Nội	7317	30M-359.28	Hà Nội			
5718	30M-399.26	Hà Nội	7318	30M-362.16	Hà Nội			
5719	30M-401.38	Hà Nội	7319	30M-362.65	Hà Nội			
5720	30M-403.18	Hà Nội	7320	30M-368.85	Hà Nội			
5721	30M-412.16	Hà Nội	7321	30M-369.09	Hà Nội			
5722	30M-412.95	Hà Nội	7322	30M-369.85	Hà Nội			
5723	30M-417.38	Hà Nội	7323	30M-382.09	Hà Nội			
5724	34A-923.06	Hải Dương	7324	30M-382.29	Hà Nội			
5725	34A-930.25	Hải Dương	7325	30M-394.09	Hà Nội			
5726	34A-938.18	Hải Dương	7326	30M-395.18	Hà Nội			
5727	34A-940.65	Hải Dương	7327	30M-397.58	Hà Nội			
5728	34A-942.35	Hải Dương	7328	30M-403.16	Hà Nội			
5729	34A-945.36	Hải Dương	7329	30M-415.96	Hà Nội			
5730	34A-945.96	Hải Dương	7330	34A-921.09	Hải Dương			
5731	34A-948.56	Hải Dương	7331	34A-925.15	Hải Dương			
5732	34A-949.16	Hải Dương	7332	34A-927.35	Hải Dương			
5733	34A-950.19	Hải Dương	7333	34A-948.26	Hải Dương			
5734	34A-950.96	Hải Dương	7334	34A-951.16	Hải Dương			
5735	34A-956.35	Hải Dương	7335	34A-952.63	Hải Dương			
5736	34A-969.83	Hải Dương	7336	34A-953.98	Hải Dương			
5737	34A-975.16	Hải Dương	7337	34A-959.35	Hải Dương			
5738	34A-976.09	Hải Dương	7338	34A-970.25	Hải Dương			
5739	34B-046.29	Hải Dương	7339	34A-970.28	Hải Dương			
5740	34C-440.28	Hải Dương	7340	34A-976.96	Hải Dương			
5741	34C-440.83	Hải Dương	7341	34B-043.65	Hải Dương			
5742	34C-441.36	Hải Dương	7342	34B-045.96	Hải Dương			
5743	34C-445.26	Hải Dương	7343	34B-047.06	Hải Dương			

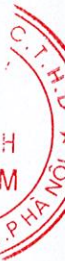
Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5744	34C-453.19	Hải Dương	7344	34C-441.56	Hải Dương			
5745	35A-464.95	Ninh Bình	7345	34C-449.59	Hải Dương			
5746	35A-468.08	Ninh Bình	7346	34C-450.29	Hải Dương			
5747	35A-469.63	Ninh Bình	7347	34C-450.65	Hải Dương			
5748	35A-470.85	Ninh Bình	7348	35A-471.56	Ninh Bình			
5749	35A-477.38	Ninh Bình	7349	35A-471.59	Ninh Bình			
5750	35A-479.18	Ninh Bình	7350	35A-472.08	Ninh Bình			
5751	35A-479.98	Ninh Bình	7351	35A-472.58	Ninh Bình			
5752	35A-483.06	Ninh Bình	7352	35A-476.58	Ninh Bình			
5753	35B-024.15	Ninh Bình	7353	35A-478.38	Ninh Bình			
5754	35B-026.35	Ninh Bình	7354	35A-479.26	Ninh Bình			
5755	35C-184.36	Ninh Bình	7355	35C-180.15	Ninh Bình			
5756	35D-016.58	Ninh Bình	7356	35D-017.16	Ninh Bình			
5757	36B-047.26	Thanh Hóa	7357	35D-017.65	Ninh Bình			
5758	36B-048.35	Thanh Hóa	7358	35D-019.35	Ninh Bình			
5759	36C-548.08	Thanh Hóa	7359	36B-048.95	Thanh Hóa			
5760	36C-560.26	Thanh Hóa	7360	36C-551.56	Thanh Hóa			
5761	36C-563.18	Thanh Hóa	7361	36C-557.18	Thanh Hóa			
5762	36C-566.26	Thanh Hóa	7362	36C-558.98	Thanh Hóa			
5763	36C-572.09	Thanh Hóa	7363	36C-567.59	Thanh Hóa			
5764	36C-579.36	Thanh Hóa	7364	36C-571.65	Thanh Hóa			
5765	36D-030.08	Thanh Hóa	7365	36C-573.96	Thanh Hóa			
5766	36D-031.16	Thanh Hóa	7366	36C-577.16	Thanh Hóa			
5767	36K-231.98	Thanh Hóa	7367	36C-579.29	Thanh Hóa			
5768	36K-232.59	Thanh Hóa	7368	36D-031.65	Thanh Hóa			
5769	36K-233.06	Thanh Hóa	7369	36D-033.35	Thanh Hóa			
5770	36K-235.26	Thanh Hóa	7370	36K-230.36	Thanh Hóa			
5771	36K-236.95	Thanh Hóa	7371	36K-230.96	Thanh Hóa			
5772	36K-237.18	Thanh Hóa	7372	36K-231.29	Thanh Hóa			
5773	36K-237.65	Thanh Hóa	7373	36K-231.36	Thanh Hóa			
5774	36K-239.08	Thanh Hóa	7374	36K-232.09	Thanh Hóa			
5775	36K-239.09	Thanh Hóa	7375	36K-233.15	Thanh Hóa			
5776	36K-240.83	Thanh Hóa	7376	36K-234.98	Thanh Hóa			
5777	36K-245.26	Thanh Hóa	7377	36K-236.08	Thanh Hóa			
5778	36K-248.06	Thanh Hóa	7378	36K-237.36	Thanh Hóa			
5779	36K-252.83	Thanh Hóa	7379	36K-238.35	Thanh Hóa			
5780	36K-256.28	Thanh Hóa	7380	36K-239.25	Thanh Hóa			
5781	36K-258.08	Thanh Hóa	7381	36K-242.16	Thanh Hóa			
5782	36K-261.08	Thanh Hóa	7382	36K-248.16	Thanh Hóa			
5783	36K-262.59	Thanh Hóa	7383	36K-250.63	Thanh Hóa			
5784	36K-273.83	Thanh Hóa	7384	36K-253.18	Thanh Hóa			

3: 41
 ÔNG T
 ĐẦU GI
 ỢP DAI
 IỆT N
 XUÂN

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5785	36K-286.19	Thanh Hóa	7385	36K-261.35	Thanh Hóa			
5786	36K-292.95	Thanh Hóa	7386	36K-263.96	Thanh Hóa			
5787	36K-299.83	Thanh Hóa	7387	36K-266.15	Thanh Hóa			
5788	36K-301.56	Thanh Hóa	7388	36K-267.15	Thanh Hóa			
5789	37C-568.83	Nghệ An	7389	36K-270.19	Thanh Hóa			
5790	37C-569.09	Nghệ An	7390	36K-272.08	Thanh Hóa			
5791	37C-569.29	Nghệ An	7391	36K-273.26	Thanh Hóa			
5792	37C-575.25	Nghệ An	7392	36K-288.26	Thanh Hóa			
5793	37C-577.16	Nghệ An	7393	36K-289.26	Thanh Hóa			
5794	37C-577.26	Nghệ An	7394	36K-292.98	Thanh Hóa			
5795	37C-585.15	Nghệ An	7395	36K-293.26	Thanh Hóa			
5796	37C-587.28	Nghệ An	7396	36K-294.36	Thanh Hóa			
5797	37C-590.25	Nghệ An	7397	36K-297.35	Thanh Hóa			
5798	37D-050.09	Nghệ An	7398	36K-301.63	Thanh Hóa			
5799	37K-484.09	Nghệ An	7399	36K-304.59	Thanh Hóa			
5800	37K-485.19	Nghệ An	7400	37B-049.58	Nghệ An			
5801	37K-485.98	Nghệ An	7401	37C-569.16	Nghệ An			
5802	37K-488.38	Nghệ An	7402	37C-573.36	Nghệ An			
5803	37K-494.08	Nghệ An	7403	37C-577.85	Nghệ An			
5804	37K-496.29	Nghệ An	7404	37C-578.16	Nghệ An			
5805	37K-498.25	Nghệ An	7405	37C-582.06	Nghệ An			
5806	37K-500.25	Nghệ An	7406	37C-584.09	Nghệ An			
5807	37K-505.36	Nghệ An	7407	37C-584.29	Nghệ An			
5808	37K-515.29	Nghệ An	7408	37C-586.25	Nghệ An			
5809	37K-518.28	Nghệ An	7409	37C-587.06	Nghệ An			
5810	37K-527.83	Nghệ An	7410	37C-588.36	Nghệ An			
5811	37K-532.09	Nghệ An	7411	37C-591.29	Nghệ An			
5812	37K-533.15	Nghệ An	7412	37D-048.95	Nghệ An			
5813	37K-534.59	Nghệ An	7413	37K-497.09	Nghệ An			
5814	37K-536.83	Nghệ An	7414	37K-498.15	Nghệ An			
5815	37K-538.29	Nghệ An	7415	37K-507.58	Nghệ An			
5816	37K-539.95	Nghệ An	7416	37K-511.58	Nghệ An			
5817	37K-548.58	Nghệ An	7417	37K-516.08	Nghệ An			
5818	37K-552.26	Nghệ An	7418	37K-517.36	Nghệ An			
5819	37K-553.25	Nghệ An	7419	37K-527.29	Nghệ An			
5820	37K-558.08	Nghệ An	7420	37K-532.16	Nghệ An			
5821	37K-562.95	Nghệ An	7421	37K-535.06	Nghệ An			
5822	37K-563.08	Nghệ An	7422	37K-536.25	Nghệ An			
5823	37K-564.63	Nghệ An	7423	37K-544.83	Nghệ An			
5824	37K-565.58	Nghệ An	7424	37K-548.65	Nghệ An			
5825	37K-568.25	Nghệ An	7425	37K-554.35	Nghệ An			



Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5826	37K-575.18	Nghệ An	7426	37K-554.38	Nghệ An			
5827	37K-575.36	Nghệ An	7427	37K-563.15	Nghệ An			
5828	38A-691.85	Hà Tĩnh	7428	37K-563.83	Nghệ An			
5829	38A-696.38	Hà Tĩnh	7429	37K-567.18	Nghệ An			
5830	38A-698.56	Hà Tĩnh	7430	37K-572.28	Nghệ An			
5831	38A-702.28	Hà Tĩnh	7431	38A-682.08	Hà Tĩnh			
5832	38A-704.06	Hà Tĩnh	7432	38A-682.29	Hà Tĩnh			
5833	38A-708.56	Hà Tĩnh	7433	38A-686.63	Hà Tĩnh			
5834	38A-710.19	Hà Tĩnh	7434	38A-687.85	Hà Tĩnh			
5835	38C-244.98	Hà Tĩnh	7435	38A-700.58	Hà Tĩnh			
5836	38C-246.06	Hà Tĩnh	7436	38A-705.28	Hà Tĩnh			
5837	38C-247.58	Hà Tĩnh	7437	38C-244.08	Hà Tĩnh			
5838	38C-248.35	Hà Tĩnh	7438	38C-251.29	Hà Tĩnh			
5839	38D-023.58	Hà Tĩnh	7439	38D-020.18	Hà Tĩnh			
5840	43A-944.18	Đà Nẵng	7440	43A-946.38	Đà Nẵng			
5841	43A-945.08	Đà Nẵng	7441	43A-947.08	Đà Nẵng			
5842	43A-945.19	Đà Nẵng	7442	43A-950.63	Đà Nẵng			
5843	43A-945.63	Đà Nẵng	7443	43A-951.58	Đà Nẵng			
5844	43A-946.18	Đà Nẵng	7444	43A-956.36	Đà Nẵng			
5845	43A-950.58	Đà Nẵng	7445	43A-962.58	Đà Nẵng			
5846	43A-976.26	Đà Nẵng	7446	43A-966.18	Đà Nẵng			
5847	43A-976.98	Đà Nẵng	7447	43A-968.18	Đà Nẵng			
5848	43B-065.16	Đà Nẵng	7448	43A-973.65	Đà Nẵng			
5849	43C-321.29	Đà Nẵng	7449	43A-979.83	Đà Nẵng			
5850	43C-321.63	Đà Nẵng	7450	43B-066.85	Đà Nẵng			
5851	43C-323.85	Đà Nẵng	7451	43C-316.26	Đà Nẵng			
5852	43D-013.19	Đà Nẵng	7452	43C-317.29	Đà Nẵng			
5853	43D-013.96	Đà Nẵng	7453	43C-318.65	Đà Nẵng			
5854	47A-817.25	Đắk Lắk	7454	43D-015.85	Đà Nẵng			
5855	47A-817.35	Đắk Lắk	7455	47A-814.19	Đắk Lắk			
5856	47A-820.09	Đắk Lắk	7456	47A-814.29	Đắk Lắk			
5857	47A-829.38	Đắk Lắk	7457	47A-815.06	Đắk Lắk			
5858	47A-836.65	Đắk Lắk	7458	47A-816.58	Đắk Lắk			
5859	47A-845.18	Đắk Lắk	7459	47A-823.56	Đắk Lắk			
5860	47A-845.25	Đắk Lắk	7460	47A-845.96	Đắk Lắk			
5861	47A-845.36	Đắk Lắk	7461	47A-847.58	Đắk Lắk			
5862	47A-853.19	Đắk Lắk	7462	47A-853.16	Đắk Lắk			
5863	47A-862.96	Đắk Lắk	7463	47A-854.26	Đắk Lắk			
5864	47A-863.65	Đắk Lắk	7464	47A-860.98	Đắk Lắk			
5865	47B-044.38	Đắk Lắk	7465	47B-045.83	Đắk Lắk			
5866	47C-400.38	Đắk Lắk	7466	47C-399.59	Đắk Lắk			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5867	47C-401.16	Đắk Lắk	7467	47C-403.28	Đắk Lắk			
5868	47C-401.58	Đắk Lắk	7468	47C-405.19	Đắk Lắk			
5869	47C-407.83	Đắk Lắk	7469	47C-408.06	Đắk Lắk			
5870	47C-407.98	Đắk Lắk	7470	47C-410.29	Đắk Lắk			
5871	47C-411.25	Đắk Lắk	7471	47C-411.09	Đắk Lắk			
5872	47C-413.56	Đắk Lắk	7472	47C-413.38	Đắk Lắk			
5873	47C-416.26	Đắk Lắk	7473	47C-414.98	Đắk Lắk			
5874	47C-416.38	Đắk Lắk	7474	47C-416.83	Đắk Lắk			
5875	47C-418.35	Đắk Lắk	7475	47C-418.63	Đắk Lắk			
5876	47C-419.09	Đắk Lắk	7476	47D-018.98	Đắk Lắk			
5877	47C-420.35	Đắk Lắk	7477	47D-020.58	Đắk Lắk			
5878	47C-420.38	Đắk Lắk	7478	47D-021.15	Đắk Lắk			
5879	47C-420.83	Đắk Lắk	7479	48A-251.19	Đắk Nông			
5880	47D-020.65	Đắk Lắk	7480	48B-013.36	Đắk Nông			
5881	47D-021.95	Đắk Lắk	7481	48C-117.25	Đắk Nông			
5882	48A-257.18	Đắk Nông	7482	49A-751.98	Lâm Đồng			
5883	48A-258.65	Đắk Nông	7483	49A-760.35	Lâm Đồng			
5884	48A-260.18	Đắk Nông	7484	49A-764.15	Lâm Đồng			
5885	48B-013.18	Đắk Nông	7485	49A-771.29	Lâm Đồng			
5886	48B-015.95	Đắk Nông	7486	49A-778.63	Lâm Đồng			
5887	48C-127.63	Đắk Nông	7487	49A-781.59	Lâm Đồng			
5888	48D-006.08	Đắk Nông	7488	49B-033.19	Lâm Đồng			
5889	49A-751.09	Lâm Đồng	7489	49B-034.95	Lâm Đồng			
5890	49A-754.56	Lâm Đồng	7490	49C-386.36	Lâm Đồng			
5891	49A-760.85	Lâm Đồng	7491	49C-391.18	Lâm Đồng			
5892	49A-762.19	Lâm Đồng	7492	49C-391.83	Lâm Đồng			
5893	49A-762.83	Lâm Đồng	7493	49C-399.19	Lâm Đồng			
5894	49A-765.25	Lâm Đồng	7494	51E-342.19	Hồ Chí Minh			
5895	49A-771.65	Lâm Đồng	7495	51E-349.26	Hồ Chí Minh			
5896	49A-774.96	Lâm Đồng	7496	51L-897.36	Hồ Chí Minh			
5897	49A-781.35	Lâm Đồng	7497	51L-899.28	Hồ Chí Minh			
5898	49C-384.18	Lâm Đồng	7498	51L-901.36	Hồ Chí Minh			
5899	49C-386.26	Lâm Đồng	7499	51L-905.58	Hồ Chí Minh			
5900	49C-387.25	Lâm Đồng	7500	51L-917.28	Hồ Chí Minh			
5901	49C-390.56	Lâm Đồng	7501	51L-918.98	Hồ Chí Minh			
5902	49C-396.15	Lâm Đồng	7502	51L-924.06	Hồ Chí Minh			
5903	49C-398.15	Lâm Đồng	7503	51L-927.38	Hồ Chí Minh			
5904	49C-399.85	Lâm Đồng	7504	51L-932.29	Hồ Chí Minh			
5905	51B-712.85	Hồ Chí Minh	7505	51L-954.25	Hồ Chí Minh			
5906	51E-340.59	Hồ Chí Minh	7506	51L-961.35	Hồ Chí Minh			
5907	51E-340.65	Hồ Chí Minh	7507	51L-962.36	Hồ Chí Minh			



Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5908	51E-347.28	Hồ Chí Minh	7508	51L-964.38	Hồ Chí Minh			
5909	51E-349.06	Hồ Chí Minh	7509	51L-970.56	Hồ Chí Minh			
5910	51E-353.38	Hồ Chí Minh	7510	51L-973.83	Hồ Chí Minh			
5911	51E-354.58	Hồ Chí Minh	7511	51L-976.15	Hồ Chí Minh			
5912	51L-896.95	Hồ Chí Minh	7512	51L-976.29	Hồ Chí Minh			
5913	51L-897.59	Hồ Chí Minh	7513	51L-978.85	Hồ Chí Minh			
5914	51L-908.59	Hồ Chí Minh	7514	51L-980.09	Hồ Chí Minh			
5915	51L-911.98	Hồ Chí Minh	7515	51L-982.65	Hồ Chí Minh			
5916	51L-914.56	Hồ Chí Minh	7516	51L-983.63	Hồ Chí Minh			
5917	51L-918.63	Hồ Chí Minh	7517	51L-989.38	Hồ Chí Minh			
5918	51L-924.65	Hồ Chí Minh	7518	51L-991.25	Hồ Chí Minh			
5919	51L-926.83	Hồ Chí Minh	7519	51L-991.85	Hồ Chí Minh			
5920	51L-930.16	Hồ Chí Minh	7520	51L-997.19	Hồ Chí Minh			
5921	51L-952.06	Hồ Chí Minh	7521	51M-055.98	Hồ Chí Minh			
5922	51L-958.08	Hồ Chí Minh	7522	51M-063.08	Hồ Chí Minh			
5923	51L-960.38	Hồ Chí Minh	7523	51M-063.16	Hồ Chí Minh			
5924	51L-963.56	Hồ Chí Minh	7524	51M-064.28	Hồ Chí Minh			
5925	51L-964.06	Hồ Chí Minh	7525	51M-065.25	Hồ Chí Minh			
5926	51L-964.25	Hồ Chí Minh	7526	51M-068.58	Hồ Chí Minh			
5927	51L-965.16	Hồ Chí Minh	7527	51M-071.06	Hồ Chí Minh			
5928	51L-967.85	Hồ Chí Minh	7528	51M-075.19	Hồ Chí Minh			
5929	51L-975.65	Hồ Chí Minh	7529	51M-082.26	Hồ Chí Minh			
5930	51L-977.16	Hồ Chí Minh	7530	51M-082.98	Hồ Chí Minh			
5931	51L-977.19	Hồ Chí Minh	7531	51M-088.26	Hồ Chí Minh			
5932	51L-985.28	Hồ Chí Minh	7532	51M-088.96	Hồ Chí Minh			
5933	51L-985.29	Hồ Chí Minh	7533	51M-099.15	Hồ Chí Minh			
5934	51L-987.19	Hồ Chí Minh	7534	51M-099.56	Hồ Chí Minh			
5935	51L-995.58	Hồ Chí Minh	7535	51M-101.18	Hồ Chí Minh			
5936	51L-996.36	Hồ Chí Minh	7536	51M-101.35	Hồ Chí Minh			
5937	51L-997.58	Hồ Chí Minh	7537	51M-106.63	Hồ Chí Minh			
5938	51M-052.98	Hồ Chí Minh	7538	51M-108.56	Hồ Chí Minh			
5939	51M-055.26	Hồ Chí Minh	7539	51M-109.65	Hồ Chí Minh			
5940	51M-062.16	Hồ Chí Minh	7540	51M-111.83	Hồ Chí Minh			
5941	51M-063.35	Hồ Chí Minh	7541	51M-111.98	Hồ Chí Minh			
5942	51M-066.09	Hồ Chí Minh	7542	51M-118.26	Hồ Chí Minh			
5943	51M-067.15	Hồ Chí Minh	7543	51M-119.29	Hồ Chí Minh			
5944	51M-067.18	Hồ Chí Minh	7544	51M-121.85	Hồ Chí Minh			
5945	51M-068.59	Hồ Chí Minh	7545	51M-123.36	Hồ Chí Minh			
5946	51M-076.19	Hồ Chí Minh	7546	51M-125.15	Hồ Chí Minh			
5947	51M-077.58	Hồ Chí Minh	7547	51M-127.25	Hồ Chí Minh			
5948	51M-077.98	Hồ Chí Minh	7548	51M-129.59	Hồ Chí Minh			

Đ
 CỘNG
 ĐÃ
 HỢP
 VIỆT
 H X U

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5949	51M-078.18	Hồ Chí Minh	7549	51M-132.19	Hồ Chí Minh			
5950	51M-079.28	Hồ Chí Minh	7550	51M-133.63	Hồ Chí Minh			
5951	51M-082.16	Hồ Chí Minh	7551	51M-135.26	Hồ Chí Minh			
5952	51M-088.36	Hồ Chí Minh	7552	51M-140.36	Hồ Chí Minh			
5953	51M-088.56	Hồ Chí Minh	7553	51M-145.25	Hồ Chí Minh			
5954	51M-089.59	Hồ Chí Minh	7554	51M-149.98	Hồ Chí Minh			
5955	51M-095.28	Hồ Chí Minh	7555	51M-153.09	Hồ Chí Minh			
5956	51M-099.06	Hồ Chí Minh	7556	51M-153.65	Hồ Chí Minh			
5957	51M-100.36	Hồ Chí Minh	7557	51M-155.38	Hồ Chí Minh			
5958	51M-101.98	Hồ Chí Minh	7558	51M-157.35	Hồ Chí Minh			
5959	51M-113.25	Hồ Chí Minh	7559	51M-163.59	Hồ Chí Minh			
5960	51M-115.08	Hồ Chí Minh	7560	51M-165.63	Hồ Chí Minh			
5961	51M-118.29	Hồ Chí Minh	7561	51M-171.19	Hồ Chí Minh			
5962	51M-119.63	Hồ Chí Minh	7562	51M-177.06	Hồ Chí Minh			
5963	51M-134.96	Hồ Chí Minh	7563	51M-180.35	Hồ Chí Minh			
5964	51M-137.63	Hồ Chí Minh	7564	51M-184.98	Hồ Chí Minh			
5965	51M-139.28	Hồ Chí Minh	7565	51M-186.16	Hồ Chí Minh			
5966	51M-149.06	Hồ Chí Minh	7566	51M-187.26	Hồ Chí Minh			
5967	51M-163.95	Hồ Chí Minh	7567	51M-190.26	Hồ Chí Minh			
5968	51M-166.28	Hồ Chí Minh	7568	51M-192.08	Hồ Chí Minh			
5969	51M-167.19	Hồ Chí Minh	7569	51M-197.65	Hồ Chí Minh			
5970	51M-174.83	Hồ Chí Minh	7570	51M-201.08	Hồ Chí Minh			
5971	51M-177.63	Hồ Chí Minh	7571	51M-203.16	Hồ Chí Minh			
5972	51M-180.98	Hồ Chí Minh	7572	51M-203.36	Hồ Chí Minh			
5973	51M-184.58	Hồ Chí Minh	7573	51M-204.98	Hồ Chí Minh			
5974	51M-185.98	Hồ Chí Minh	7574	51M-208.83	Hồ Chí Minh			
5975	51M-187.25	Hồ Chí Minh	7575	51M-209.29	Hồ Chí Minh			
5976	51M-187.36	Hồ Chí Minh	7576	51M-210.98	Hồ Chí Minh			
5977	51M-195.83	Hồ Chí Minh	7577	51M-219.08	Hồ Chí Minh			
5978	51M-195.85	Hồ Chí Minh	7578	51M-226.36	Hồ Chí Minh			
5979	51M-204.06	Hồ Chí Minh	7579	51M-227.35	Hồ Chí Minh			
5980	51M-204.59	Hồ Chí Minh	7580	51M-227.85	Hồ Chí Minh			
5981	51M-207.29	Hồ Chí Minh	7581	51M-230.28	Hồ Chí Minh			
5982	51M-213.63	Hồ Chí Minh	7582	51M-242.98	Hồ Chí Minh			
5983	51M-216.65	Hồ Chí Minh	7583	51M-248.29	Hồ Chí Minh			
5984	51M-219.59	Hồ Chí Minh	7584	51M-250.58	Hồ Chí Minh			
5985	51M-229.56	Hồ Chí Minh	7585	51M-251.38	Hồ Chí Minh			
5986	51M-238.56	Hồ Chí Minh	7586	51M-251.85	Hồ Chí Minh			
5987	51M-241.18	Hồ Chí Minh	7587	51M-255.83	Hồ Chí Minh			
5988	51M-242.58	Hồ Chí Minh	7588	51M-268.95	Hồ Chí Minh			
5989	51M-243.59	Hồ Chí Minh	7589	51M-269.15	Hồ Chí Minh			

1 - C
TY
GIÁ
ANH
NAM
v - T.P.

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5990	51M-260.25	Hồ Chí Minh	7590	51M-272.08	Hồ Chí Minh			
5991	51M-267.36	Hồ Chí Minh	7591	51M-272.63	Hồ Chí Minh			
5992	51M-268.58	Hồ Chí Minh	7592	51M-277.09	Hồ Chí Minh			
5993	51M-274.35	Hồ Chí Minh	7593	51M-280.56	Hồ Chí Minh			
5994	51M-276.26	Hồ Chí Minh	7594	51M-281.09	Hồ Chí Minh			
5995	51M-278.35	Hồ Chí Minh	7595	51M-288.26	Hồ Chí Minh			
5996	51M-281.59	Hồ Chí Minh	7596	51M-292.19	Hồ Chí Minh			
5997	51M-293.58	Hồ Chí Minh	7597	51M-303.85	Hồ Chí Minh			
5998	51M-304.36	Hồ Chí Minh	7598	51M-306.09	Hồ Chí Minh			
5999	51M-304.56	Hồ Chí Minh	7599	51M-309.08	Hồ Chí Minh			
6000	51M-310.35	Hồ Chí Minh	7600	51M-310.63	Hồ Chí Minh			
6001	51N-001.35	Hồ Chí Minh	7601	51N-005.65	Hồ Chí Minh			
6002	51N-006.38	Hồ Chí Minh	7602	51N-006.15	Hồ Chí Minh			
6003	51N-017.16	Hồ Chí Minh	7603	51N-008.38	Hồ Chí Minh			
6004	51N-019.18	Hồ Chí Minh	7604	51N-021.18	Hồ Chí Minh			
6005	51N-024.28	Hồ Chí Minh	7605	51N-026.65	Hồ Chí Minh			
6006	51N-025.15	Hồ Chí Minh	7606	51N-027.19	Hồ Chí Minh			
6007	51N-038.28	Hồ Chí Minh	7607	51N-028.38	Hồ Chí Minh			
6008	51N-043.25	Hồ Chí Minh	7608	51N-029.16	Hồ Chí Minh			
6009	51N-044.56	Hồ Chí Minh	7609	51N-030.25	Hồ Chí Minh			
6010	51N-046.16	Hồ Chí Minh	7610	51N-032.09	Hồ Chí Minh			
6011	51N-050.25	Hồ Chí Minh	7611	51N-035.85	Hồ Chí Minh			
6012	51N-054.36	Hồ Chí Minh	7612	51N-045.19	Hồ Chí Minh			
6013	51N-059.58	Hồ Chí Minh	7613	51N-050.26	Hồ Chí Minh			
6014	51N-060.58	Hồ Chí Minh	7614	51N-054.15	Hồ Chí Minh			
6015	51N-066.56	Hồ Chí Minh	7615	51N-058.06	Hồ Chí Minh			
6016	51N-072.83	Hồ Chí Minh	7616	51N-066.26	Hồ Chí Minh			
6017	51N-076.35	Hồ Chí Minh	7617	51N-067.56	Hồ Chí Minh			
6018	51N-079.65	Hồ Chí Minh	7618	51N-067.85	Hồ Chí Minh			
6019	51N-090.25	Hồ Chí Minh	7619	51N-068.56	Hồ Chí Minh			
6020	51N-092.19	Hồ Chí Minh	7620	51N-072.96	Hồ Chí Minh			
6021	51N-092.28	Hồ Chí Minh	7621	51N-073.19	Hồ Chí Minh			
6022	51N-093.95	Hồ Chí Minh	7622	51N-073.38	Hồ Chí Minh			
6023	51N-102.18	Hồ Chí Minh	7623	51N-077.26	Hồ Chí Minh			
6024	51N-103.85	Hồ Chí Minh	7624	51N-102.15	Hồ Chí Minh			
6025	51N-104.16	Hồ Chí Minh	7625	51N-106.59	Hồ Chí Minh			
6026	51N-105.65	Hồ Chí Minh	7626	51N-113.06	Hồ Chí Minh			
6027	51N-107.19	Hồ Chí Minh	7627	51N-119.18	Hồ Chí Minh			
6028	51N-109.85	Hồ Chí Minh	7628	51N-124.36	Hồ Chí Minh			
6029	51N-114.58	Hồ Chí Minh	7629	51N-129.25	Hồ Chí Minh			
6030	51N-118.95	Hồ Chí Minh	7630	51N-130.35	Hồ Chí Minh			



Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
6031	51N-120.08	Hồ Chí Minh	7631	51N-132.29	Hồ Chí Minh			
6032	51N-120.96	Hồ Chí Minh	7632	51N-137.63	Hồ Chí Minh			
6033	51N-123.59	Hồ Chí Minh	7633	51N-140.26	Hồ Chí Minh			
6034	51N-131.65	Hồ Chí Minh	7634	51N-140.96	Hồ Chí Minh			
6035	51N-137.65	Hồ Chí Minh	7635	51N-142.83	Hồ Chí Minh			
6036	51N-139.83	Hồ Chí Minh	7636	51N-144.29	Hồ Chí Minh			
6037	51N-141.36	Hồ Chí Minh	7637	51N-148.08	Hồ Chí Minh			
6038	51N-144.65	Hồ Chí Minh	7638	51N-150.63	Hồ Chí Minh			
6039	51N-145.58	Hồ Chí Minh	7639	51N-151.95	Hồ Chí Minh			
6040	51N-149.18	Hồ Chí Minh	7640	51N-153.18	Hồ Chí Minh			
6041	51N-153.38	Hồ Chí Minh	7641	60B-081.58	Đồng Nai			
6042	51N-155.25	Hồ Chí Minh	7642	60C-767.83	Đồng Nai			
6043	60B-078.56	Đồng Nai	7643	60C-772.98	Đồng Nai			
6044	60B-079.36	Đồng Nai	7644	60C-778.29	Đồng Nai			
6045	60B-079.59	Đồng Nai	7645	60C-778.98	Đồng Nai			
6046	60C-756.36	Đồng Nai	7646	60C-788.15	Đồng Nai			
6047	60C-757.19	Đồng Nai	7647	60C-791.08	Đồng Nai			
6048	60C-758.56	Đồng Nai	7648	60D-022.25	Đồng Nai			
6049	60C-758.96	Đồng Nai	7649	60D-022.38	Đồng Nai			
6050	60C-759.63	Đồng Nai	7650	60D-023.16	Đồng Nai			
6051	60C-774.06	Đồng Nai	7651	60D-024.95	Đồng Nai			
6052	60C-776.25	Đồng Nai	7652	60D-024.96	Đồng Nai			
6053	60C-787.38	Đồng Nai	7653	60K-627.59	Đồng Nai			
6054	60C-788.63	Đồng Nai	7654	60K-632.18	Đồng Nai			
6055	60K-623.63	Đồng Nai	7655	60K-632.65	Đồng Nai			
6056	60K-635.85	Đồng Nai	7656	60K-633.18	Đồng Nai			
6057	60K-638.35	Đồng Nai	7657	60K-645.56	Đồng Nai			
6058	60K-644.19	Đồng Nai	7658	60K-651.85	Đồng Nai			
6059	60K-645.38	Đồng Nai	7659	60K-675.83	Đồng Nai			
6060	60K-647.25	Đồng Nai	7660	60K-678.38	Đồng Nai			
6061	60K-648.29	Đồng Nai	7661	60K-680.29	Đồng Nai			
6062	60K-651.16	Đồng Nai	7662	60K-683.18	Đồng Nai			
6063	60K-654.18	Đồng Nai	7663	60K-684.56	Đồng Nai			
6064	60K-656.98	Đồng Nai	7664	60K-685.29	Đồng Nai			
6065	60K-661.25	Đồng Nai	7665	60K-690.06	Đồng Nai			
6066	60K-677.16	Đồng Nai	7666	60K-692.85	Đồng Nai			
6067	60K-678.59	Đồng Nai	7667	60K-696.06	Đồng Nai			
6068	60K-684.58	Đồng Nai	7668	61B-045.85	Bình Dương			
6069	60K-687.63	Đồng Nai	7669	61B-047.63	Bình Dương			
6070	60K-693.35	Đồng Nai	7670	61C-616.15	Bình Dương			
6071	60K-694.25	Đồng Nai	7671	61C-625.28	Bình Dương			



Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
6072	60K-697.56	Đồng Nai	7672	61C-626.83	Bình Dương			
6073	60K-699.65	Đồng Nai	7673	61C-634.16	Bình Dương			
6074	60K-699.85	Đồng Nai	7674	61C-638.85	Bình Dương			
6075	61B-047.56	Bình Dương	7675	61D-023.38	Bình Dương			
6076	61B-047.59	Bình Dương	7676	61D-026.19	Bình Dương			
6077	61C-611.28	Bình Dương	7677	61K-522.26	Bình Dương			
6078	61C-611.36	Bình Dương	7678	61K-523.36	Bình Dương			
6079	61C-612.63	Bình Dương	7679	61K-524.18	Bình Dương			
6080	61C-624.18	Bình Dương	7680	61K-524.65	Bình Dương			
6081	61C-632.26	Bình Dương	7681	61K-524.95	Bình Dương			
6082	61C-635.15	Bình Dương	7682	61K-526.29	Bình Dương			
6083	61C-642.65	Bình Dương	7683	61K-527.09	Bình Dương			
6084	61K-528.56	Bình Dương	7684	61K-529.98	Bình Dương			
6085	61K-532.16	Bình Dương	7685	61K-544.18	Bình Dương			
6086	61K-533.15	Bình Dương	7686	61K-549.29	Bình Dương			
6087	61K-536.09	Bình Dương	7687	61K-550.63	Bình Dương			
6088	61K-538.19	Bình Dương	7688	61K-557.06	Bình Dương			
6089	61K-543.38	Bình Dương	7689	61K-572.19	Bình Dương			
6090	61K-544.58	Bình Dương	7690	61K-574.26	Bình Dương			
6091	61K-546.06	Bình Dương	7691	61K-576.58	Bình Dương			
6092	61K-546.26	Bình Dương	7692	61K-582.56	Bình Dương			
6093	61K-548.08	Bình Dương	7693	61K-585.96	Bình Dương			
6094	61K-566.25	Bình Dương	7694	62A-473.38	Long An			
6095	61K-570.19	Bình Dương	7695	62A-476.85	Long An			
6096	61K-574.06	Bình Dương	7696	62A-477.06	Long An			
6097	61K-574.18	Bình Dương	7697	62A-480.15	Long An			
6098	61K-577.16	Bình Dương	7698	62A-483.16	Long An			
6099	61K-577.95	Bình Dương	7699	62A-483.96	Long An			
6100	61K-583.29	Bình Dương	7700	62A-492.08	Long An			
6101	61K-584.09	Bình Dương	7701	62A-492.85	Long An			
6102	61K-585.38	Bình Dương	7702	62A-493.26	Long An			
6103	61K-587.65	Bình Dương	7703	62C-219.06	Long An			
6104	61K-587.96	Bình Dương	7704	62D-016.29	Long An			
6105	62A-469.95	Long An	7705	63A-327.25	Tiền Giang			
6106	62A-477.83	Long An	7706	63A-336.58	Tiền Giang			
6107	62A-478.83	Long An	7707	63A-338.36	Tiền Giang			
6108	62A-481.59	Long An	7708	63A-339.06	Tiền Giang			
6109	62A-487.16	Long An	7709	63A-340.36	Tiền Giang			
6110	62B-034.18	Long An	7710	63A-341.06	Tiền Giang			
6111	62C-219.26	Long An	7711	63A-341.29	Tiền Giang			
6112	62C-220.18	Long An	7712	63B-034.85	Tiền Giang			

Danh sách biên số đấu giá ngày 28/10/2024; hạn nộp tiền: chậm nhất đến 16h30 ngày 25/10/2024

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
6113	62D-016.96	Long An	7713	63C-228.98	Tiền Giang			
6114	63A-325.18	Tiền Giang	7714	63C-234.09	Tiền Giang			
6115	63A-325.65	Tiền Giang	7715	63C-239.18	Tiền Giang			
6116	63A-332.95	Tiền Giang	7716	63C-240.18	Tiền Giang			
6117	63A-334.85	Tiền Giang	7717	64A-204.25	Vĩnh Long			
6118	63B-035.38	Tiền Giang	7718	64A-204.59	Vĩnh Long			
6119	63C-229.65	Tiền Giang	7719	65A-521.59	Cần Thơ			
6120	63C-231.85	Tiền Giang	7720	65A-522.09	Cần Thơ			
6121	63C-234.58	Tiền Giang	7721	65A-525.65	Cần Thơ			
6122	63C-235.08	Tiền Giang	7722	65A-530.06	Cần Thơ			
6123	63D-013.98	Tiền Giang	7723	65A-530.59	Cần Thơ			
6124	63D-015.36	Tiền Giang	7724	65A-533.56	Cần Thơ			
6125	64A-206.09	Vĩnh Long	7725	65B-027.08	Cần Thơ			
6126	64A-206.15	Vĩnh Long	7726	65C-250.09	Cần Thơ			
6127	64A-206.58	Vĩnh Long	7727	65C-254.06	Cần Thơ			
6128	64A-207.95	Vĩnh Long	7728	65C-255.38	Cần Thơ			
6129	64C-136.98	Vĩnh Long	7729	65C-259.56	Cần Thơ			
6130	64D-008.38	Vĩnh Long	7730	65C-269.08	Cần Thơ			
6131	64D-008.56	Vĩnh Long	7731	65C-270.16	Cần Thơ			
6132	64D-009.36	Vĩnh Long	7732	65D-011.98	Cần Thơ			
6133	65A-519.56	Cần Thơ	7733	66A-304.06	Đồng Tháp			
6134	65A-520.06	Cần Thơ	7734	66A-304.36	Đồng Tháp			
6135	65A-522.06	Cần Thơ	7735	66A-304.83	Đồng Tháp			
6136	65A-522.38	Cần Thơ	7736	66A-306.36	Đồng Tháp			
6137	65B-027.06	Cần Thơ	7737	66A-308.59	Đồng Tháp			
6138	65C-252.16	Cần Thơ	7738	66A-312.18	Đồng Tháp			
6139	65C-263.16	Cần Thơ	7739	66A-314.35	Đồng Tháp			
6140	65C-271.56	Cần Thơ	7740	66C-189.85	Đồng Tháp			
6141	65D-012.36	Cần Thơ	7741	66D-012.26	Đồng Tháp			
6142	65D-014.25	Cần Thơ	7742	67A-329.08	An Giang			
6143	66A-306.18	Đồng Tháp	7743	67A-332.95	An Giang			
6144	66A-312.35	Đồng Tháp	7744	67A-339.18	An Giang			
6145	66A-317.56	Đồng Tháp	7745	67A-342.09	An Giang			
6146	66B-025.85	Đồng Tháp	7746	67A-343.15	An Giang			
6147	66B-026.96	Đồng Tháp	7747	67B-030.15	An Giang			
6148	66B-027.26	Đồng Tháp	7748	67B-031.85	An Giang			
6149	66C-187.15	Đồng Tháp	7749	67C-190.08	An Giang			
6150	67A-329.19	An Giang	7750	67C-190.29	An Giang			
6151	67A-332.29	An Giang	7751	67C-194.98	An Giang			
6152	67A-337.58	An Giang	7752	67C-196.63	An Giang			
6153	67A-340.38	An Giang	7753	67D-010.96	An Giang			

H
M
T.P.H

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
6154	67A-341.96	An Giang	7754	68A-370.26	Kiên Giang			
6155	67A-342.59	An Giang	7755	68A-371.18	Kiên Giang			
6156	67B-032.58	An Giang	7756	68A-372.29	Kiên Giang			
6157	67B-032.63	An Giang	7757	68A-374.59	Kiên Giang			
6158	67C-195.85	An Giang	7758	68A-376.85	Kiên Giang			
6159	67C-196.08	An Giang	7759	68C-184.59	Kiên Giang			
6160	67C-196.28	An Giang	7760	69C-104.96	Cà Mau			
6161	68A-369.25	Kiên Giang	7761	69C-106.65	Cà Mau			
6162	68A-373.15	Kiên Giang	7762	70A-584.83	Tây Ninh			
6163	68A-379.38	Kiên Giang	7763	70A-587.19	Tây Ninh			
6164	68C-182.98	Kiên Giang	7764	70A-601.95	Tây Ninh			
6165	68D-009.65	Kiên Giang	7765	70B-035.08	Tây Ninh			
6166	69A-172.96	Cà Mau	7766	70C-215.26	Tây Ninh			
6167	69A-173.58	Cà Mau	7767	70D-011.16	Tây Ninh			
6168	69B-016.28	Cà Mau	7768	71D-009.58	Bến Tre			
6169	69C-106.96	Cà Mau	7769	72A-853.56	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6170	70A-587.56	Tây Ninh	7770	72A-854.15	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6171	70A-589.28	Tây Ninh	7771	72A-859.28	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6172	70A-592.96	Tây Ninh	7772	72A-859.65	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6173	70A-593.58	Tây Ninh	7773	72A-861.85	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6174	70A-596.35	Tây Ninh	7774	72A-862.58	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6175	70A-600.85	Tây Ninh	7775	72A-864.15	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6176	70A-600.95	Tây Ninh	7776	72A-875.59	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6177	70A-601.16	Tây Ninh	7777	72B-048.85	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6178	70A-607.98	Tây Ninh	7778	72C-267.28	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6179	70B-035.63	Tây Ninh	7779	72C-270.59	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6180	70B-035.95	Tây Ninh	7780	72C-273.19	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6181	70C-213.29	Tây Ninh	7781	72C-276.83	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6182	70D-014.09	Tây Ninh	7782	72C-277.16	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6183	71A-218.36	Bến Tre	7783	73A-372.18	Quảng Bình			
6184	71A-219.58	Bến Tre	7784	73A-373.96	Quảng Bình			
6185	71A-221.63	Bến Tre	7785	73A-374.83	Quảng Bình			
6186	71A-223.59	Bến Tre	7786	73A-375.15	Quảng Bình			
6187	71C-134.15	Bến Tre	7787	73A-377.25	Quảng Bình			
6188	71D-006.09	Bến Tre	7788	73B-018.65	Quảng Bình			
6189	71D-007.83	Bến Tre	7789	73C-193.95	Quảng Bình			
6190	71D-008.85	Bến Tre	7790	73C-196.08	Quảng Bình			
6191	72A-849.29	Bà Rịa - Vũng Tàu	7791	73C-197.96	Quảng Bình			
6192	72A-851.98	Bà Rịa - Vũng Tàu	7792	73D-011.96	Quảng Bình			
6193	72A-852.08	Bà Rịa - Vũng Tàu	7793	74A-278.29	Quảng Trị			
6194	72A-852.83	Bà Rịa - Vũng Tàu	7794	74A-280.59	Quảng Trị			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
6195	72A-858.29	Bà Rịa - Vũng Tàu	7795	74A-282.18	Quảng Trị			
6196	72A-863.83	Bà Rịa - Vũng Tàu	7796	74C-144.95	Quảng Trị			
6197	72A-868.08	Bà Rịa - Vũng Tàu	7797	74C-146.36	Quảng Trị			
6198	72A-870.08	Bà Rịa - Vũng Tàu	7798	74C-148.25	Quảng Trị			
6199	72A-874.08	Bà Rịa - Vũng Tàu	7799	74C-148.58	Quảng Trị			
6200	72A-874.26	Bà Rịa - Vũng Tàu	7800	75A-393.15	Thừa Thiên Huế			
6201	72A-880.95	Bà Rịa - Vũng Tàu	7801	75A-399.63	Thừa Thiên Huế			
6202	72A-880.96	Bà Rịa - Vũng Tàu	7802	75A-400.15	Thừa Thiên Huế			
6203	72A-884.65	Bà Rịa - Vũng Tàu	7803	75A-401.98	Thừa Thiên Huế			
6204	72B-045.25	Bà Rịa - Vũng Tàu	7804	75A-402.36	Thừa Thiên Huế			
6205	72C-269.16	Bà Rịa - Vũng Tàu	7805	75B-029.58	Thừa Thiên Huế			
6206	72C-273.83	Bà Rịa - Vũng Tàu	7806	75C-157.96	Thừa Thiên Huế			
6207	72C-280.36	Bà Rịa - Vũng Tàu	7807	75C-163.65	Thừa Thiên Huế			
6208	72D-013.35	Bà Rịa - Vũng Tàu	7808	75C-163.95	Thừa Thiên Huế			
6209	72D-015.19	Bà Rịa - Vũng Tàu	7809	75C-163.98	Thừa Thiên Huế			
6210	73A-374.35	Quảng Bình	7810	75D-011.19	Thừa Thiên Huế			
6211	73A-375.28	Quảng Bình	7811	76A-330.98	Quảng Ngãi			
6212	73A-376.63	Quảng Bình	7812	76A-331.15	Quảng Ngãi			
6213	73B-018.15	Quảng Bình	7813	76A-337.16	Quảng Ngãi			
6214	73B-018.58	Quảng Bình	7814	77A-359.85	Bình Định			
6215	73B-019.09	Quảng Bình	7815	77A-362.15	Bình Định			
6216	73C-193.35	Quảng Bình	7816	77A-365.59	Bình Định			
6217	73C-195.29	Quảng Bình	7817	77B-037.95	Bình Định			
6218	73C-197.16	Quảng Bình	7818	77B-041.06	Bình Định			
6219	73D-008.36	Quảng Bình	7819	77C-263.15	Bình Định			
6220	74A-282.58	Quảng Trị	7820	77C-263.56	Bình Định			
6221	74A-287.09	Quảng Trị	7821	77C-263.58	Bình Định			
6222	74B-017.19	Quảng Trị	7822	77C-266.58	Bình Định			
6223	74C-144.85	Quảng Trị	7823	78A-223.09	Phú Yên			
6224	74C-147.58	Quảng Trị	7824	78B-019.25	Phú Yên			
6225	74C-148.96	Quảng Trị	7825	78B-022.29	Phú Yên			
6226	74D-013.09	Quảng Trị	7826	78C-128.26	Phú Yên			
6227	75A-387.65	Thừa Thiên Huế	7827	78D-007.28	Phú Yên			
6228	75B-029.08	Thừa Thiên Huế	7828	78D-008.63	Phú Yên			
6229	75B-031.19	Thừa Thiên Huế	7829	79A-577.25	Khánh Hòa			
6230	75B-032.59	Thừa Thiên Huế	7830	79A-580.26	Khánh Hòa			
6231	75C-161.83	Thừa Thiên Huế	7831	79A-588.59	Khánh Hòa			
6232	75C-162.08	Thừa Thiên Huế	7832	79A-589.63	Khánh Hòa			
6233	75C-162.58	Thừa Thiên Huế	7833	79A-595.28	Khánh Hòa			
6234	75C-162.96	Thừa Thiên Huế	7834	79C-231.19	Khánh Hòa			
6235	76A-325.09	Quảng Ngãi	7835	81A-454.85	Gia Lai			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
6236	76A-333.83	Quảng Ngãi	7836	81A-466.09	Gia Lai			
6237	76A-337.18	Quảng Ngãi	7837	81A-466.35	Gia Lai			
6238	77A-361.28	Bình Định	7838	81A-475.08	Gia Lai			
6239	77A-364.26	Bình Định	7839	81A-478.19	Gia Lai			
6240	77A-364.38	Bình Định	7840	81A-479.28	Gia Lai			
6241	77A-369.09	Bình Định	7841	81C-284.15	Gia Lai			
6242	77A-371.29	Bình Định	7842	81C-288.36	Gia Lai			
6243	77B-039.18	Bình Định	7843	81C-288.65	Gia Lai			
6244	77C-261.29	Bình Định	7844	81C-292.08	Gia Lai			
6245	77C-262.35	Bình Định	7845	81C-293.16	Gia Lai			
6246	77C-263.08	Bình Định	7846	81C-293.25	Gia Lai			
6247	77C-264.59	Bình Định	7847	81D-014.26	Gia Lai			
6248	78B-018.65	Phú Yên	7848	81D-017.06	Gia Lai			
6249	78B-019.08	Phú Yên	7849	82B-020.56	Kon Tum			
6250	79A-577.18	Khánh Hòa	7850	82B-024.19	Kon Tum			
6251	79A-583.16	Khánh Hòa	7851	82D-012.19	Kon Tum			
6252	79A-588.56	Khánh Hòa	7852	82D-012.35	Kon Tum			
6253	79C-228.25	Khánh Hòa	7853	82D-013.95	Kon Tum			
6254	79C-230.16	Khánh Hòa	7854	83A-193.26	Sóc Trăng			
6255	79D-014.29	Khánh Hòa	7855	83A-194.85	Sóc Trăng			
6256	81A-459.36	Gia Lai	7856	83C-132.19	Sóc Trăng			
6257	81A-460.65	Gia Lai	7857	83D-010.26	Sóc Trăng			
6258	81A-463.15	Gia Lai	7858	84A-146.96	Trà Vinh			
6259	81A-468.36	Gia Lai	7859	84A-148.08	Trà Vinh			
6260	81A-474.08	Gia Lai	7860	84A-149.29	Trà Vinh			
6261	81C-285.56	Gia Lai	7861	84B-021.06	Trà Vinh			
6262	81C-297.83	Gia Lai	7862	84C-125.28	Trà Vinh			
6263	81C-298.95	Gia Lai	7863	84C-129.25	Trà Vinh			
6264	81D-015.56	Gia Lai	7864	85A-147.96	Ninh Thuận			
6265	82A-160.85	Kon Tum	7865	85A-149.28	Ninh Thuận			
6266	82A-161.28	Kon Tum	7866	85A-150.26	Ninh Thuận			
6267	82A-162.56	Kon Tum	7867	85C-085.09	Ninh Thuận			
6268	82A-162.59	Kon Tum	7868	85C-086.26	Ninh Thuận			
6269	82A-163.19	Kon Tum	7869	86A-321.35	Bình Thuận			
6270	82A-165.58	Kon Tum	7870	86A-323.28	Bình Thuận			
6271	82B-022.08	Kon Tum	7871	86A-323.85	Bình Thuận			
6272	82B-023.59	Kon Tum	7872	86A-324.19	Bình Thuận			
6273	82C-097.25	Kon Tum	7873	86A-326.95	Bình Thuận			
6274	82C-097.65	Kon Tum	7874	86B-025.06	Bình Thuận			
6275	82C-099.06	Kon Tum	7875	86B-028.06	Bình Thuận			
6276	82D-013.36	Kon Tum	7876	86B-028.18	Bình Thuận			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
6277	82D-014.28	Kon Tum	7877	86D-007.83	Bình Thuận			
6278	83A-193.83	Sóc Trăng	7878	88A-790.96	Vĩnh Phúc			
6279	83A-195.65	Sóc Trăng	7879	88A-794.19	Vĩnh Phúc			
6280	83A-196.26	Sóc Trăng	7880	88A-798.85	Vĩnh Phúc			
6281	83B-023.63	Sóc Trăng	7881	88A-799.85	Vĩnh Phúc			
6282	83C-139.06	Sóc Trăng	7882	88A-800.85	Vĩnh Phúc			
6283	83C-139.26	Sóc Trăng	7883	88A-803.63	Vĩnh Phúc			
6284	84B-022.15	Trà Vinh	7884	88A-806.38	Vĩnh Phúc			
6285	84B-022.98	Trà Vinh	7885	88A-815.63	Vĩnh Phúc			
6286	84C-125.19	Trà Vinh	7886	88A-819.09	Vĩnh Phúc			
6287	84D-007.38	Trà Vinh	7887	88A-819.15	Vĩnh Phúc			
6288	85A-151.36	Ninh Thuận	7888	88A-821.08	Vĩnh Phúc			
6289	85B-017.98	Ninh Thuận	7889	88A-822.85	Vĩnh Phúc			
6290	85C-086.63	Ninh Thuận	7890	88A-829.56	Vĩnh Phúc			
6291	85D-007.65	Ninh Thuận	7891	88C-310.16	Vĩnh Phúc			
6292	86A-322.56	Bình Thuận	7892	88C-312.56	Vĩnh Phúc			
6293	86A-326.08	Bình Thuận	7893	88C-313.09	Vĩnh Phúc			
6294	86A-328.16	Bình Thuận	7894	88C-313.15	Vĩnh Phúc			
6295	86A-332.18	Bình Thuận	7895	88C-316.28	Vĩnh Phúc			
6296	86B-028.38	Bình Thuận	7896	88C-316.96	Vĩnh Phúc			
6297	86C-210.09	Bình Thuận	7897	88C-320.36	Vĩnh Phúc			
6298	86C-211.26	Bình Thuận	7898	88C-325.15	Vĩnh Phúc			
6299	86D-006.25	Bình Thuận	7899	89A-533.08	Hưng Yên			
6300	86D-006.63	Bình Thuận	7900	89A-544.65	Hưng Yên			
6301	88A-789.63	Vĩnh Phúc	7901	89A-546.09	Hưng Yên			
6302	88A-791.16	Vĩnh Phúc	7902	89A-548.96	Hưng Yên			
6303	88A-802.36	Vĩnh Phúc	7903	89A-550.59	Hưng Yên			
6304	88A-804.65	Vĩnh Phúc	7904	89A-551.85	Hưng Yên			
6305	88A-815.29	Vĩnh Phúc	7905	89A-552.19	Hưng Yên			
6306	88A-821.16	Vĩnh Phúc	7906	89A-566.95	Hưng Yên			
6307	88A-825.83	Vĩnh Phúc	7907	89C-345.63	Hưng Yên			
6308	88B-022.09	Vĩnh Phúc	7908	89C-345.96	Hưng Yên			
6309	88B-024.38	Vĩnh Phúc	7909	89C-346.65	Hưng Yên			
6310	88B-025.35	Vĩnh Phúc	7910	89C-349.15	Hưng Yên			
6311	88C-311.98	Vĩnh Phúc	7911	89C-350.63	Hưng Yên			
6312	88C-314.25	Vĩnh Phúc	7912	89C-351.18	Hưng Yên			
6313	88C-315.28	Vĩnh Phúc	7913	89C-359.15	Hưng Yên			
6314	88C-324.29	Vĩnh Phúc	7914	89D-023.95	Hưng Yên			
6315	88D-022.15	Vĩnh Phúc	7915	89D-024.59	Hưng Yên			
6316	88D-024.09	Vĩnh Phúc	7916	90A-300.83	Hà Nam			
6317	89A-533.09	Hưng Yên	7917	90A-301.83	Hà Nam			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
6318	89A-536.85	Hưng Yên	7918	90B-016.25	Hà Nam			
6319	89A-537.09	Hưng Yên	7919	90C-156.35	Hà Nam			
6320	89A-558.36	Hưng Yên	7920	92A-434.36	Quảng Nam			
6321	89A-561.38	Hưng Yên	7921	92A-438.98	Quảng Nam			
6322	89A-565.08	Hưng Yên	7922	92A-439.98	Quảng Nam			
6323	89B-025.19	Hưng Yên	7923	92A-443.56	Quảng Nam			
6324	89B-027.19	Hưng Yên	7924	92A-445.19	Quảng Nam			
6325	89C-345.18	Hưng Yên	7925	92A-448.35	Quảng Nam			
6326	89C-349.85	Hưng Yên	7926	92B-040.56	Quảng Nam			
6327	89C-349.98	Hưng Yên	7927	92B-041.15	Quảng Nam			
6328	89C-358.36	Hưng Yên	7928	93A-518.98	Bình Phước			
6329	89C-359.65	Hưng Yên	7929	93B-021.96	Bình Phước			
6330	89D-023.38	Hưng Yên	7930	93B-022.15	Bình Phước			
6331	90A-291.15	Hà Nam	7931	93B-022.98	Bình Phước			
6332	90A-293.35	Hà Nam	7932	93C-199.29	Bình Phước			
6333	90C-154.56	Hà Nam	7933	93C-199.83	Bình Phước			
6334	90C-157.08	Hà Nam	7934	93C-202.59	Bình Phước			
6335	92A-434.15	Quảng Nam	7935	93C-203.59	Bình Phước			
6336	92A-434.58	Quảng Nam	7936	93C-206.65	Bình Phước			
6337	92A-437.19	Quảng Nam	7937	94A-111.83	Bạc Liêu			
6338	92A-441.15	Quảng Nam	7938	94A-114.16	Bạc Liêu			
6339	92A-442.06	Quảng Nam	7939	95A-141.63	Hậu Giang			
6340	92A-442.38	Quảng Nam	7940	95B-018.15	Hậu Giang			
6341	92A-443.59	Quảng Nam	7941	95B-019.28	Hậu Giang			
6342	92A-444.85	Quảng Nam	7942	95C-093.58	Hậu Giang			
6343	92B-042.36	Quảng Nam	7943	95D-026.16	Hậu Giang			
6344	92C-263.58	Quảng Nam	7944	97A-095.83	Bắc Kạn			
6345	92C-264.96	Quảng Nam	7945	97B-015.58	Bắc Kạn			
6346	93A-506.26	Bình Phước	7946	97B-017.38	Bắc Kạn			
6347	93A-517.35	Bình Phước	7947	97B-019.09	Bắc Kạn			
6348	93A-523.18	Bình Phước	7948	97B-019.26	Bắc Kạn			
6349	93B-021.83	Bình Phước	7949	97C-050.19	Bắc Kạn			
6350	93B-023.18	Bình Phước	7950	97C-050.56	Bắc Kạn			
6351	93B-024.08	Bình Phước	7951	97D-008.18	Bắc Kạn			
6352	93C-199.15	Bình Phước	7952	97D-008.56	Bắc Kạn			
6353	93C-206.98	Bình Phước	7953	98A-860.16	Bắc Giang			
6354	93C-208.06	Bình Phước	7954	98A-865.18	Bắc Giang			
6355	94A-110.56	Bạc Liêu	7955	98A-876.36	Bắc Giang			
6356	94B-016.83	Bạc Liêu	7956	98A-878.19	Bắc Giang			
6357	94B-017.08	Bạc Liêu	7957	98A-887.83	Bắc Giang			
6358	94C-085.06	Bạc Liêu	7958	98A-891.85	Bắc Giang			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
6359	94C-087.19	Bạc Liêu	7959	98A-892.15	Bắc Giang			
6360	95A-142.29	Hậu Giang	7960	98A-894.65	Bắc Giang			
6361	95B-016.83	Hậu Giang	7961	98A-895.18	Bắc Giang			
6362	95C-093.28	Hậu Giang	7962	98A-897.29	Bắc Giang			
6363	95D-027.15	Hậu Giang	7963	98A-905.59	Bắc Giang			
6364	97A-096.95	Bắc Kạn	7964	98A-905.65	Bắc Giang			
6365	97B-015.83	Bắc Kạn	7965	98A-905.83	Bắc Giang			
6366	97B-016.06	Bắc Kạn	7966	98A-911.18	Bắc Giang			
6367	97B-017.98	Bắc Kạn	7967	98A-911.59	Bắc Giang			
6368	97C-052.85	Bắc Kạn	7968	98B-044.26	Bắc Giang			
6369	98A-859.08	Bắc Giang	7969	98C-377.56	Bắc Giang			
6370	98A-859.18	Bắc Giang	7970	98C-378.29	Bắc Giang			
6371	98A-859.83	Bắc Giang	7971	98C-380.16	Bắc Giang			
6372	98A-861.09	Bắc Giang	7972	98C-380.29	Bắc Giang			
6373	98A-865.29	Bắc Giang	7973	98C-380.58	Bắc Giang			
6374	98A-868.36	Bắc Giang	7974	98C-380.63	Bắc Giang			
6375	98A-871.98	Bắc Giang	7975	98C-381.28	Bắc Giang			
6376	98A-892.38	Bắc Giang	7976	98C-384.63	Bắc Giang			
6377	98A-906.98	Bắc Giang	7977	98C-386.08	Bắc Giang			
6378	98C-381.15	Bắc Giang	7978	98C-386.85	Bắc Giang			
6379	98C-383.16	Bắc Giang	7979	98C-393.15	Bắc Giang			
6380	98C-388.19	Bắc Giang	7980	98C-393.29	Bắc Giang			
6381	98C-390.95	Bắc Giang	7981	98D-020.83	Bắc Giang			
6382	98D-021.98	Bắc Giang	7982	99A-858.09	Bắc Ninh			
6383	98D-022.29	Bắc Giang	7983	99A-860.29	Bắc Ninh			
6384	98D-022.35	Bắc Giang	7984	99A-860.35	Bắc Ninh			
6385	99A-854.18	Bắc Ninh	7985	99A-860.63	Bắc Ninh			
6386	99A-855.26	Bắc Ninh	7986	99A-868.96	Bắc Ninh			
6387	99A-862.16	Bắc Ninh	7987	99A-875.16	Bắc Ninh			
6388	99A-873.58	Bắc Ninh	7988	99A-877.38	Bắc Ninh			
6389	99A-876.15	Bắc Ninh	7989	99A-877.85	Bắc Ninh			
6390	99A-877.56	Bắc Ninh	7990	99A-882.26	Bắc Ninh			
6391	99A-880.29	Bắc Ninh	7991	99A-882.38	Bắc Ninh			
6392	99A-882.06	Bắc Ninh	7992	99A-891.28	Bắc Ninh			
6393	99A-885.56	Bắc Ninh	7993	99A-895.65	Bắc Ninh			
6394	99A-886.15	Bắc Ninh	7994	99B-033.36	Bắc Ninh			
6395	99A-894.09	Bắc Ninh	7995	99C-330.25	Bắc Ninh			
6396	99B-031.09	Bắc Ninh	7996	99C-330.65	Bắc Ninh			
6397	99B-031.26	Bắc Ninh	7997	99C-331.19	Bắc Ninh			
6398	99C-337.58	Bắc Ninh	7998	99C-337.35	Bắc Ninh			
6399	99C-339.06	Bắc Ninh	7999	99D-025.09	Bắc Ninh			



Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
6400	99C-343.06	Bắc Ninh	8000	99D-025.15	Bắc Ninh			

